

LỜI CẢM ƠN

Đối với sinh viên ngành Văn hoá du lịch, việc làm khoá luận có ý nghĩa rất quan trọng. Bởi đây là cơ hội giúp cho bản thân sinh viên gắn lý luận vào thực tiễn từ đó có cái nhìn toàn diện, sâu sắc sẽ giúp ích lớn cho công việc sau này. Đồng thời cũng coi đây là bước tập dượt đầu tiên, khởi đầu cho những bước tiếp theo trong tương lai.

Trong quá trình viết khoá luận, mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, khảo sát, thu thập tài liệu xong nội dung khoá luận vẫn còn nhiều hạn chế về mọi mặt, em rất mong được các thầy cô giáo cùng với người đọc chỉ bảo.

Em xin gửi lời cảm ơn Ban giám hiệu trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng.

Để hoàn thiện khoá luận, em xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Khánh_ giáo viên trực tiếp hướng dẫn khoá luận.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, đã tạo điều kiện cung cấp, thu thập tài liệu cho nội dung, phạm vi nghiên cứu của khoá luận.

Xin gửi lời tri ân đến tất cả giáo viên ngành Văn hoá Du lịch đã cho em hành trang tri thức để bước những bước đi đầu tiên cho công việc sau này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Sinh viên

PHAN THỊ THANH HIỀN

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	4
2. Mục đích nghiên cứu	5
3. Nhiệm vụ nghiên cứu	5
4. Đối tượng nghiên cứu	6
5. Phạm vi nghiên cứu	6
6. Phương pháp nghiên cứu	6
7. Cấu trúc của khoá luận	7
CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	8
1.1. Khái niệm, nguyên tắc, tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững	8
<i>1.1.1. Một số khái niệm cơ bản</i>	<i>8</i>
<i>1.1.2. Những nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững</i>	<i>13</i>
<i>1.1.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững</i>	<i>21</i>
1.2. Quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững	32
<i>1.2.1. Vai trò, đặc điểm của quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững</i>	<i>32</i>
<i>1.2.2. Những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững</i>	<i>34</i>
1.3. Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về phát triển du lịch bền vững	35
<i>1.3.1. Kinh nghiệm quốc tế</i>	<i>35</i>
<i>1.3.2. Kinh nghiệm trong nước</i>	<i>40</i>
<i>1.3.3. Những bài học rút ra cho phát triển du lịch bền vững Hải Dương</i> ..	<i>41</i>
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở HẢI DƯƠNG	43
2.1. Tài nguyên du lịch ở Hải Dương	43
<i>2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên</i>	<i>43</i>

2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn	49
2.1.3. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch ở Hải Dương	54
2.2. Thực trạng phát triển du lịch ở Hải Dương	56
2.2.1. Các chỉ tiêu đã đạt được trong phát triển ngành.....	56
2.2.2. Thực trạng hệ thống sản phẩm du lịch	72
2.2.3. Hiện trạng về hoạt động xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch.....	76
2.2.4. Hiện trạng về quản lý khai thác tài nguyên và môi trường du lịch. ..	77
2.2.5. Hiện trạng hoạt động quản lý phát triển du lịch	84
2.2.6. Sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch.....	89
2.3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển du lịch ở Hải Dương trên quan điểm phát triển du lịch bền vững và những vấn đề đặt ra.....	89
2.3.1. Đánh giá chung về thực trạng phát triển du lịch ở Hải Dương trên quan điểm phát triển du lịch bền vững	89
2.3.2. Những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương	91
CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở HẢI DƯƠNG.....	98
3.1. Định hướng phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương	98
3.1.1. Mục tiêu.....	98
3.1.2. Định hướng phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương	102
3.2. Các giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương	114
3.2.1. Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế.....	114
3.2.2. Nhóm các giải pháp phát triển bền vững về tài nguyên- môi trường	123
3.2.3. Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về xã hội.....	125
KẾT LUẬN	127
TÀI LIỆU THAM KHẢO	130
PHỤ LỤC	131

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài.

Hoạt động du lịch ngày nay trở thành một nhu cầu tất yếu khách quan của con người. Sự bùng nổ và hiệu quả kinh doanh của du lịch nên ở nhiều quốc gia trên thế giới, du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn, là “*con gà đẻ trứng vàng*”. Theo đánh giá của Hội đồng du lịch thế giới thì hiện nay du lịch được coi là ngành kinh tế lớn nhất hành tinh.

Bên cạnh việc đem lại những lợi ích to lớn thì sự phát triển kinh tế nói chung nhất là sự phát triển du lịch với mức tăng trưởng nhanh, cùng với sự bùng nổ dân số khắp nơi trên toàn cầu, quá trình đô thị hoá quá mức, xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế, xã hội thế giới gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế, xã hội ở nhiều quốc gia trên quy mô toàn cầu.

Do vậy, phát triển bền vững đặc biệt với những ngành kinh tế có mối quan hệ gắn bó với tự nhiên như ngành du lịch đã trở thành nhu cầu, mục tiêu định hướng phát triển kinh tế, xã hội của nhiều quốc gia trên toàn thế giới.

Hải Dương là tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng, vị trí tâm điểm của tam giác kinh tế phía Bắc: Hà Nội- Quảng Ninh- Hải Phòng, có diện tích 1.662km², dân số là 1,7 triệu người sống trong 12 huyện, thành phố; trung tâm văn hoá, kinh tế chính trị là thành phố Hải Dương.

Hải Dương luôn được coi là vùng đất “*địa linh nhân kiệt*” là một trong cái nôi của nền văn hoá lâu đời của cả nước, là miền đất sinh ra và gắn liền với tên tuổi của nhiều anh hùng dân tộc, danh nhân văn hoá thế giới. Lịch sử ngàn năm bồi đắp và hội tụ đã để lại cho vùng đất này những tài sản vô cùng quý giá đó là 1098 di tích, trong đó có 143 di tích được xếp hạng cấp quốc gia, có nhiều di tích được xếp hạng đặc biệt như Côn Sơn- Kiếp Bạc, Văn miếu Mao Điền...

Với vị trí địa lý và giao thông (đường bộ, đường sắt, đường sông) thuận lợi cùng với tiềm năng tài nguyên du lịch phong phú và đa dạng Hải Dương có

điều kiện để phát triển du lịch và giữ vị trí quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch của Trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận nói riêng và của vùng du lịch Bắc Bộ và cả nước nói chung.

Trên phạm vi cả nước, du lịch được xác định “ ***Phát triển du lịch thật sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn***” (Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần IX,2001). Với những lợi thế về du lịch và nhận thức được những lợi ích về kinh tế xã hội gắn bảo tồn và phát huy các giá trị di sản mà du lịch đem lại. Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh Hải Dương đã sớm có những chủ trương, chính sách tạo điều kiện để du lịch Hải Dương phát triển. Bước đầu du lịch Hải Dương đạt được những thành tựu bước đầu quan trọng cả về kinh tế và xã hội. Theo đó du lịch phải là ngành kinh tế quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của Hải Dương và sự phát triển bền vững của du lịch Hải Dương. Trong bối cảnh đó, việc nghiên cứu, gắn lý luận với thực tiễn, để đưa ra các giải pháp cho phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương là rất cần thiết, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển du lịch Hải Dương không chỉ trong thời gian trước mắt mà còn cho giai đoạn lâu dài.

Với lý do nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài: “ ***Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương***” làm luận văn tốt nghiệp.

2. Mục đích nghiên cứu

Đề xuất được các giải pháp có khả năng áp dụng trong thực tiễn, phù hợp với điều kiện địa phương, góp phần vào sự phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương.

3 Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện được mục đích nêu trên, đề tài tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

- Tổng quan có hệ thống và chọn lọc những vấn đề lý luận về phát triển du lịch bền vững.
- Đánh giá thực trạng phát triển du lịch tỉnh Hải Dương, đặc biệt trong

giai đoạn từ năm 2001 đến nay, trên quan điểm và những nguyên tắc về phát triển du lịch bền vững. Tập trung phân tích nguyên nhân của hiện trạng phát triển, làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các giải pháp.

- Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp cho phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương.

4. Đối tượng nghiên cứu

Các giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương. Chú trọng đối với những giải pháp có liên quan đến đảm bảo phát triển du lịch bền vững từ góc độ kinh tế.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Về thời gian: Chuỗi số liệu được sử dụng để phân tích là từ năm 2001 đến nay.
- Về không gian: Địa bàn Hải Dương là không gian “*cứng*”, vùng đồng bằng sông Hồng, bao gồm cả Hà Nội là không gian “*mềm*”.

6. Phương pháp nghiên cứu

+ *Phương pháp điều tra thực địa*

Để hoàn thành bài khoá luận việc điều tra thực địa là rất quan trọng. Phương pháp này giúp cho việc sưu tầm, thu thập tài liệu, số liệu thêm phong phú, xác thực, đồng thời phương pháp thực địa giúp kiểm chứng lại những số liệu, tài liệu có liên quan, từ đó có những đánh giá xác thực hơn và làm cơ sở cho các phương khác.

+ *Phương pháp phân tích, tổng hợp và so sánh*

Phương pháp này sử dụng để thống kê tài liệu, số liệu, các thông tin thu thập được từ thực tế, từ thư viện hay từ các nguồn khác... rồi phân tích sử lý và lựa chọn tổng hợp theo yêu cầu của khoá luận.

+ *Phương pháp bản đồ*

Sơ đồ và bản đồ được sử dụng để phản ánh những đặc điểm về không gian địa lý, về nguồn tài nguyên, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch... Đồng thời cũng là phương tiện thể hiện nội dung và kết quả nghiên cứu của đề tài khoá luận.

+ ***Phương pháp toán học và thống kê du lịch***

Phương pháp toán học và thống kê du lịch được sử dụng trong khoá luận để tập hợp, thống kê các di tích lịch sử văn hoá, các danh lam thắng cảnh, tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên nhân văn quan trọng, thống kê đánh giá lượng khách, doanh thu tỷ trọng và mức độ tăng trưởng du lịch. Tính toán cân đối các số liệu, từ đó xác định thực trạng và hiệu quả phát triển.

+ ***Phương pháp dự báo***

Phương pháp sử dụng trong việc đề ra các định hướng mục tiêu và các giải pháp phát triển du lịch bền vững của tỉnh Hải Dương.

7. Cấu trúc của khoá luận

Ngoài lời cảm ơn, phần mở đầu, kết luận, và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của khoá luận được kết cấu thành 3 chương:

Chương I. Cơ sở lý luận và kinh nghiệm về phát triển bền vững.

Chương II. Thực trạng phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương.

Chương III. Định hướng và giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương.

CHƯƠNG I: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1.1. Khái niệm, nguyên tắc, tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Phát triển bền vững.

Phát triển được xem là một quá trình tăng trưởng bao gồm nhiều yếu tố cấu thành khác nhau về kinh tế, chính trị, văn hoá... Phát triển là xu hướng tự nhiên tất yếu của thế giới vật chất nói chung, của xã hội loài người nói riêng. Phát triển kinh tế- xã hội là quá trình nhằm nâng cao điều kiện sống về vật chất và tinh thần của con người thông qua phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, nâng cao các giá trị văn hoá công đồng.

Bên cạnh những lợi ích xã hội, nâng cao điều kiện sống cho con người, hoạt động phát triển cũng đã và đang làm cạn kiệt tài nguyên, gây ra những tác động tiêu cực làm suy thoái môi trường. Trước thực tế đó, con người nhận thức được nguồn tài nguyên của Trái đất không phải là vô hạn, không thể tùy tiện khai thác. Bởi nếu quá trình này không kiểm soát được sẽ dẫn đến hậu quả không chỉ làm cạn kiệt nguồn tài nguyên môi trường và còn làm mất cân bằng về môi trường sinh thái gây ra những hậu quả môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển của xã hội qua nhiều thế hệ... từ nhận thức này xuất hiện một khái niệm mới của con người về hoạt động phát triển, đó là “**Phát triển bền vững**”.

Lý thuyết phát triển bền vững xuất hiện khoảng giữa những năm 80 và chính thức được đưa ra tại Hội nghị của Ủy ban Thế giới về Phát triển và môi trường (WCED) nổi tiếng với tên gọi Ủy ban Brundtland năm 1987.

Theo định nghĩa Brundtland thì “**Phát triển bền vững được hiểu là hoạt động phát triển kinh tế nhằm đáp ứng được các nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng các nhu cầu của thế hệ mai sau**”. Tuy nhiên nội dung chủ yếu đề cập đến trong định nghĩa này xoay quanh vấn đề phát triển bền vững.

Mặc dù còn nhiều tranh luận xung quanh khái niệm về phát triển bền vững ở những góc độ khác nhau, tuy nhiên có thể nhận thấy rằng cho đến nay khái niệm mà WCED đưa ra năm 1987 được sử dụng rộng rãi hơn cả, làm chuẩn mực để so sánh các hoạt động phát triển có trách nhiệm đối với môi trường sống của con người. Trong nội dung của định nghĩa này, có 2 vấn đề được phân tích như sau:

- “Nhu cầu” trong giới hạn của khái niệm này được hiểu là các nhu cầu thiết yếu của những người được xem là nghèo trên thế giới.

- Hạn chế việc lạm dụng khả năng tự phục hồi của môi trường tự nhiên. trong việc khai thác tài nguyên đáp ứng các nhu cầu bằng việc khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ và sự giúp đỡ của các tổ chức xã hội.

Để đảm bảo cho các hoạt động phát triển được bền vững, cần thiết phải xem xét một cách đồng bộ đến các khía cạnh về văn hoá- xã hội, tự nhiên và kinh tế.

Theo quan điểm của Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Thế giới (IUCN) đưa ra năm 1980, **“Phát triển bền vững phải cân nhắc đến hiện trạng khai thác các nguồn tài nguyên tái tạo và không tái tạo, đến các điều kiện thuận lợi cũng như khó khăn trong việc tổ chức các kế hoạch hành động ngắn hạn và dài hạn đan xen nhau”**. Điều này khẳng định rằng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của hầu hết các nước trên thế giới phải được xem xét trong mối quan hệ bền vững.

Tại hội nghị về Môi trường toàn cầu RIO 92+5, quan niệm về phát triển bền vững được các nhà khoa học bổ sung, theo đó **“Phát triển bền vững được hình thành trong sự hoà nhập, đan xen và thoả hiệp của 3 hệ thống tương tác là hệ tự nhiên, hệ kinh tế và hệ xã hội”**.

Như vậy phát triển bền vững là kết quả tương tác qua lại và phụ thuộc lẫn nhau của 3 hệ thống nói trên, đồng thời xác định phát triển bền vững không cho phép con người vì sự ưu tiên phát triển của hệ này mà gây ra sự

suy thoái và tàn phá đối với các hệ khác, hay nói cụ thể hơn thì phát triển bền vững là sự dung hoà các tương tác và sự thoả hiệp giữa 3 hệ thống nói trên nhằm:

- Tăng cường khả năng tham gia có hiệu quả của cộng đồng vào những quyết định mang tính chất chính trị trong quá trình phát triển xã hội.

- Tạo ra những khả năng nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà không làm suy thoái tài nguyên qua việc áp dụng những thành tựu mới về khoa học kỹ thuật.

- Giải quyết các xung đột trong xã hội do phát triển không cân bằng.

Ở Việt Nam lý luận về phát triển bền vững cũng đã được các nhà khoa học, lý luận quan tâm nghiên cứu trong thời gian gần đây trên cơ sở tiếp thu những kết quả nghiên cứu về lý luận và kinh nghiệm quốc tế về phát triển bền vững, đối với những hoàn cảnh cụ thể ở Việt Nam.

Là một quốc gia có diện tích tự nhiên vào loại trung bình trên thế giới trong đó 3/4 là địa hình núi đồi với hơn 3.200km bờ biển, trải dài trên 15 vĩ tuyến, Việt Nam có tiềm năng tự nhiên và môi trường phong phú. Tuy nhiên trong quá trình phát triển tài nguyên thiên nhiên, môi trường Việt Nam đã bị nhiều tác động đặc biệt là hậu quả của hai cuộc chiến tranh và tiếp đó là việc khai thác thiếu khoa học của con người. Trước tình hình đó, việc nghiên cứu lý luận làm cơ sở để phân tích đưa ra các giải pháp đảm bảo sự phát triển bền vững phù hợp với đặc điểm Việt Nam là hết sức cần thiết và cấp bách.

Chỉ thị số 36/CT ngày 25/6/1998 của Bộ chính trị BCHTW Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định mục tiêu và các quan điểm cơ bản cho phát triển bền vững dựa chủ yếu vào hoạt động môi trường. Đồng thời, trong “Báo cáo chính trị” tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) cũng đã chính thức đề cập đến khía cạnh bảo vệ môi trường sinh thái, sử dụng hợp lý tài nguyên như một cấu thành không thể tách rời của phát triển bền vững.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng Cộng sản Việt Nam đã xác định chiến lược phát triển của nước ta trong 20 năm tới là **“Phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi liền**

với phát triển văn hoá, từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường” và “...Sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, coi đây là một nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế xã hội”.

Như vậy có thể thấy chủ trương của Đảng, Nhà nước ta về phát triển bền vững trên ba mặt: Kinh tế, xã hội và môi tự nhiên đã được thể hiện một cách rõ ràng trong đường lối phát triển kinh tế- xã hội của đất nước.

1.1.1.2. Phát triển du lịch bền vững

Khái niệm về phát triển du lịch bền vững không tách rời khái niệm về phát triển bền vững. Ngay từ những năm 1980, khi các vấn đề về phát triển bền vững bắt đầu được đề cập, tiến hành nghiên cứu thì có nhiều nghiên cứu khoa học được thực hiện nhằm đưa ra các khía cạnh ảnh hưởng của du lịch có liên quan đến phát triển du lịch bền vững. Nhiệm vụ trọng tâm của những nghiên cứu này nhằm để giải thích cho sự cần thiết phải đảm bảo tính toàn vẹn của môi trường sinh thái, các giá trị văn hoá trong khi tiến hành các hoạt động khai thác tài nguyên phục vụ phát triển du lịch, góp phần tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Từ đầu thập niên 90 của Thế kỷ trước, các nhà khoa học trên thế giới đã đề cập nhiều đến việc phát triển du lịch với mục đích đơn thuần về kinh tế đang đe dọa huỷ hoại môi trường sinh thái, đến các nền văn hoá bản địa. Hậu quả của các tác động này sẽ lại làm ảnh hưởng đến bản thân sự phát triển lâu dài của ngành du lịch. Chính vì vậy đã xuất hiện yêu cầu nghiên cứu “Phát triển du lịch bền vững” nhằm hạn chế các tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đảm bảo sự phát triển lâu dài. Một số loại hình du lịch bước đầu quan tâm đến khía cạnh môi trường đã bắt đầu xuất hiện như “Du lịch sinh thái”, “Du lịch dựa vào thiên nhiên”, “Du lịch khám phá”, “Du lịch mạo hiểm”... đã góp phần nâng cao hình ảnh về một hướng phát triển du lịch có trách nhiệm đảm bảo sự phát triển bền vững.

Theo định nghĩa của Tổ chức Du lịch (UNWTO) đưa ra tại Hội nghị về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc tại Rio de Janeiro năm 1992 thì “**Du lịch bền vững là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng các nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển hoạt động du lịch trong tương lai. Du lịch bền vững sẽ có kế hoạch quản lý các nguồn tài nguyên nhằm thoả mãn các nhu cầu về kinh tế, xã hội, thẩm mỹ của con người trong khi đó vẫn duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá, đa dạng sinh học sự phát triển của các hệ sinh thái và các hệ thống hỗ trợ cho cuộc sống của con người**”.

Như vậy có thể coi du lịch bền vững là một nhánh của phát triển bền vững chung đã được Hội nghị Ủy ban Thế giới về Phát triển và Môi trường (hay Ủy ban Brundtland) xác định năm 1987. Phát triển du lịch bền vững là hoạt động phát triển ở một khu vực cụ thể, sao cho nội dung, hình thức và quy mô và thích hợp và bền vững theo thời gian, không gian làm suy thoái môi trường, làm ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ các hoạt động phát triển khác. Ngược lại tính bền vững của hoạt động phát triển du lịch được xây dựng trên nền tảng sự thành công trong phát triển của các ngành khác, sự phát triển bền vững nói chung của khu vực.

“**Du lịch bền vững**” ở Việt Nam là một khái niệm còn mới. Tuy nhiên, thông qua các bài học và kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch tại nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nhận thức về một phương thức phát triển du lịch có trách nhiệm với môi trường, có tác dụng giáo dục, nâng cao hiểu biết cho cộng đồng đã xuất hiện ở Việt Nam dưới hình thức các loại hình du lịch tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu... với tên gọi là “Du lịch sinh thái”, “Du lịch tự nhiên”...

Mặc dù còn những quan điểm chưa thật sự thống nhất về khái niệm phát triển du lịch bền vững, cho đến nay đa số ý kiến các chuyên gia trong lĩnh vực du lịch có liên quan khác ở Việt Nam đều cho rằng:

- “**Phát triển du lịch bền vững là hoạt động khai thác có quản lý các giá trị tự nhiên và nhân văn nhằm thoả mãn các nhu cầu đa dạng của**

khách du lịch, có quan tâm đến các lợi ích kinh tế dài hạn trong khi vẫn đảm bảo sự đóng góp cho bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên, duy trì được sự toàn vẹn về văn hoá để phát triển hoạt động du lịch trong tương lai; cho công tác bảo vệ môi trường và góp phần nâng cao sức sống của cộng đồng địa phương”

1.1.2. Những nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có định hướng tài nguyên rõ rệt, mang nội dung văn hoá sâu sắc, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao. Chính vì vậy sự phát triển du lịch bền vững đòi hỏi có sự nỗ lực chung và đồng bộ của toàn xã hội. Phát triển du lịch bền vững cần hướng tới việc đảm bảo được 3 mục tiêu cơ bản sau:

- *Đảm bảo sự phát triển bền vững về kinh tế:* Đảm bảo sự tăng trưởng, phát triển ổn định lâu dài về mặt kinh tế của du lịch góp phần tích cực vào phát triển kinh tế của quốc gia và cộng đồng.
- *Đảm bảo sự bền vững về tài nguyên và môi trường:* Thể hiện ở việc sử dụng hợp lý các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường. Việc khai thác, sử dụng tài nguyên du lịch cho phát triển cần được quản lý sao cho không chỉ thoả mãn nhu cầu hiện tại mà còn đảm bảo cho nhu cầu phát triển du lịch qua nhiều thế hệ. Bên cạnh đó trong quá trình phát triển, các tác động của hoạt động du lịch đến môi trường sẽ được hạn chế đi đôi với những đóng góp cho nỗ lực tôn tạo tài nguyên, bảo vệ môi trường.
- *Đảm bảo sự bền vững về xã hội:* Theo đó sự phát triển du lịch có những đóng góp cụ thể cho phát triển xã hội, đảm bảo sự công bằng trong phát triển.

Để đảm bảo được 3 mục tiêu cơ bản trên, phát triển du lịch bền vững cần tuân thủ 10 nguyên tắc chính là:

1.1.2.1. Khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên một cách hợp lý.

Mọi hoạt động phát triển kinh tế đều liên quan đến việc sử dụng các nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn. Nhiều nguồn tài nguyên trong số đó

không thể tái tạo hay thay thế được hoặc khả năng tái tạo phải trải qua một thời gian rất dài đến hàng triệu năm.

Chính vì vậy đối với các ngành kinh tế nói chung và du lịch nói riêng, việc khai thác sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên là nguyên tắc quan trọng hàng đầu mặc dù phần lớn các tài nguyên du lịch được xem là tài nguyên có khả năng tái tạo hoặc ít biến đổi. Nếu các tài nguyên du lịch được khai thác một cách hợp lý, bảo tồn và sử dụng bền vững đảm bảo quá trình tự duy trì hoặc tự bổ sung được diễn ra theo những quy luật tự nhiên hoặc thuận lợi hơn do có sự tác động của con người thông qua việc đầu tư, tôn tạo thì sự tôn tạo đó sẽ đáp ứng lâu dài nhu cầu phát triển của du lịch qua nhiều thế hệ. Việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên cần dựa trên cơ sở nghiên cứu kiểm kê, đánh giá, quy hoạch sử dụng cho mục tiêu phát triển cụ thể.

Sự phát triển bền vững nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng cần đảm bảo việc lưu lại cho thế hệ tương lai nguồn tài nguyên không kém hơn so với những gì mà các thế hệ trước được hưởng. Điều này có nghĩa là trong quá trình khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên cần phải tính đến giải pháp nhằm ngăn chặn sự mất đi của các loài sinh vật, sự suy giảm những chức năng thiết yếu của các hệ sinh thái có giá trị du lịch như các khu rừng nguyên sinh, các vùng đất ngập nước,... và khả năng bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc. Điều này có nghĩa là tài nguyên và môi trường du lịch cần được hiểu đó không phải là “**hàng hoá cho không**” mà phải được tính vào chi phí đầu vào của sản phẩm du lịch để có nguồn đầu tư cần thiết cho việc bảo tồn và tái tạo tài nguyên, kiểm soát và ngăn chặn sự xuống cấp của môi trường.

1.1.2.2. Hạn chế việc sử dụng quá mức tài nguyên và giảm thiểu chất thải ra môi trường.

Việc khai thác sử dụng quá mức tài nguyên và không kiểm soát được lượng chất thải từ hoạt động du lịch sẽ góp phần dẫn đến sự suy thoái môi trường mà hậu quả của nó là sự phát triển không bền vững của du lịch nói riêng và kinh tế- xã hội nói chung.

Đối với một số loại tài nguyên như nước, rừng... hoạt động du lịch yêu cầu sử dụng cao hơn. Ví dụ nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho một người dân trung bình 50 lít/ngày, song nhu cầu này đối với khách du lịch trung bình gấp 4 lần, thậm chí là 10 lần. Mỗi sân golf trung bình tiêu thụ 1 lượng nước ngầm để tưới cỏ là 3.000m³ /ngày. Chính vì vậy ở nhiều khu du lịch ở Gambia, Thái Lan... tình trạng thiếu nước sinh hoạt rất nghiêm trọng, trong khi nguồn nước thải từ các khu du lịch đó lại rất lớn, gây ô nhiễm đất và nguồn nước.

1.1.2.3. Phát triển phải gắn liền với nỗ lực bảo tồn tính đa dạng

Tính đa dạng về thiên nhiên, về văn hoá và xã hội là nhân tố đặc biệt quan trọng tạo nên sự hấp dẫn của du lịch, làm thoả mãn nhu cầu đa dạng cao về tự nhiên, văn hoá và xã hội, nơi đó sẽ có khả năng cạnh tranh du lịch cao và có sức hấp dẫn du lịch lớn, đảm bảo cho sự phát triển. Chính vì vậy việc duy trì và tăng cường tính đa dạng thiên nhiên, văn hoá, xã hội là hết sức quan trọng cho sự phát triển bền vững của du lịch và cũng là chỗ dựa sinh tồn của ngành Du lịch.

Trong thực tế, nếu phát triển du lịch đúng nguyên tắc, sẽ đảm bảo cho hoạt động du lịch trở thành một động lực góp phần tích cực duy trì sự đa dạng của thiên nhiên. Ví dụ điển hình là hoạt động du lịch sinh thái ở các vườn quốc gia, các khu bảo tồn tự nhiên ở nhiều nơi trên thế giới đều nhận được sự hỗ trợ to lớn từ du lịch thông qua đóng góp cụ thể về tài chính, tạo ra cơ hội tăng thu nhập cho cộng đồng và qua đó đóng góp cho bảo tồn đa dạng sinh học.

Du lịch cũng góp phần bảo tồn các giá trị văn hoá bằng việc khích lệ các hoạt động văn hoá dân gian, thúc đẩy việc sản xuất các hàng truyền thống, chia sẻ lợi ích từ nguồn thu cho việc tôn tạo, bảo vệ các di tích lịch sử văn hoá... Du lịch còn tạo công ăn việc làm, góp phần làm đa dạng hoá xã hội.

1.1.2.4. Phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng. Vì vậy mọi phương án khai thác tài nguyên để phát triển phải phù hợp với các quy hoạch chuyên ngành nói riêng và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội nói chung ở phạm vi quốc gia, ở mỗi vùng và từng địa phương. Ngoài ra, đối với mỗi phương án phát triển cần tiến hành đánh giá tác động môi trường nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến tài nguyên và môi trường. Điều này sẽ góp phần đảm bảo cho sự phát triển bền vững của du lịch trong mối quan hệ với các ngành kinh tế khác cũng như việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đảm bảo môi trường.

Thực tế cho thấy ở những nơi có vị trí của du lịch chưa được xác định đúng mức trong một chiến lược phát triển tổng thể phát triển kinh tế- xã hội, nơi phát triển du lịch không được xem xét và cân đối với các ngành khác trong khuôn khổ một quy hoạch tổng thể, thì sự phát triển quá mức của các ngành khác sẽ làm tổn hại tới tài nguyên và làm suy thoái môi trường, ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển bền vững của du lịch. Có thể coi sự phát triển kinh tế- xã hội của vùng Hạ Long là ví dụ điển hình về vấn đề này. Song, ngược lại tình trạng trên cũng sẽ là nguyên nhân của việc “bung ra” một cách nhanh chóng không thể kiểm soát của hoạt động du lịch. Điều này cũng sẽ gây những tác động tiêu cực đến tài nguyên và môi trường. Sự suy thoái của tài nguyên rừng, cảnh quan sinh thái và môi trường ở một số điểm du lịch như Cát Bà, Sầm Sơn...do thiếu quy hoạch, có thể coi là những ví dụ cụ thể minh chứng cho tình trạng trên.

Trong quy hoạch phát triển du lịch cần đánh giá được các lợi ích cũng như sự bất lợi về kinh tế trong mối quan hệ với tài nguyên và môi trường. Bên cạnh đó, các đánh giá tác động còn tính tới những mâu thuẫn quyền lợi có thể xảy ra giữa các thành phần kinh tế khác nhau: Các cộng đồng địa phương, du khách, chính quyền Trung ương và địa phương, các doanh nghiệp...Điều này là rất cần thiết làm căn cứ cho việc điều hoà quyền lợi, tránh những xung đột

tiêu cực, đảm bảo cho sự phát triển lâu dài bền vững của mọi ngành kinh tế, trong đó có du lịch.

1.1.2.5 Chú trọng việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển du lịch.

Thực tế cho thấy trên một địa bàn lãnh thổ nếu mỗi ngành chỉ biết đến lợi ích của mình, không có sự hỗ trợ đối với sự phát triển kinh tế và chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương thì sẽ làm cho kinh tế và cuộc sống người dân địa phương gặp nhiều khó khăn, kém phát triển. Điều này buộc cộng đồng địa phương phải khai thác tối đa các tiềm năng tài nguyên của mình làm đẩy nhanh quá trình cạn kiệt tài nguyên và tổn hại đến môi trường sinh thái. Kết quả các quá trình đó sẽ gây những tác động tiêu cực đến phát triển bền vững của ngành du lịch nói riêng, và kinh tế- xã hội nói chung. Chính vì vậy việc chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương là một nguyên tắc quan trọng trong phát triển bền vững.

1.1.2.6. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển du lịch.

Việc tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch không chỉ giúp họ tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống mà còn làm cho họ có trách nhiệm hơn với tài nguyên, môi trường du lịch, cùng ngành Du lịch chăm lo đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Điều này rất có ý nghĩa, góp phần quan trọng đối với sự phát triển bền vững của du lịch.

Kinh nghiệm thực tế về phát triển du lịch ở nhiều nước cho thấy sự tham gia của địa phương là cần thiết bởi bản thân người dân địa phương, nền văn hoá, môi trường, lối sống và truyền thống của họ là những nhân tố quan trọng thu hút khách du lịch.

Bên cạnh đó, có thể thấy việc phát triển du lịch đã mang lại lợi ích kinh tế, môi trường và văn hóa cho cộng đồng, song ngược lại sự tham gia thực sự của cộng đồng sẽ làm phong phú thêm tài nguyên và sản phẩm du lịch, sẽ tạo ra được những điều kiện đặc biệt thuận lợi cho du lịch bởi cộng đồng là chủ nhân của tài nguyên và môi trường khu vực. Điều này sẽ tạo ra khả năng phát

triển lâu dài của du lịch cùng với sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch như chuyên chở, cho thuê nhà, phòng nghỉ, nấu ăn cho khách, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ làm đồ lưu niệm...

1.1.2.7. Thường xuyên trao đổi, tham khảo ý kiến cộng đồng địa phương và các đối tượng có liên quan trong quá trình hoạt động phát triển du lịch

Trao đổi tham khảo ý kiến quần chúng là một quá trình nhằm dung hoà giữa phát triển kinh tế với những mối quan tâm khác của cộng đồng địa phương, với những tác động tiềm ẩn của sự phát triển lên môi trường tự nhiên, văn hoá- xã hội. Sự tham khảo ý kiến cộng đồng địa phương là cần thiết để có thể đánh giá được tính khả thi của một dự án phát triển, các biện pháp để giảm thiểu các tác động tiêu cực và tối đa hoá sự đóng góp tích cực của quần chúng địa phương.

Trong một số trường hợp, dự án phát triển du lịch có thể được áp đặt từ bên ngoài hoặc từ trên xuống và thường không tính được một cách toàn diện đến nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn cũng như mối quan tâm của cộng đồng địa phương. Trong những trường hợp như vậy thường nảy sinh mâu thuẫn, thậm chí đối kháng về quyền lợi của cộng đồng địa phương đối với tổ chức đầu tư. Kết quả là sự phát triển của dự án sẽ không thuận lợi, thậm chí không thể thực hiện được.

Bản thân của sự phát triển bền vững là sự cân đối trong khai thác tài nguyên đảm bảo các nhu cầu hiện tại, tương lai và phúc lợi của con người cần dựa trên sự lựa chọn và hiểu biết về những chi phí phát triển môi trường, xã hội và văn hoá. Quá trình tham khảo ý kiến trong trường hợp này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng bởi nó bao hàm việc trao đổi thông tin, ý kiến, đánh giá và hành động dựa vào kỹ năng, kiến thức các nguồn lực địa phương.

Thực tế cho thấy, luôn tồn tại những mâu thuẫn xung đột về quyền lợi ở những mức độ khác nhau trong khai thác tài nguyên phục vụ phát triển giữa du lịch với cộng đồng địa phương, giữa du lịch với các ngành kinh tế. Kết quả là sự thiếu trách nhiệm với tài nguyên và môi trường và sự phát triển thiếu tính bền vững đối với kinh tế- xã hội của địa phương cũng như đối với môi

ngành kinh tế trong đó có du lịch. Chính vì vậy, thường xuyên trao đổi ý kiến với cộng đồng địa phương và các đối tượng có liên quan để cùng nhau giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình phát triển là hết sức cần thiết. Điều này sẽ đảm bảo sự gắn kết và có trách nhiệm hơn giữa các thành phần kinh tế với địa phương và các ngành với nhau góp phần tích cực cho sự phát triển bền vững của mỗi ngành, trong đó có du lịch.

1.1.2.8. Chú trọng việc đào tạo nâng cao nhận thức về tài nguyên môi trường

Đối với bất kỳ sự phát triển nào, con người luôn đóng vai trò quyết định. Một lực lượng lao động du lịch được đào tạo có trình độ nghiệp vụ không những đem lại lợi ích về kinh tế cho ngành mà còn nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch. Sự phát triển bền vững đòi hỏi ở đội ngũ những người thực hiện không chỉ có trình độ nghiệp vụ mà còn nhận thức đúng đắn về tính cần thiết của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Đưa nhận thức về quản lý môi trường vào chương trình đào tạo của ngành Du lịch sẽ đảm bảo cho việc thực hiện những chính sách và luật pháp về môi trường tại các cơ sở du lịch.

Một nhân viên được trang bị tốt những kiến thức về môi trường, văn hoá sẽ có thể làm cho du khách có ý thức trách nhiệm và nhận thức đúng về môi trường, về những giá trị văn hoá truyền thống. Điều này sẽ góp phần tích cực vào việc đảm bảo cho sự phát triển bền vững về du lịch.

Trong bối cảnh Việt Nam đang từng bước hội nhập với sự phát triển của du lịch khu vực và thế giới việc nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch để đảm bảo tính cạnh tranh là hết sức quan trọng. Một đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ nghiệp vụ, có hiểu biết cao về văn hoá, môi trường là yếu tố quan trọng nếu không nói là quyết định để đảm bảo cho chất lượng của sản phẩm du lịch.

Chính vì vậy việc chú trọng đào tạo phát triển nguồn nhân lực có trình độ là một trong những nguyên tắc then chốt đối với sự phát triển bền vững của du lịch.

1.1.2.9. Tăng cường tính trách nhiệm trong hoạt động xúc tiến, quảng cáo du lịch.

Xúc tiến, quảng cáo luôn là một hoạt động quan trọng đối với phát triển du lịch, đảm bảo sự thu hút khách, tăng cường khả năng cạnh tranh của các sản phẩm du lịch. Chiến lược quảng cáo, tiếp thị đối với du lịch bền vững bao gồm việc xác định đánh giá và luôn rà soát để xác định đúng khả năng đáp ứng của các nguồn tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn, cũng như việc cân đối các sản phẩm du lịch cụ thể.

Hoạt động quảng cáo, tiếp thị thiếu trách nhiệm sẽ tạo cho khách những hy vọng không thực tế do thông tin không đầy đủ và thiếu chính xác dẫn đến sự thất vọng của du khách về các sản phẩm du lịch được quảng cáo. Kết quả của hoạt động này sẽ là thái độ tẩy chay của du khách đối với những sản phẩm du lịch được quảng cáo ảnh hưởng đến sự phát triển lâu dài của du lịch. Việc quảng cáo, tiếp thị cung cấp cho khách du lịch những thông tin đầy đủ và có trách nhiệm sẽ nâng cao sự tôn trọng của du khách đối với môi trường tự nhiên, văn hoá và xã hội và các giá trị nhân văn nơi tham quan, đồng thời sẽ làm tăng đáng kể sự thoả mãn của khách đối với các sản phẩm du lịch. Điều này sẽ góp phần làm giảm những tác động tiêu cực từ hoạt động thu hút khách đảm bảo cho tính bền vững trong phát triển du lịch.

1.1.2.10. coi trọng việc thường xuyên tiến hành công tác nghiên cứu

Công tác nghiên cứu là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của bất cứ ngành kinh tế nào, đặc biệt là những ngành có nhiều mối quan hệ trong phát triển và phụ thuộc vào nhiều điều kiện tự nhiên, môi trường, văn hoá- xã hội như ngành Du lịch.

Để đảm bảo cho sự phát triển bền vững cần có những căn cứ khoa học vững chắc dựa trên việc nghiên cứu các vấn đề có liên quan. Hơn thế nữa, trong quá trình phát triển nhiều yếu tố chủ quan và khách quan nảy sinh có những tác động cần phải nghiên cứu để có những giải pháp phù hợp điều

chính sự phát triển. Như vậy việc thường xuyên cập nhật các thông tin, nghiên cứu và phân tích chúng là rất cần thiết không chỉ đảm bảo cho hiệu quả của hoạt động kinh doanh mà còn đảm bảo cho sự phát triển bền vững trong mối quan hệ với cơ chế chính sách, với việc bảo vệ tài nguyên và môi trường...

Những nguyên tắc cơ bản trên đây nếu được thực hiện một cách đầy đủ sẽ bảo đảm chắc chắn cho sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch. Phát triển bền vững chính là chìa khoá cho sự thành công lâu dài của ngành Du lịch.

1.1.3. Các tiêu chí đánh giá phát triển du lịch bền vững

Phát triển du lịch bền vững là một phạm trù còn mới trong chiến lược phát triển du lịch ở nước ta, vì vậy việc nghiên cứu và xác định các dấu hiệu để nhận biết trạng thái của quá trình phát triển này là rất quan trọng. Dựa vào các dấu hiệu này các nhà quản lý có thể có những giải pháp phù hợp và kịp thời nhằm điều chỉnh các hoạt động nhằm đạt được tới trạng thái bền vững hơn cho quá trình phát triển.

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao với sự tham gia của nhiều thành phần xã hội. Sự phát triển của du lịch phụ thuộc nhiều vào các điều kiện kinh tế, chính trị của đất nước cũng như của khu vực. Sản phẩm của du lịch được hình thành chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố. Vì vậy việc xác định các dấu hiệu nhận biết về phát triển du lịch bền vững là công việc phức tạp. Tuy nhiên, căn cứ vào những nguyên tắc cơ bản của phát triển du lịch bền vững, những đặc điểm của hoạt động du lịch, các tiêu chí cơ bản về phát triển du lịch bền vững cần được nghiên cứu và xem xét bao gồm:

1.1.3.1. Các tiêu chí về kinh tế:

Phát triển du lịch bền vững phải đảm bảo sự tăng trưởng liên tục và ổn định lâu dài của các chỉ tiêu kinh tế du lịch (chỉ tiêu về khách du lịch, thu nhập, GDP, cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động...). Theo xu thế phát triển hiện nay ở trong nước và trên thế giới, các chỉ tiêu kinh tế được phát triển liên tục

trong nhiều năm (thường là trên dưới 10 năm) ở mức trung bình khoảng 7 – 10% năm thì được coi là phát triển bền vững. Tuy nhiên tùy thuộc vào trình độ phát triển và mức khởi điểm của các chỉ tiêu kinh tế ở mỗi nước, mỗi địa phương mà mức độ tăng trưởng sẽ cao hay thấp khác nhau được lựa chọn để đánh giá tính bền vững. Với tiêu chí này, cần đề cập đến những chỉ tiêu cụ thể sau:

- *Chỉ tiêu khách du lịch* : Đây là chỉ tiêu quan trọng hàng đầu đối với quá trình phát triển du lịch. Chỉ tiêu khách du lịch quyết định sự thành công hay thất bại; quyết định sự phát triển bền vững hay không bền vững của ngành du lịch. Để đánh giá được tính phát triển bền vững hay không thì chỉ tiêu khách du lịch phải tăng trưởng liên tục năm này qua năm khác trong thời gian tối thiểu hàng chục năm hoặc lâu hơn. Trong chỉ tiêu khách du lịch, ngoài số lượng tuyệt đối về khách, các chỉ tiêu khác cần phải tính đến trong quá trình phát triển bền vững đó là số ngày lưu trú trung bình, số khách quay trở lại, khả năng thanh toán, mức độ hài lòng của khách...

Các hoạt động phát triển du lịch tự phát thường chỉ quan tâm đến việc thu hút tối đa số lượng khách đến và thường không chú trọng đến chất lượng nguồn khách (khả năng chi trả, trình độ văn hoá...); đến thời gian lưu trú dài hay ngắn; đến mức độ hài lòng và mong muốn được trở lại của họ. Sẽ là tốt hơn, có hiệu quả kinh tế hơn và đảm bảo sự phát triển bền vững hơn trường hợp lượng khách du lịch ít (không gây áp lực đến tài nguyên- môi trường), nhưng thời gian lưu trú dài hơn và có khả năng chi trả cao hơn. Thực tế cho thấy, ở những nơi được xem là ngành kinh tế mũi nhọn thì trong chiến lược phát triển thường có xu hướng quan tâm đến các chỉ tiêu về mức chi tiêu và thời gian lưu trú trung bình của khách hơn là chỉ tiêu về số lượng. Điều này vẫn đảm bảo cho sự tăng trưởng về thu nhập du lịch (một chỉ tiêu quan trọng khác), trong khi đó hạn chế được chi phí cho việc khắc phục được các sự cố về tài nguyên- môi trường do áp lực quá tải về số lượng khách.

Sự quay trở lại của khách du lịch cũng là một trong những chỉ tiêu đánh giá mức độ phát triển bền vững của du lịch. Chất lượng các sản phẩm du lịch,

chất lượng các dịch vụ bổ sung, chất lượng của đội ngũ trong lao động du lịch... sẽ đảm bảo đáp ứng cho mức độ hài lòng của du khách, làm tăng thêm mong muốn được quay trở lại của họ, và chính họ sẽ là người quảng cáo tốt nhất cho hoạt động du lịch. Tỷ lệ khách du lịch quay trở lại càng cao chứng tỏ rằng hoạt động du lịch đang phát triển đúng hướng và có hiệu quả. Điều này càng quan trọng đối với những đối tượng khách du lịch từ những thị trường khách có khả năng chi trả cao, có thời gian lưu trú dài ngày.

Như vậy để đảm bảo cho du lịch phát triển bền vững thì ngoài sự phát triển liên tục của chỉ tiêu về số lượng khách, các chỉ tiêu khác có liên quan đến khách du lịch (ngày lưu trú, mức chi tiêu, mức độ hài lòng...) cũng cần được phát triển liên tục và bền vững.

- *Chỉ tiêu thu nhập và tổng sản phẩm quốc nội ngành du lịch (GDP du lịch):* Các hoạt động du lịch đều mang ý nghĩa kinh tế và đều hướng tới mục tiêu quan trọng là thu nhập, lợi nhuận và đóng góp cho Ngân sách nhà nước. Thu nhập du lịch là một chỉ tiêu quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển du lịch cả nước nói chung và của từng địa phương nói riêng; là thước đo cho sự phát triển và cho sự thành công của ngành Du lịch. Chỉ tiêu thu nhập du lịch liên quan chặt chẽ đến chỉ tiêu khách du lịch, sự tăng trưởng liên tục của khách du lịch sẽ kéo theo sự tăng trưởng về thu nhập và sẽ đóng góp quan trọng cho sự phát triển bền vững của du lịch.

Thu nhập du lịch (của một vùng lãnh thổ nào đó) bao gồm tất cả các khoản thu được do khách du lịch chi trả (khi đến lãnh thổ đó) cho dịch vụ lưu trú và ăn uống; vận chuyển khách du lịch (không kể vận chuyển quốc tế); các dịch vụ vui chơi giải trí, mua sắm hàng lưu niệm và các dịch vụ bổ sung khác. Trên thực tế, tất cả các khoản thu này không phải chỉ do ngành Du lịch trực tiếp thu mà còn do nhiều ngành khác, nhiều thành phần khác tham gia các hoạt động du lịch thu. Ngoài ra còn một số ngành dịch vụ khác không những chỉ phục vụ người dân địa phương, mà còn phục vụ cho cả khách du lịch (dịch vụ y tế, ngân hàng, bưu điện, phim ảnh, giao thông công cộng, bảo hiểm). Trong trường hợp này, một phần chi tiêu của khách du lịch do các

ngành khác thu. Do vậy tất cả các khoản thu từ khách du lịch (cho dù các khoản thu này không phải do ngành du lịch trực tiếp thu) đều được tính vào tổng thu nhập du lịch.

Giá trị tổng sản phẩm quốc nội (GDP) là chỉ tiêu quan trọng hàng đầu, là thước đo sự phát triển kinh tế nói chung và của từng ngành nói riêng. Sự phát triển và gia tăng liên tục của chỉ tiêu GDP sẽ phản ánh trình độ phát triển của nền kinh tế có bền vững hay không. Đối với ngành du lịch, việc tăng trưởng thường xuyên, liên tục của chỉ tiêu GDP không những chỉ đảm bảo cho sự phát triển bền vững về mặt kinh tế, mà còn cho thấy vị trí của Ngành trong tổng thể nền kinh tế quốc dân. Tỷ trọng GDP du lịch phản ánh tình trạng phát triển thực tế của ngành du lịch trong nền kinh tế quốc dân. Tỷ trọng càng cao, ổn định và tăng trưởng theo thời gian thì ngành du lịch càng phát triển gần với mục tiêu phát triển bền vững.

Như vậy, chỉ tiêu thu nhập du lịch và tổng sản phẩm quốc nội là những tiêu chí quan trọng, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững về mặt kinh tế.

- *Chỉ tiêu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch*: Hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật trong du lịch (bao gồm các cơ sở lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, các phương tiện vận chuyển, các khu du lịch, các văn phòng lễ hành, các cơ sở dịch vụ bổ sung khác...) là thước đo phản ánh trình độ phát triển của ngành du lịch. Sự phát triển cả về số lượng, chủng loại và chất lượng của hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, một mặt đáp ứng được mọi nhu cầu của mọi đối tượng khách, mặt khác góp phần quan trọng vào việc hấp dẫn, thu hút khách, đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Ngành.

Để có được một hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật có chất lượng cao thì vấn đề đầu tư rất quan trọng. Nếu không được đầu tư, hoặc đầu tư không đồng bộ thì hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch sẽ nghèo nàn, lạc hậu, kém chất lượng và không có khả năng hấp dẫn khách du lịch, không có khả năng lưu giữ khách dài ngày, làm giảm khả năng chi tiêu của họ, dẫn đến giảm nguồn thu và như vậy sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của du lịch.

- *Chỉ tiêu nguồn nhân lực du lịch:* Du lịch là một ngành có nhu cầu cao đối với đội nguồn lao động sống. Do vậy, trong hoạt động du lịch, chất lượng đội ngũ lao động luôn là yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định. Điều này càng trở nên cấp thiết trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt của hoạt động du lịch. Chất lượng đội ngũ lao động sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng của sản phẩm du lịch, chất lượng dịch vụ và kết quả cuối cùng là ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, đến sự tăng trưởng của các chỉ tiêu du lịch khác. Như vậy, chất lượng đội ngũ lao động được đoà tạo không chỉ là yếu tố thu hút khách, nâng cao uy tín của ngành, của đất nước mà còn là một yếu tố quan trọng trong cạnh tranh thu hút khách, đảm bảo sự phát triển du lịch bền vững.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ du lịch theo hướng bền vững về mặt chuyên môn bên cạnh những kỹ năng nghề nghiệp giỏi, khả năng giao tiếp tốt, thông thạo ngoại ngữ, cần được trang bị kiến thức về tài nguyên, quản lý môi trường, kinh tế môi trường, luật môi trường, và hệ thống kiến thức sâu rộng về xã hội. Về mặt kỹ thuật, đào tạo đội ngũ cán bộ trở thành các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau hiểu được những mối quan hệ sinh thái và có thể giúp đỡ mọi người dân và du khách trong việc sử dụng các nguồn tài nguyên tốt hơn.

Sự phát triển cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu của đội ngũ lao động du lịch sẽ đảm bảo cho sự phát triển về chất lượng các sản phẩm, chất lượng các dịch vụ du lịch; và như vậy sẽ góp phần đáng kể vào quá trình phát triển du lịch bền vững.

- *Tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch:* Hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thu hút khách du lịch. Tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền quảng bá thông qua việc cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin về tuyến điểm, về sản phẩm du lịch sẽ tạo được lòng tin cho du khách và ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng thu hút khách du lịch. Sự gia tăng lượng khách du lịch đồng nghĩa với việc tăng trưởng về kinh tế thông qua hoạt động du lịch.

1.1.3.2. Các tiêu chí về tài nguyên- môi trường:

Phát triển du lịch bền vững phải khai thác và sử dụng một cách hợp lý, có hiệu quả các tiềm năng tài nguyên và điều kiện môi trường. Việc khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên cho phát triển du lịch cần được quản lý và giám sát để một mặt đáp ứng được nhu cầu hiện tại, mặt khác phải đảm bảo cho nhu cầu phát triển du lịch trong tương lai. Với mục tiêu này, trong quá trình phát triển, ngành du lịch cần phải có những đóng góp tích cực cho công tác tôn tạo nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường... để giảm thiểu các tác động của hoạt động du lịch đến nguồn tài nguyên môi trường.

- *Số lượng (tỷ lệ) các khu, điểm du lịch được đầu tư tôn tạo và bảo tồn* : Các khu, điểm du lịch là hoạt nhân trong phát triển du lịch, trong đó tài nguyên du lịch đóng vai trò trung tâm. Thực tế cho thấy tài nguyên du lịch càng phong phú, càng đặc sắc thì sức hấp dẫn và hiệu quả của hoạt động du lịch càng cao.

Mục tiêu của phát triển bền vững là nhằm hạn chế tối đa việc khai thác quá mức và lãng phí các nguồn tài nguyên, nhất là các tài nguyên tự nhiên không có khả năng tái tạo. Chính vì vậy, chỉ tiêu về số lượng các khu, điểm du lịch được đầu tư bảo tồn và tôn tạo được coi là một trong số các tiêu chí cơ bản của sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch về mặt tài nguyên- môi trường. Nơi nào càng có nhiều khu, điểm du lịch được đầu tư, bảo tồn, tôn tạo thì chứng tỏ hoạt động phát triển du lịch ở nơi đó càng với mục tiêu phát triển bền vững.

Theo tổ chức Du lịch Thế giới, nếu tỷ lệ này vượt quá 50% thì hoạt động du lịch được xem là trong trạng thái phát triển bền vững.

- *Số lượng (tỷ lệ) các khu, điểm du lịch được quy hoạch*: Việc xây dựng quy hoạch du lịch làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện các kế hoạch, các dự án phát triển du lịch làm căn cứ cho việc triển khai thực hiện các kế hoạch, các dự án phát triển cụ thể đóng vai trò quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch. Quy hoạch du lịch là quá trình kiểm kê, phân tích, đánh giá các nguồn lực và các điều kiện có liên quan để phát triển du lịch, từ đó xác định các

phương án phát triển phù hợp, đảm bảo việc khai thác có hiệu quả tiềm năng tài nguyên du lịch và đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế tác động của hoạt động của hoạt động du lịch đến tài nguyên – môi trường, mang lại hiệu quả cao về kinh tế và xã hội. Chính vì vậy, số lượng các khu, điểm du lịch được quy hoạch là tiêu chí quan trọng của quá trình phát triển du lịch bền vững về mặt tài nguyên- xã hội chung của khu vực.

- *Áp lực lên môi trường – tài nguyên tại các khu, điểm du lịch*: Vấn đề môi trường tại các khu, điểm du lịch cần được coi trọng trong quá trình phát triển du lịch nhằm đạt tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững. Việc phát triển quá nhanh các hoạt động du lịch mà không chú trọng đến công tác đánh giá và quản lý tác động đến môi trường tại các khu vực phát triển du lịch sẽ là nguyên nhân chính gây ra những hậu quả nghiêm trọng về môi trường tại đây và kết quả sẽ là sự phát triển thiếu bền vững của du lịch.

Việc quản lý và hạn chế những áp lực lên các nguồn tài nguyên và môi trường được thông qua các biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu các chất thải; mức độ kiểm soát các hoạt động phát triển du lịch; mức độ đầu tư bảo tồn và duy trì tính đa dạng sinh học (trong đó việc duy trì các hệ sinh thái đặc hữu đang bị đe dọa là nền tảng cơ bản cho phát triển du lịch bền vững)...Việc đánh giá tác động môi trường tại các khu, điểm du lịch (hoặc một hình thức tương đương như các hoạt động kiểm soát chính thức về môi trường tại các khu, điểm du lịch) cũng là một tiêu chí quan trọng đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững. Nếu thiếu, hoặc thực hiện không đầy đủ các thủ tục đánh giá tác động môi trường thì quá trình phát triển du lịch sẽ thiếu tính bền vững.

Vấn đề quản lý áp lực lên tài nguyên môi trường tại các khu, điểm du lịch cũng liên quan đến khả năng sức chứa. Đó là việc quản lý số lượng khách đến không vượt quá khả năng đáp ứng về tài nguyên và không làm ảnh hưởng đến khả năng phát triển của các hệ sinh thái trong khu vực.

- *Cường độ hoạt động tại các khu, điểm du lịch*: Khách du lịch là đối tượng được quan tâm hàng đầu, là nhân tố quyết định cho sự tồn tại và phát triển của

ngành Du lịch. Sự gia tăng của số lượng khách là tiêu chí quan trọng cho sự phát triển bền vững về mặt kinh tế, số lượng khách đến một điểm du lịch càng tăng sẽ chứng tỏ sự phát triển lớn mạnh của điểm du lịch đó. Tuy nhiên việc gia tăng mạnh mẽ về số lượng khách du lịch sẽ đồng nghĩa với việc các nguồn tài nguyên du lịch bị khai thác quá mức để đáp ứng cho các nhu cầu của du khách. Điều đó dẫn đến tình trạng suy thoái và cạn kiệt các nguồn tài nguyên (một số loài sinh vật đặc hữu được dùng cho các nhu cầu sản xuất hàng lưu niệm, các món ăn đặc sản, các vị thuốc quý...). Sự gia tăng nhanh của du khách còn gây ra hiện tượng quá tải về chất thải tại các điểm du lịch, làm cho môi trường tại nơi đó không đảm bảo và dẫn đến hiện tượng bị suy thoái môi trường.

Một trong những vấn đề liên quan đến phát triển du lịch bền vững là việc tiêu thụ và sử dụng các nguồn tài nguyên, năng lượng cơ bản như nước, điện, than, củi... phục cho sinh hoạt của cộng đồng địa phương và khách du lịch. Các hoạt động du lịch phát triển tất yếu sẽ dẫn đến sự gia tăng trong nhu cầu sử dụng các nguồn năng lượng, điều này dẫn đến sự thiếu hụt các nguồn năng lượng, cạn kiệt nguồn tài nguyên...

Từ những mâu thuẫn trên đây, việc phát triển du lịch bền vững một mặt phải đảm bảo được sự gia tăng về du khách, nhưng đồng thời phải xác định được cường độ hoạt động của khách tại các điểm du lịch sao cho không vượt quá ngưỡng tiêu chuẩn cho phép về môi trường, tiêu chuẩn về tiêu thụ năng lượng và sức chứa. Do vậy, việc giới hạn số lượng khách đến trong một chu kỳ phát triển là một vấn đề quan trọng và cần thiết, điều này sẽ giúp cho việc duy trì và bảo vệ sự đa dạng sinh học, đảm bảo cung cấp đủ nguồn năng lượng để phục vụ nhu cầu cho khách du lịch.

- *Mức độ đóng góp từ thu nhập du lịch cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên và bảo vệ môi trường*: Khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển sẽ đem lại nguồn thu nhất định đối với ngành du lịch nói chung và cộng đồng địa phương nói riêng. Nguồn thu này có thể có được từ việc bán vé tham quan di tích, thắng cảnh; vé cho các sản phẩm thủ công

truyền thống hay các đặc sản của địa phương; và được tính vào tổng thu nhập du lịch. Từ nguồn thu này, ngành du lịch sẽ đóng góp cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản các nguồn tài nguyên du lịch với mục đích tôn tạo, bảo tồn và nâng cấp chính nguồn tài nguyên đó.

Mức độ đóng góp của ngành du lịch cho công tác bảo tồn và nâng cấp nguồn tài nguyên được thể hiện qua tỷ lệ giữa phần đóng góp và tổng nguồn thu. Tỷ lệ này càng lớn thì mức đóng góp càng cao và đảm bảo cho việc khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển du lịch theo hướng bền vững.

Việc đóng góp từ nguồn thu du lịch cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chủ quản các nguồn tài nguyên để bảo tồn chính nguồn tài nguyên đó (đôi khi có thể được dùng vào mục đích khác) đã phần nào thể hiện khả năng phối hợp liên ngành trong công tác quản lý và khai thác các nguồn tài nguyên phục vụ phát triển du lịch rất tốt. Do vậy, đây cũng là một tiêu chí không thể thiếu trong việc đánh giá phát triển du lịch bền vững về mặt tài nguyên- môi trường.

1.1.3.3. Các tiêu chí về xã hội

Trong phát triển du lịch bền vững đòi hỏi ngành Du lịch phải có những đóng góp cụ thể cho quá trình phát triển của toàn xã hội: Tạo công ăn việc làm cho người lao động; tham gia xoá đói giảm nghèo; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân cư ở những vùng sâu, vùng xa- nơi có tài nguyên du lịch; chia sẻ lợi ích từ các hoạt động du lịch, đảm bảo sự công bằng trong phát triển; góp phần hỗ trợ các ngành khác cùng phát triển.

- *Mức độ phát triển hệ thống các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ*: Phát triển du lịch trong bối cảnh của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có sự thích nghi nhanh đối với những thay đổi bởi nhiều yếu tố khách quan và chủ quan để hạn chế được những rủi ro. Điều này có thể thực hiện được nhờ vào việc phát triển hệ thống các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ. Là một ngành kinh tế, các hoạt động kinh doanh phát triển du lịch cần phải quan tâm đến vấn đề này để đảm bảo cho sự phát triển bền vững vừa dưới góc độ kinh tế, vừa dưới góc độ xã

hội. Điều này càng có ý nghĩa đối với những nơi đang phát triển, năng lực quản lý ở quy mô lớn còn nhiều hạn chế.

Ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế, việc phát triển hệ thống các doanh nghiệp du lịch vừa và nhỏ còn có ý nghĩa cao về mặt xã hội, tạo điều kiện để một bộ phận người lao động ở địa phương có công ăn việc làm, cải thiện chất lượng cuộc sống nâng cao dân trí... Bên cạnh đó, đây còn là môi trường thu hút được nguồn lực to lớn của xã hội (nhân lực, trí lực, vật lực) cho phát triển du lịch, phù hợp với tính chất xã hội hoá cao của du lịch, đảm bảo cho sự phát triển bền vững.

- *Tác động đến xã hội từ các hoạt động du lịch*: Du lịch là một ngành kinh tế mang tính xã hội hoá cao, vì vậy các hoạt động phát triển du lịch có tác động mạnh mẽ nhiều mặt của đời sống xã hội của hoạt động du lịch vừa mang tính tích cực vừa mang tính tiêu cực. Để đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững về mặt xã hội, vấn đề đặt ra là các tác động tiêu cực (không thể tránh khỏi) đến xã hội từ các hoạt động phát triển du lịch cần phải được kiểm soát và quản lý.

Nhiều vấn đề xã hội còn tồn tại hiện nay ở một chừng mực nào đó liên quan đến phát triển du lịch (ma tuý, nạn mại dâm, hoạt động sòng bạc không kiểm soát, người lang thang níu kéo ăn xin khách du lịch và nhiều vấn đề xã hội khác). Ngoài ra do tính chất của cơ chế thị trường trong hoạt động du lịch, một số giá trị văn hoá truyền thống có thể bị biến đổi để phù hợp với nhu cầu của khách, hoặc bị biến đổi do sự du nhập văn hoá ngoại lai... Đây là những tác động tiêu cực, ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển du lịch bền vững về mặt xã hội.

Như vậy để kiểm soát và quản lý nhằm hạn chế các tác động tiêu cực này, cần thiết phải có hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước và quy định của chính quyền địa phương và năng lực để thực hiện của cả bộ máy. Hiệu quả của các hoạt động này được thể hiện thông qua số lượng các vụ vi phạm được phát hiện và xử lý. Đây cũng là một tiêu chí phản ánh tính bền vững của xã hội nói chung và của phát triển du lịch nói riêng.

- *Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng địa phương đối với các hoạt động du lịch:* Để đảm bảo cho du lịch phát triển bền vững, cần có sự ủng hộ và hợp tác của cộng đồng dân cư địa phương- chủ nhân của các nguồn tài nguyên du lịch. Nếu có được sự ủng hộ và hợp tác của cộng đồng thì chính họ sẽ là người bảo vệ nguồn tài nguyên và môi trường. Do vậy mức độ hài lòng của cộng đồng dân cư đối với các hoạt động du lịch sẽ phản ánh mức độ bền vững của du lịch trong quá trình phát triển.

Để có được sự hài lòng và hợp tác của cộng đồng dân cư địa phương, thì vai trò- lợi ích- trách nhiệm của họ phải được quan tâm hàng đầu, cụ thể:

- Phải phát huy vai trò của cộng đồng (ở mức có thể) trong việc tham gia xây dựng và triển khai quy hoạch phát triển du lịch trên địa bàn.
- Phải phát huy vai trò của cộng đồng địa phương trong việc giám sát thực hiện các dự án đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.
- Tăng cường khả năng và mức độ tham gia của cộng đồng vào các hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn.
- Tạo cơ hội và ưu tiên cho cộng đồng tham gia đầu tư xây dựng và phát triển du lịch trên địa bàn để nâng cao mức sống và tạo công ăn việc làm cho cộng đồng.
- Phúc lợi xã hội chung của cộng đồng được nâng cao lên nhờ các hoạt động phát triển du lịch trên địa bàn

1.2 Quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững

1.2.1. Vai trò, đặc điểm của quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững

1.2.1.1. Vai trò của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường.

Quản lý nhà nước là một dạng quản lý xã hội mang tính quyền lực của nhà nước. Nó là sự tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá trình xã hội và hành vi hoạt động của con người để du trì và phát triển các mối quan hệ xã hội và trật tự pháp luật nhằm thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của nhà nước.

Quản lý nhà nước vừa là chức năng chủ yếu, vừa là nội dung cơ bản trong hoạt động của các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước.

Quản lý nhà nước về kinh tế là một chức năng của nhà nước, theo đó nhà nước sử dụng tất cả các biện pháp có thể có để can thiệp vào nền kinh tế nhằm hạn chế những khuyết tật của nền kinh tế thị trường, tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, phân bổ nguồn lực một cách tối ưu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội một cách hài hoà, phù hợp với các giá trị truyền thống và bản sắc văn hoá của đất nước.

Ngày nay, vai trò quản lý nhà nước về kinh tế có xu hướng tăng cường và nâng cao là một yếu tố khách quan, sự giàu nghèo của mỗi quốc gia không chỉ là tài nguyên mà chủ yếu là khả năng quản lý, điều hành nền kinh tế. Sự ổn định hay rối loạn, tăng cường suy thoái, giàu hay nghèo đều tìm thấy nguyên nhân từ khả năng quản lý, điều hành của Chính phủ. Trong nền kinh tế thị trường, không có nhà nước nào đứng ngoài hoạt động kinh tế, cũng không có nền kinh tế thị trường nào tồn tại, vận động, phát triển ngoài sự kiểm soát của Chính phủ. Sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế thị trường ở mỗi quốc gia có khác nhau chỉ là phương thức, mức độ mà thôi. Nền kinh tế thị trường càng phức tạp, thì quản lý nhà nước về kinh tế càng khó khăn hơn.

Du lịch là một ngành kinh tế, vai trò quản lý nhà nước về du lịch không tách rời vai trò quản lý của nhà nước về kinh tế. Muốn thực hiện tốt vai trò quản lý nhà nước về du lịch, đảm bảo cho du lịch phát triển bền vững thì phải xác định đúng đặc điểm, nội dung quản lý nhà nước về du lịch.

1.2.1.2. Đặc điểm chủ yếu trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch.

Du lịch vừa có đặc điểm chung của ngành kinh tế, vừa có những đặc điểm riêng của một ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao; rất nhạy cảm với môi trường tự nhiên, kinh tế- xã hội. Vì vậy, hoạt động quản lý nhà nước về du lịch vừa mang những đặc điểm chung của quản lý nhà nước về kinh tế, vừa có những đặc điểm riêng. Cụ thể như sau:

Về thể chế quản lý:

- Hoạt động của khách du lịch là đối tượng quản lý của Nhà nước về du lịch, phải xác định rõ và đủ mọi hoạt động của du khách.
- Hệ thống văn bản pháp luật về du lịch phải hết sức đồng bộ, nhất quán giữa các cấp, các ngành, tránh dùng biện pháp hành chính máy móc hoặc thô bạo.
- Không để ‘Sản xuất’ các sản phẩm du lịch diễn ra một cách tự phát, chạy theo lợi nhuận kinh tế mà phải có tôn tạo, nâng cấp danh thắng tái nguyên để khai thác lâu dài và bền vững.

Về tổ chức bộ máy quản lý:

- Bộ máy quản lý nhà nước về du lịch trong hoạt động của mình cũng mang tính liên ngành rõ rệt.
- Một trong chức năng của bộ máy quản lý nhà nước về du lịch là chức năng quản lý kinh tế đối ngoại.

Về nhân lực:

- Những người đứng đầu một doanh nghiệp du lịch trong hoạt động của mình thực hiện cả hai chức năng: quản lý nhà nước và quản lý kinh doanh.

Cán bộ trong hoạt động kinh doanh đồng thời cũng thực thi chức năng quản lý nhà nước về du lịch.

- Phải thông thạo pháp luật và nghiệp vụ, có phẩm chất tốt, ý thức trách nhiệm cao đồng thời am hiểu phong tục tập quán của mỗi địa phương, từng vùng và quốc tế; có trình độ văn hoá cao trong ứng xử, giao tiếp, trong việc yêu cầu khách nước ngoài tuân thủ Pháp luật Việt Nam trong xử lý sai phạm xảy ra.

- Quản lý nhân lực ngoài quản lý theo định mức như các ngành kinh tế khác còn phải điều hành theo chương trình.

Về cơ chế điều hành:

Cơ chế điều hành phải hết sức nhạy bén và linh hoạt

- Văn bản pháp quy thay đổi liên tục sẽ ảnh hưởng lớn đến sự phát triển. Nhưng khi nó không còn phù hợp mà chậm được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung sẽ kìm hãm sự phát triển. Văn bản chậm được nghiên cứu, soạn thảo, ban hành có thể dẫn đến sự phát triển du lịch tự phát, vô chính phủ.

- Việc hoạch định và thực hiện kế hoạch hàng năm không nên để xảy ra tình trạng quá tải trong mùa cao điểm hoặc quá thấp trong mùa du lịch.

1.2.2. Những nội dung cơ bản của quản lý nhà nước đối với phát triển du lịch bền vững.

Quản lý nhà nước về du lịch được thực hiện cụ thể tại Điều 10 Luật Du lịch với 9 nội dung chủ yếu. Trong triển khai thực hiện, các cơ quan quản lý nhà nước cần tạo điều kiện, khuyến khích đối tượng quản lý tuân thủ cách tiếp cận bền vững:

- Trong xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển du lịch cần tạo ra sự hài hoà giữa nâng cao đời sống của người dân tại các khu du lịch và đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Có chính sách hỗ trợ tài chính các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn định mức kinh tế- kỹ thuật trong hoạt động du lịch cần phản ánh các nguyên tắc phát triển du lịch bền vững và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành hữu quan.
- Trong đầu tư và thẩm định dự án đầu tư phát triển du lịch cần ưu tiên các dự án tạo điều kiện để cộng đồng địa phương tận dụng cơ hội và hưởng lợi từ phát triển du lịch và sử dụng tối đa nguồn nhân lực địa phương.
- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về du lịch; tổ chức, quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ.
- Tổ chức điều tra, đánh giá tài nguyên du lịch để xây dựng quy hoạch phát triển du lịch, xác định khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch.
- Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về du lịch; hoạt động xúc tiến du lịch ở trong nước và nước ngoài.
- Xây dựng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch phù hợp, đáp ứng yêu cầu của một ngành kinh tế.
- Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về du lịch.

1.3. Kinh nghiệm quốc tế và trong nước về phát triển du lịch bền vững.

1.3.1. Kinh nghiệm quốc tế.

1.3.1.1. Một số điển hình phát triển du lịch không bền vững.

- *Pattaya* (Thái Lan): Trong hai thập kỷ từ năm 1970, Pattaya đã đầu tư xây dựng từ 400 lên 21.000 phòng khách sạn. Sự tập trung phát triển ở các cơ sở lưu trú trong một thời gian ngắn tại một điểm du lịch đã gây những ảnh hưởng tiêu cực. Biển bị ô nhiễm nghiêm trọng và vào năm 1989, Ủy ban Môi trường Quốc gia Thái Lan tuyên bố việc tắm biển trở nên không an toàn. Cùng với đặc điểm tự nhiên khác, sự đánh mất cây cối đã làm cho môi trường trở nên thô ráp và cần cỗi. Sự phát triển bất hợp lý, sự ùn tắc giao thông, thiếu

nước sinh hoạt, xung đột về chính trị và xã hội gia tăng là vấn đề phổ biến và gây khó khăn cho du lịch. Khung cảnh của khu du lịch ban đầu bị mất đi, sự hấp dẫn đối với du khách giảm sút. Sau cao điểm năm 1988, số lượng khách đến Pattaya giảm đi rõ rệt. mãi đến năm 1993, khi những giải pháp hữu hiệu được đưa ra nhằm giải quyết các vấn đề cấp thiết thì xu hướng phát triển tiêu cực mới được đảo ngược và số lượng khách tăng dần trở lại.

Có thể nhận thấy dấu hiệu của việc đánh mất sự nổi tiếng của Pattaya là sự suy thoái về môi trường: Ô nhiễm, sự phá huỷ môi trường tự nhiên, sạt lở, lũ lụt, đánh mất cây cối, động vật hoang dã... Sự phát triển du lịch trong trường hợp của Pattaya là quá trình phản thu hút quyền rũ, đô thị hoá phản hấp dẫn. Điều quan trọng ở đây phải nhận thức được vấn đề phát triển du lịch và bảo vệ môi trường là không thể tách rời nhau. Phát triển và quản lý khu du lịch bao gồm nhiều mối quan hệ tổng hợp của nhiều yếu tố, trong đó môi trường là rất quan trọng. Mọi sự cố gắng về vấn đề môi trường tách biệt khỏi những vấn đề khác sẽ dẫn đến thất bại. Để du lịch phát triển có hiệu quả, điều quan trọng là các chính sách phát triển phải đề cập đến tất cả các vấn đề.

- *Đảo Canary* (Tây Ban Nha): Đảo Canary là quần đảo gồm 7 đảo và một số đảo nhỏ ở Đại Tây Dương, cách Tây Ban Nha lục địa không 1.500 km, nổi tiếng là trung tâm sinh học với sự tập trung của các loài đặc hữu, có nhiều cảnh quan đẹp, phong phú, khí hậu lý tưởng. Canary đã trở thành điểm đến quen thuộc của du khách Châu Âu. Du lịch trên các hòn đảo bắt đầu từ cuối thế kỷ 19 với một số ít khách du lịch Châu Âu vì lý do chữa bệnh. Từ 8.000 khách du lịch vào năm 1900, quần đảo Canary đã đón 2 triệu khách vào năm 1975; 7,4 triệu khách vào năm 1990 và 13 triệu khách năm 1999. Ngành du lịch- dịch vụ chiếm 76,8% tổng thu nhập kinh tế. Rõ ràng, nền kinh tế của Canary phụ thuộc nhiều vào du lịch.

Sự tập trung đầu tư vào bất động sản đã bùng nổ vào những năm 60 và 70. Sự bùng nổ này kết hợp với việc bất hợp lý trong quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng du lịch là nguyên nhân của quá tải du lịch. Nói một cách chính xác, kẻ thù nguy hiểm nhất của du lịch Canary là việc kinh doanh bất động sản do

du lịch gây ra và việc quản lý hành chính không sẵn sàng để kiểm soát. Hậu quả của quá trình xây dựng không quy hoạch đã tác động đến giai đoạn điều hành như : tiêu thụ nước, cạnh tranh về công việc với các nhân tố khác, tắc nghẽn giao thông, sự quá tải của khu bảo vệ, các cuộc đi săn thú hoang dã trở nên phổ biến... Tốc độ tăng trưởng của yêu cầu xây dựng, dịch vụ đã thu hút nhiều nguồn nhân lực từ bên ngoài hòn đảo này và tạo ra áp lực về đất đai. Sự tham gia của nước ngoài trong việc mua bán đất đai, sự tăng trưởng của các bất động sản với dấu hiệu của ngôn ngữ nước ngoài đã tạo ra môi trường không tốt cho cư dân địa phương và gây ra cảm giác Canary là của người nước ngoài. Vấn đề trở nên tồi tệ hơn tại các đảo Lanzarote và Fuerteventura, nơi mà cư dân đang dần trở thành người thiểu số.

Không còn tranh cãi gì nữa, vai trò kinh tế của du lịch tại quần đảo Canary qua hầu hết các số liệu phản ánh một tình trạng phát triển không bền vững. Các đảo ở Canary thải ra nhiều rác thải trung bình cao nhất Tây Ban Nha (2kg/người); mật độ phương tiện đi lại bằng 150% giá trị trung bình của Tây Ban Nha (666 phương tiện đi lại/ 1000 dân). Mức độ khai thác du lịch bất hợp pháp đang ở mức cao (trên 20% hoặc thậm chí có nơi trên 50%, như ở Fuerteventura có 36.000 giường bất hợp pháp trên 35.000 giường hợp pháp). Tham nhũng phổ biến nhưng không được xem xét và các phương tiện truyền thông, báo chí đã dấu thông tin.

Tóm lại, mục tiêu phát triển du lịch ở đây đã bị đảo ngược: “Canary cho ngành công nghiệp du lịch”, chứ không phải là “Du lịch cho Canary”. Sự quá tải của ngành du lịch đã tạo những vấn đề về môi trường và xã hội cũng như sự lệ thuộc vào bên ngoài quá nhiều. Các đảo ở Canary đang bị cuốn hút quá nhiều vào du lịch, phụ thuộc quá nhiều vào du lịch và không hiểu số phận của các hòn đảo này ra sao khi du lịch bị thất bại. Kịch bản cuối cùng: các đảo ở Canary giống như những quả chanh bị vắt kiệt trôi nổi trên đại dương.

1.3.1.2. Một số kinh nghiệm phát triển du lịch bền vững.

- *Khu bảo tồn Annapurna (ACAP)- Nê Pan:* Ở khu bảo tồn Annapurna (ACAP), phát triển du lịch sinh thái được sử dụng như là đòn bẩy để phát

triển cộng đồng và bảo tồn thiên nhiên trong khu bảo tồn. Phí tham quan được đầu tư trở lại để công tác bảo tồn sự đa dạng sinh học và các hoạt động phát triển cộng đồng bền vững ở ACAP.

Trong khu bảo tồn, các chương trình đã được đưa vào mục tiêu giảm bớt sức ép đối với nguồn tài nguyên rừng, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư địa phương và làm cho du lịch có trách nhiệm hơn. Các vườn ươm đã được xây dựng nhằm cung cấp cây giống cho cộng đồng và các chương trình trồng rừng. Để giải quyết vấn đề củi đốt, các kho chứa dầu hoả, khí hoá lỏng và các máy phát điện thuỷ lực loại nhỏ được xây dựng dưới sự quản lý của cộng đồng. Tại những khu vực thường xuyên có khách tham quan du lịch, các chương trình chăn nuôi, lâm nghiệp, nông nghiệp được triển khai nhằm tăng thu nhập cho người dân địa phương, đồng thời cung cấp lương thực thực phẩm cho khách du lịch. Ngoài ra, các chương trình giáo dục du khách cũng như người dân bản địa và công tác thông tin được ưu tiên triển khai hiện. Hoạt động chủ yếu ở ACAP là xây dựng năng lực địa phương, rồi cuối cùng chính người dân địa phương quyết định cuộc sống của mình. Họ là những nhân tố hoạt động chính và họ chính là những người hưởng lợi chính. Cộng đồng dân cư địa phương được tổ chức đào tạo và giao nhiệm vụ để bảo vệ chất lượng các nguồn tài nguyên thiên nhiên và nhân văn riêng có của mình; là nhân tố chính thu hút du khách cũng là cơ sở nền tảng cho nguồn sinh nhai bền vững.

Thành công của Dự án Bảo tồn khu vực ACAP đã khuyến khích nhiều dự án khác ở Nê Pan theo mô hình du lịch sinh thái của ACAP. Trong tất cả các dự án này, các nỗ lực của du lịch sinh thái đều hướng đến việc làm cho du lịch có trách nhiệm hơn, lợi ích cho xã hội và môi trường cũng như lợi ích về kinh tế và có thể quản lý được ở cấp cộng đồng. Các bài học được rút ra từ kinh nghiệm về du lịch sinh thái ở Nê Pan đó là: Hoạch định trước và quản lý nhằm nâng cao sức chứa du lịch; sự tham gia của người dân và khả năng có được sự bền vững; xúc tiến mối quan hệ liên ngành nhằm phân chia rộng rãi hơn các lợi ích du lịch; tiếp thị sản phẩm nhằm nâng đầu tư bền vững; giáo

dục và vấn đề nhạy bén trong sự tôn trọng song phương giữa du khách và người dân địa phương.

- *Du lịch Thenmala- Kerala, Ấn Độ*: Mục tiêu phát triển du lịch ở Thenmala là: phát triển Thenmala và vùng lân cận thành điểm đến du lịch hấp dẫn; xúc tiến du lịch sinh thái trên cơ sở các nguyên tắc bền vững; xây dựng các điểm đến du lịch theo đúng quy hoạch, trong đó nhấn mạnh việc phát triển du lịch bền vững, làm mẫu hình cho các chương trình phát triển du lịch khác.

Để đạt được các mục tiêu trên, ba nhóm sản phẩm sản phẩm du lịch đã được đầu tư phát triển là: Du lịch thân thiện với môi trường, Du lịch sinh thái và Du lịch hành hương. Du lịch thân thiện với môi trường được phát triển ở ngoại vi khu bảo tồn hoang dã Shenduruney với mục đích giảm áp lực lên khu bảo tồn. Trong khu bảo tồn chỉ dành cho những khách du lịch sinh thái thật sự. Những du khách khác có thể trải nghiệm các sản phẩm thân thiện với môi trường như: Các lối mòn tự nhiên nhỏ, xe đạp địa hình hay lối đi bộ trên cao nhìn xuống. Nhằm giảm thiểu tác động lên hệ sinh thái rừng trong khu bảo tồn, một số phương tiện được cấp ở Thenmala như: Du thuyền trên hồ, các lối đi bộ, khán đài vòng, đài phun nước có nhạc, xe đạp địa hình... Du lịch sinh thái được quy hoạch phát triển trong khu rừng xung quanh. Trung tâm giáo dục môi trường được thành lập. Khu bảo tồn hoang dã Shenduruney

Có tiềm năng rất lớn để phát triển du lịch sinh thái và ngoài ra, một loạt các điểm du lịch vệ tinh trong vòng bán kính 50km cũng đã có Trung tâm du lịch sinh thái. Du lịch hành hương, du lịch thân thiện với môi trường cũng được phát triển. Tuyến du lịch hành hương nối Thenmala với ba điểm linh thiêng nằm trong vùng rừng linh thiêng nổi tiếng Sabarimala (nơi có khoảng 10 triệu lượt du khách đến trong vòng 2 tháng).

Để đạt được mục tiêu đề ra, tổ chức xúc tiến du lịch sinh thái đã phối hợp chặt chẽ với Phòng quản lý rừng, Phòng Thủy lợi, và Phòng Du lịch triển khai nhiều hoạt động cụ thể. Về cơ sở lưu trú, vận chuyển khách trong khu vực được khôi phục tự nhiên đảm nhận. Quy hoạch về xây dựng được quản lý chặt

chẽ. Không có xây dựng tạm bợ trong các khu rừng, cơ sở lưu trú được xây dựng tách biệt, ưu tiên ở những nơi ở xa rừng.

1.3.2. Kinh nghiệm trong nước

Ở Việt Nam, việc nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn để phát triển du lịch bền vững còn hạn chế. Chúng ta chưa có được một chiến lược, một chính sách cấp quốc gia để phát triển các mô hình du lịch bền vững trên phạm vi cả nước; chúng ta cũng chưa có được mô hình điển, điển hình để phát triển du lịch bền vững sau đó nhân rộng ra ở quy mô lớn hơn. Tuy nhiên trong những năm gần đây, theo xu thế phát triển chung của khu vực và trên thế giới, ở nước ta đã có một số nghiên cứu ứng dụng, một số mô hình điển ở quy mô nhỏ liên quan đến phát triển du lịch bền vững như mô hình phát triển du lịch sinh thái, du lịch xanh, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá, du lịch văn hoá,... Các mô hình phát triển này đều có chung mục đích gắn các hoạt động du lịch với thiên nhiên- môi trường, gắn với văn hoá cộng đồng và lợi ích của họ, đồng thời quan tâm đến việc bảo tồn, tôn tạo tài nguyên môi trường, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững. Một số mô hình phát triển du lịch bền vững đang hoạt động có hiệu quả ở nước ta bao gồm:

- *Mô hình phát triển du lịch sinh thái Núi Voi của Công ty Du lịch Phương Nam (Đà Lạt- Lâm Đồng):* Các hoạt động du lịch ở đây đều được gắn liền với thiên nhiên, gắn với văn hoá cộng đồng (chủ yếu là dân tộc Chứt) và có trách nhiệm với công tác bảo tồn các giá trị tự nhiên và văn hoá. Các dịch vụ du lịch ở đây được mang đậm màu sắc của tự nhiên (vận chuyển bằng voi, ngựa, thuyền; ngủ nhà sàn ở trong rừng, thậm chí cả ở chòi trên cây cao) và văn hoá cộng đồng (khách du lịch được tham gia vào các hoạt động cộng đồng). Mô hình du lịch sinh thái Núi Voi đã và đang được tiến hành có hiệu quả và thu hút ngày càng nhiều khách tham quan du lịch, nghiên cứu...

- *Mô hình phát triển du lịch sinh thái Cát Tiên của Ban quản lý vườn quốc gia Cát Tiên:* Mục đích của mô hình này là đưa du khách gần gũi với thiên nhiên để khám phá và nghiên cứu những giá trị của thiên nhiên và bản sắc văn hoá dân tộc Mạ, S'tiêng, đồng thời nâng cao trách nhiệm trong việc bảo vệ các giá

trị đó. Các sản phẩm du lịch đã và đang được khai thác ở đây là du lịch sinh thái, du lịch tham quan, nghiên cứu, dã ngoại, mạo hiểm. Các đối tượng đang được tham quan, nghiên cứu và khám phá bao gồm Bàu Sấu; Bàu Chim; làng dân tộc Mạ, S'tiêng ở Tài Lại; rừng Bằng Lăng; thác Bến Cự; thác Mỏ Vẹt; thác Trời- thác Dựng; khu di chỉ khảo cổ Cát Tiên; xem thú ban đêm...

- *Mô hình phát triển du lịch cộng đồng ở Sapa*: Mô hình này quan tâm đến việc khuyến khích và tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia vào các hoạt động du lịch, thông qua đó nâng cao lợi ích và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trực tiếp tham gia vào các dịch vụ du lịch như hướng dẫn khách du lịch, phục vụ khách (lưu trú, ăn uống) tại nhà dân, sản xuất và bán hàng lưu niệm, biểu diễn nghệ thuật văn hoá dân gian...

1.3.3. Những bài học rút ra cho phát triển du lịch bền vững Hải Dương.

- Nhận thức đúng đắn của các cấp uỷ đảng, chính quyền, của các ngành, cộng đồng dân cư cũng như các doanh nghiệp về vị trí quan trọng của phát triển du lịch bền vững, những đóng góp của ngành du lịch vào phát triển kinh tế- xã hội, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, thúc đẩy các ngành kinh tế khác phát triển là tiền đề và là điều kiện cần thiết cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch.

- Vai trò của chính quyền địa phương, nhất là cấp xã, thôn rất quan trọng trong việc giải phóng mặt bằng: theo dõi, giám sát, phối hợp tháo gỡ khó khăn cho các dự án đầu tư phát triển du lịch và đặc biệt khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia vào các hoạt động du lịch và các hoạt động bảo tồn.

- Xã hội hoá quá trình phát triển du lịch bền vững đối với điều kiện nước ta nói chung và Hải Dương nói riêng nhằm huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển du lịch, trong đó có sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương, các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển du lịch bền vững.

- Sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương là tối cần thiết cho du lịch phát triển bền vững, đặc biệt là những điểm du lịch nhạy cảm với môi trường như ở các Khu bảo tồn thiên nhiên hay các Vườn quốc gia. Người dân địa phương, nền văn hoá, môi trường, lối sống và truyền thống của họ là những nhân tố quan trọng thu hút du khách. Phát triển du lịch bền vững mang lại những lợi ích kinh tế, môi trường và văn hoá cho cộng đồng và ngược lại, sự tham gia tích cực của cộng đồng làm phong phú thêm kinh nghiệm và sản phẩm du lịch.
- Cộng đồng dân cư địa phương phải được hưởng các nguồn lợi kinh tế từ hoạt động du lịch một cách công bằng. Một phần đáng kể lợi nhuận từ hoạt động du lịch phải được đầu tư để cải thiện môi trường sống của cộng đồng dân cư địa phương.
- Xây dựng tổ chức gọn, mạnh, hợp lý và thường xuyên chăm lo việc tuyển chọn, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... Tăng cường phối hợp liên ngành trong công tác quản lý nhà nước, tạo ra sức mạnh tổng hợp để phát triển du lịch bền vững.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở HẢI DƯƠNG

2.1. Tài nguyên du lịch ở Hải Dương.

2.1.1. Tài nguyên du lịch tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Hải Dương là tỉnh nằm ở trung tâm đồng bằng sông Hồng, nằm trong tọa độ địa lý 20°36' Bắc đến 2°33' Bắc, 106°3' Đông đến 106°36' Đông; phía bắc giáp tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang, đông bắc giáp Quảng Ninh; phía đông giáp thành phố Hải Phòng; phía nam giáp tỉnh Thái Bình; phía tây giáp Hưng Yên. Hải Dương nằm ở trung tâm vùng du lịch Bắc Bộ, trong tam giác động lực tăng trưởng du lịch Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh. Giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông đều đi qua địa phận Hải Dương, từ đó có thể thấy rõ vị trí trung chuyển của Hải Dương đối với trung tâm du lịch Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh.

Thành phố Hải Dương là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh nằm trên trục đường quốc lộ số 5, cách Hải Phòng 45km về phía đông và cách Hà Nội 57km về phía tây. Phía Bắc của tỉnh có 20km quốc lộ 18 chạy qua nối sân bay quốc tế Nội Bài ra biển qua cảng Cái Lân. Đường sắt Hà Nội- Hải Phòng qua Hải Dương là cầu nối giữa Thủ đô và các tỉnh phía Bắc ra cảng biển. Hải Dương cũng nằm trong hệ thống giao thông đường thủy chính của vùng châu thổ đặc biệt là hệ thống sông Thái Bình có điểm gặp sông Đuống ở Phả Lại.

Với những thuận lợi mà vị trí địa lý mang lại đã tạo điều kiện cho Hải Dương tham gia mạnh mẽ vào phân công lao động trên phạm vi toàn vùng Bắc Bộ và giữ vị trí quan trọng trong hoạt động phát triển du lịch của Trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận nói riêng, của vùng du lịch Bắc Bộ và cả nước nói chung.

2.1.1.2. Địa hình

Địa hình Hải Dương tương đối bằng phẳng và có đặc điểm hơi nghiêng và thấp dần từ Tây xuống Đông Nam với diện tích là 1662 km² được chia làm hai vùng: vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

Vùng đồi núi nằm ở phía Bắc của tỉnh thuộc dãy núi Đông Triều, chiếm 11% diện tích tự nhiên, thuộc 13 xã của huyện Chí Linh và 18 xã của huyện Kinh Môn. Vùng đồi núi ở đây thuộc kiểu địa hình Kasrt (chủ yếu là đá vôi) vì vậy thuận lợi cho hệ thống rừng phát triển. Bên cạnh đó, kiểu địa hình Kasrt là kiểu địa hình được tạo thành do sự lưu thông của nước trong các đá dễ hòa tan. Do quá trình biến đổi địa chất và ăn mòn thì thiên nhiên đã tạo ra được một vài hang động rất đẹp như động Kính Chủ ở Kinh Môn, đây là điểm tham quan kỳ thú hấp dẫn nhiều du khách.

Vùng đồng bằng còn lại chiếm 89% diện tích tự nhiên do phù sa sông Thái Bình bồi đắp, đất đai màu mỡ thích hợp với nhiều loại cây trồng lương thực. Và vùng đồng bằng của tỉnh mang đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ với nền văn minh lúa nước lâu đời. Chính điều này đã tạo nên những giá trị văn hóa trong đời sống của nhân dân trong tỉnh.

2.1.1.3. Khí hậu

Cũng như các tỉnh khác thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa: nóng ẩm, mưa nhiều và có 4 mùa rõ rệt, mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông. Lượng mưa trung bình hàng năm 1500-1700mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10 hàng năm; nhiệt độ trung bình hàng năm 23°C, nhiệt độ trung bình mùa đông là khoảng 20°C, nhiệt độ trung bình mùa hè từ 23-24°C, tháng nóng nhất của mùa hè là tháng 7 lên đến 28-29°C.

Nhìn chung, khí hậu của Hải Dương thuận lợi cho môi trường sống của con người, sự phát triển của hệ sinh thái động thực vật và thích hợp với các hoạt động du lịch.

2.1.1.4. Nguồn nước

Hải Dương có hệ thống sông ngòi khá dày. Toàn tỉnh có 14 tuyến sông chảy qua, trong đó có các hệ thống sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, sông Mạo Khê... Ngoài ra còn các hệ thống sông khác và các hệ thống sông địa phương, sông thủy nông, các ao hồ trong toàn tỉnh. Vì vậy nguồn nước mặt của Hải Dương cũng khá lớn. Nguồn nước ở hệ thống các sông địa phương, sông thủy nông được lấy từ sông Hồng sử dụng cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản của tỉnh và thải ra sông Thái Bình nên được quản lý khá nghiêm ngặt để đảm bảo nguồn nước. Hệ thống ao hồ trong tỉnh cũng khá nhiều, là nơi dự trữ nước lớn, điều hòa khí hậu, tạo ra cảnh quan môi trường trong lành và trở thành những khu vui chơi giải trí, công viên, khu nghỉ mát hấp dẫn nhiều khách du lịch như hồ Côn Sơn, hồ Mật Sơn, hồ Bạch Đằng...

Ngoài ra, Hải Dương còn có nguồn nước ngầm khá dồi dào, đảm bảo cho nguồn nước ở hệ thống các giếng ở các huyện, xã; đặc biệt ở nhiều huyện, nhiều xã còn có hệ thống giếng khoan với nguồn nước khá sạch phục vụ cho người dân địa phương như ở Thành phố Hải Dương, huyện Chí Linh, ở Văn An- Chí Linh đã có một trạm nước khoan sạch ở độ sâu hơn 30m, đảm bảo đủ tiêu chuẩn nước sạch không phải qua xử lý, rồi các hệ thống trạm cấp nước khác ở Thành phố Hải Dương, huyện Nam Sách, huyện Ninh Giang... Và Hải Dương còn có một mỏ nước nóng đã từng là nguồn để tạo nên nước khoáng và từng được sử dụng để chữa bệnh. Mỏ nước khoáng này chưa được khai thác và quy hoạch sử dụng.

2.1.1.5. Di tích tự nhiên và tài nguyên du lịch sinh thái

Từ các điều kiện về địa hình, khí hậu, nguồn nước đạo đã tạo ra cho Hải Dương một nguồn tài nguyên du lịch sinh thái khá phong phú.

Do chịu ảnh hưởng của thời tiết khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm và điều kiện đồi núi đá vôi đã cho Hải Dương một nguồn tài nguyên rừng với các thảm thực vật và hệ sinh thái đa dạng. toàn tỉnh có 9.140ha rừng, trong đó rừng tự nhiên có 2.304ha, rừng trồng là 6.756ha. Rừng chủ yếu là kiểu rừng

Nhiệt đới với hệ thực vật nhiệt đới như kim, sến, tấu, dẻ, keo...tập trung ở dãy núi Phượng Hoàng, Côn Sơn- huyện Chí Linh, núi An Phụ- huyện Kinh Môn. Thảm thực vật bên dưới có sim, mú... và ẩn lấp trong lòng nó là hệ thống các suối uốn lượn quanh co qua các dãy núi, rừng. Tiếng lá rừng vi vu, tiếng suối chảy róc rách tiếng chim hót líu lo...là một không gian cảnh quan thiên nhiên kỳ thú và hấp dẫn.

Với địa hình Kasrt ngoài hệ thống rừng thiên nhiên còn tạo ra cho Hải Dương một hệ thống hang động sau những cánh rừng như khu vực động Kính Chủ (Kinh Môn). Khám phá những hang động ở đây là tìm đến những kỳ thú của tạo hóa với những cảnh quan, hình tượng của thế giới tự nhiên qua những vách đá, những thạch nhũ, hình tượng các chú voi, sư tử, hình tượng cây rừng...Hệ thống hang động ở đây cũng là một trong những hệ thống hang động của Việt Nam và được xếp vào hàng Nam thiên sau các động như động Hương Tích, động Phong Nha, Tam Cốc- Bích Động...Đây cũng là món quà thiên nhiên ban tặng và là một tiềm năng để Hải Dương phát triển du lịch, đặc biệt du lịch sinh thái vào trong các hang động.

Để phát triển du lịch sinh thái Hải Dương phải kể đến một tiềm năng lớn đó là hệ thống hồ suối khá phong phú, nhiều hồ có diện tích lớn, có sự đa dạng sinh học: hồ Bạch Đằng, hồ Côn Sơn, hồ Bến Tắm, hồ Mật Sơn...Đa số các hồ đều nằm dưới các thung lũng xen kẽ giữa các dãy núi rừng nối tiếp nhau. Sự có mặt của các hồ nước, suối đá đã điểm thêm sự hài hòa cho vẻ đẹp thiên nhiên nơi núi rừng, tạo cho cảnh quan thêm hấp dẫn.

Mang đặc trưng của nền văn hóa lúa nước, Hải Dương có những làng quê trù phú, những cánh đồng lúa ngô xanh ngút ngàn được bao bọc bởi các dòng sông bồi đắp phù sa. Đây cũng là một tiềm năng để Hải Dương khai thác phát triển du lịch sinh thái, du lịch làng quê.

Điều đặc biệt hơn là sự kết hợp của tự nhiên rất hài hòa giữa rừng núi, hang động, sông suối, ao hồ và điểm thêm vào đó là những mái đình, đền, chùa cổ kính tạo ra một cảnh sơn thủy hữu tình, càng tăng thêm giá trị của các

điểm du lịch của Hải Dương. Tất cả là tiềm năng, là một lợi thế lớn của Hải Dương trong khai thác và phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái.

Cảnh quan và di tích tự nhiên đang được khai thác phục vụ du lịch ở Hải Dương hiện nay gồm 20 điểm (*Phụ lục 01*).

Ngoài ra, Hải Dương còn có nguồn tài nguyên nước với 14 tuyến sông, trong đó có 6 tuyến sông đủ điều kiện để khai thác phát triển du lịch (*Phụ lục 2*).

Một số tài nguyên du lịch tự nhiên tiêu biểu, có giá trị hấp dẫn khách du lịch cao:

+ **Khu danh thắng Côn Sơn:** thuộc xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh là khu vực có mật độ di tích dày đặc với chùa Côn Sơn, đền thờ Trần Nguyên Đán, đền thờ Nguyễn Trãi, Giếng Ngọc, Bàn Cờ Tiên, Thạch bàn, Ngũ nhạc Linh từ... Quần thể di tích lịch sử văn hóa có giá trị được đặt trong cảnh quan địa hình tự nhiên thơ mộng với những cánh rừng thông mã vĩ, núi non, hồ nước lượn quanh tạo nên cho Côn Sơn một khu du lịch độc đáo, hấp dẫn.

+ **Khu miệt vườn du lịch sinh thái sông Hương- Thanh Hà** _ một khu miệt vườn nổi tiếng với cây Vải tổ. Đến đây du khách sẽ chìm ngập trong những khu vườn vải trĩu quả, được thưởng thức những trái vải thơm ngon. Những trái vải ở đây được coi là đặc sản của vùng đất Hải Dương.

Sông Hương- Thanh Hà là một nhánh sông bắt nguồn từ sông Gù có chiều dài khoảng 21km, chảy qua 10 xã và thị trấn của Thanh Hà. Sông Hương có lượng phù sa màu mỡ, là một vùng đất có giàu tiềm năng tài nguyên du lịch tự nhiên thái, với những vườn vải xanh tươi bát ngát, nặng trĩu những chùm quả cùng với đủ loại cây ăn trái như: nhãn, chuối, đu đủ, ổi, na... Đến đây du khách có thể tham gia các sản phẩm du lịch thể thao sông nước (boi thuyền, câu cá...), du lịch sinh thái, du khảo đồng quê, tham quan nghiên cứu khoa học, thưởng thức các loại hoa quả, các món ăn ẩm thực dân dã... Đây là đặc thù của du lịch sinh thái Thanh Hà với hạt nhân là dòng sông Hương và các vườn cây ăn trái dọc hai bên bờ sông Hương.

Loại hình du lịch miệt vườn bằng thuyền trên sông Hương hay bằng đường bộ phụ thuộc rất lớn vào mùa hoa trái và điều kiện thời tiết trong năm. Mặt khác, loại hình du lịch này còn khá mới mẻ nên có khả năng hấp dẫn khách du lịch.

+ **Làng Cò Chi Lăng Nam** (Thanh Miện- Hải Dương)_ điểm du lịch sinh thái “độc nhất vô nhị” không chỉ đối với Hải Dương mà của cả miền Bắc nói chung. Sự đan xen hài hòa giữa cây cối, chim muông, hồ nước cùng khí hậu nhiệt đới với những cây cổ thụ và nhiều di tích bia đá cổ, đền, chùa, miếu mạo, làng nghề truyền thống...Đảo Cò Chi Lăng Nam có đầy đủ yếu tố có thể phát triển thành một vùng du lịch môi trường sinh thái. Công tác bảo vệ môi trường ở đây cũng khá tốt, mọi người dân trong vùng đều có ý thức bảo vệ đàn cò. Đảo Cò đã và đang được quy hoạch chi tiết thành khu du lịch sinh thái do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Miện làm chủ đầu tư.

+ **Khu sinh thái rừng, hồ Bền Tắm- Chí Linh:** nằm trên địa phận của 3 xã Bền Tắm, Hoàng Hoa Thám và Bắc An của huyện Chí Linh, bao gồm những đồi, núi, rừng, hồ tự nhiên. Hồ Bền Tắm rộng, có diện tích nước 7ha, quanh hồ là đồi núi có mặt bằng rộng và những cây dẻ, cây xanh tạo nên một vùng cảnh quan hấp dẫn, là nguồn tài nguyên quý giá để khai thác, xây dựng loại hình du lịch sinh thái, thể thao, nghỉ dưỡng.

+ **Núi Phượng Hoàng, huyện Chí Linh:** thuộc xã Văn An, huyện Chí Linh, có hệ thái sinh vùng núi đa dạng, những rừng thông, núi non trùng điệp với 72 ngọn núi, Phượng Hoàng còn là nơi an nghỉ của nhà giáo Chu Văn An. Trên núi Phượng Hoàng có đền thờ Chu Văn An, chùa Huyền Thiên, cung Tử Lạc, điện Lưu Quang...Khu di tích danh thắng Phượng Hoàng phù hợp để xây dựng thành nơi tham quan, nghiên cứu và du lịch nghỉ dưỡng cuối tuần.

+ **Động Kính Chủ, huyện Kinh Môn:** nằm trong dãy đá núi đá vôi Dương Nham thuộc xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, là một hệ thống hang động kì vĩ: động Kính Chủ, động Thăng Thiên và động Voi...Hệ thống hang động đã được Nhà nước xếp hạng năm 1962. Hàng năm vào ngày 12 tháng Giêng, nhân dân địa phương tổ chức lễ hội truyền thống thu hút khách thập phương đến tham quan, ngắm cảnh, nghiên cứu khoa học.

+ **Núi rừng An Phụ, huyện Kinh Môn:** thuộc xã An Sinh, huyện Kinh Môn. Núi An Phụ cao 246m, có rừng cây với những thảm thực vật đa dạng. Trên đỉnh núi có diện tích đền thờ An Sinh Vương Trần Liễu (tục gọi là Đền Cao), phía dưới là tượng đài Trần Hưng Đạo, một công trình văn hóa lớn vào cuối thế kỷ 20 của đất nước.

+ **Khu đa dạng sinh học Áng Bắc- Minh Tân, huyện Kinh Môn:** Được bao bọc bởi các dãy núi đá vôi Kinh Môn, tạo thành một thung lũng kéo dài (*gọi là các Thung áng*), rộng 5ha, khu tự nhiên Áng Bắc (thị trấn Minh Tân- Kinh Môn) vẫn còn nhiều giá trị về mặt sinh học với sự đa dạng của một số giống loài thực động vật quý hiếm như: trăn, rắn, khỉ vàng, dê núi, điều hâu. Khu đa dạng sinh học Áng Bắc là nguồn tài nguyên thiên nhiên rất quý giá cho du thái nhưng hiện tại khu vực này đang giao cho Công ty Xi măng Hoàng Thạch quản lý và khai thác.

+ **Các vùng quê trù phú, thả hồn về với thiên nhiên của nền Văn hóa lúa nước.** Dường như mật độ của các dòng sông, đình, đền, chùa có bố cục đặc trên toàn tỉnh. Những đền, chùa này đều gắn liền với những làng quê với cây đa, bến nước hoặc những bến sông, luôn luôn tạo nên những cảnh đẹp dễ gây ấn tượng với du khách. Phải chăng trong tâm thức của mỗi người dân Việt Nam hình ảnh về cây đa, bến nước, sân đình đã gần như trở thành một biểu tượng Văn hóa Việt.

Như vậy các điểm du lịch sinh thái của Du lịch Hải Dương rất phong phú nhờ có cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn, làng quê trù phú mang đậm nét đặc trưng của văn hóa Bắc Bộ, rất thuận lợi cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch đồng quê, và tham quan nghiên cứu khoa học.

2.1.2. Tài nguyên du lịch nhân văn

2.1.2.1. Tài nguyên vật thể

***Các di tích lịch sử văn hóa:**

Hải Dương là mảnh đất địa linh nhân kiệt, gắn liền với các bậc danh nhân với các bậc danh nhân nổi tiếng: Khúc Thừa Dụ, Trần Hưng Đạo, Phạm

Ngũ Lão, Nguyễn Trãi, Chu Văn An, Tuệ Tĩnh... Cho đến nay, Hải Dương vẫn còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử- văn hóa nổi tiếng gắn liền với các danh nhân như: Côn Sơn, Kiếp Bạc, Văn Miếu Mao Điền, Đền Cao...

Nằm đan xen giữa các danh thắng tự nhiên là hệ thống tài nguyên nhân văn với gần 3000 di tích lịch sử văn hóa trong đó có 142 di tích được xếp hạng quốc gia, 82 di tích đã và đang đề nghị xếp hạng cấp tỉnh. Tuy nhiên, ngành du lịch chỉ lựa chọn những di tích có giá trị văn hóa cao, còn hiện hữu một phần nét kiến trúc cổ kính, nằm trên những vị trí cảnh quan đẹp khai thác phát triển du lịch. Theo báo cáo đánh giá kết quả điều tra tài nguyên của Sở Thương Mại và Du Lịch Hải Dương (hiện nay là sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Dương) thực hiện năm 2007, Hải Dương có 167 di tích lịch sử văn hóa được xếp vào tài nguyên du lịch nhân văn (*Phụ lục 03*).

Trong đó, có nhiều di tích đặc trưng về văn hóa tâm linh, kiến trúc nghệ thuật, giáo dục truyền thống tiêu biểu là:

+ *Các di tích gắn liền với các danh nhân tiêu biểu của đất nước, có giá trị giáo dục truyền thống cao:* Chí Linh bát cổ; Côn Sơn- Kiếp Bạc; Đền Bia; Đền Xưa, Văn miếu Mao Điền...

+ *Các di tích có giá trị văn hóa tâm linh tiêu biểu:* Đền Sinh, Đền Hóa; Đền Cao; Đền Tranh; Đền Suốt;

+ *Các di tích có giá trị kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu:* Chùa Giám; chùa Đòng Ngộ với hệ thống tượng và tòa cửa phẩm liên hoa được dựng thế kỷ 16...

Đặc điểm cơ bản của hệ thống di tích Hải Dương được xây dựng chủ yếu bằng chất liệu gỗ do ảnh hưởng của vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa khắc nghiệt, độ ẩm cao, chiến tranh... nên nhiều di tích hủy hoại, mất yếu tố gốc, đã được trùng tu tôn tạo nhiều lần, mang dấu ấn kiến trúc, mỹ thuật của nhiều thời kỳ, song đậm đặc nhất vẫn là thời kỳ Lê- Nguyễn.

***Làng nghề và nghề truyền thống:**

Cũng giống như các vùng quê khác của tổ quốc Việt Nam, Hải Dương là một vùng quê trù phú với những cánh đồng lúa, ngô xanh ngút ngàn, thẳng cánh cò bay. Hơn nữa lại mang đặc trưng của nền văn hóa vùng đồng bằng sông Hồng, Hải Dương có một hệ thống các làng nghề truyền thống khá phong phú.

Hải Dương hiện có 32 làng nghề thuộc 15 nhóm nghề có thể khai thác phát triển du lịch (*Phụ lục 04*). Một số nghề thủ công truyền thống nổi tiếng có giá trị hấp dẫn khách du lịch bao gồm: Chạm khắc gỗ Đông Giao, Thêu ren Xuân Nẻo, Gốm Chu Đậu; Giày dép da Tam Lâm; Vàng bạc Châu Khê; Chạm khắc đá Kính Chủ. Sản xuất ở các làng nghề này rất ổn định và ngày càng phát triển theo hướng bền vững, đời sống người dân được nâng lên rõ rệt, thu nhập thường cao hơn so với thu nhập làm nông nghiệp. Đây là những nghề thủ công truyền thống có thể làm ra những sản phẩm những đồ lưu niệm mang đậm bản sắc dân tộc để bán cho du khách.

Một số làng nghề tiêu biểu:

Làng nghề vàng bạc Châu Khê- Bình Giang: Châu Khê xưa là nơi chế tác vàng bạc thuộc loại nổi tiếng nhất Việt Nam. Sản phẩm sau khi được chế tác với những đường nét trạm trổ tinh vi cùng nhiều loại hình, mẫu mã đẹp, được đem tiêu thụ ra mọi miền đất nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Hiện nay với cơ chế thị trường, những thợ giỏi và các kỹ xảo trong nghề đã bị mai một rất nhiều, nghề này chỉ được coi là nghề phụ. Với mô hình hoạt động: hợp tác xã đứng ra nhận làm thuê cho các bạn hàng, sau đó giao cho các gia đình trong thôn, mỗi hộ gia đình gia công một công đoạn sản phẩm. Với lòng yêu nghề và được khuyến khích phát triển của Nhà nước, nhân dân Châu Khê đang dần khôi phục làng nghề của mình.

Nghề chạm khắc đá Kính Chủ: Đá là vật liệu có sẵn trong thiên nhiên, được con người chế tác công cụ từ buổi bình minh của lịch sử. Trải qua hàng vạn năm, con người tích lũy được tri thức và kinh nghiệm chế tác, tạo nên những nghệ nhân, những trung tâm chuyên sản xuất những sản phẩm bằng đá,

trong đó có những tác phẩm vô giá, những công trình hùng vĩ, nay trở thành di sản văn hóa của nhân loại.

Làng Kính Chủ, xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn có nghề chạm khắc đá từ lâu đời, tác phẩm sớm nhất còn lại đến ngày nay là tấm bút tích Phạm Sư Mệnh, khắc năm thứ 144 triều Trần (1369) tại động Kính Chủ. Trong suốt một nghìn năm theo đuổi nghề nghiệp, thợ đá làng Kính Chủ đã sản xuất biết bao công trình và sản phẩm bằng đá, trong đó có những sản phẩm trở thành di sản văn hóa tiêu biểu của dân tộc, đặc biệt là những bia ký_những trang sử bằng đá vô cùng quý giá còn lại đến ngày nay. Qua hai cuộc chiến tranh, nghề chạm khắc đá ở Kính Chủ đã mai một nay đang được phục hồi, nhưng chưa tương xứng với truyền thống mà các thế hệ trước đã có.

Làng chạm khắc gỗ Đông Giao: làng chạm khắc gỗ Đông Giao thuộc xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng cách thành phố Hải Dương 20km về phía Tây. Nghề chạm khắc gỗ Đông Giao ra đời từ thế kỷ 17. Sau một thời gian bị mai một, đến năm 1983, nghề được phục hồi và phát triển đến ngày nay. Các nghệ nhân hiện nay chủ yếu chạm khắc và khảm trau các sản phẩm như cây cảnh, tranh, tượng, con giống, hàng lưu niệm, đồ nội thất gia đình...

Làng nghề gốm Chu Đậu: Làng gốm Chu Đậu thuộc xã Thái Tân, huyện Nam Sách cách thành phố Hải Dương 16 km về phía Tây Bắc. Nghề sản xuất gốm mỹ nghệ đã xuất hiện ở làng Chu Đậu cách đây hơn 400 năm. Nơi đây đã từng là một trung tâm sản xuất gốm mỹ nghệ xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Nhưng do nhiều nguyên nhân, nghề gốm Chu Đậu đã bị thất truyền từ nhiều thế kỷ. Đến năm 2001, công ty Hapro đã đầu tư xây dựng xí nghiệp gốm tại Chu Đậu và nghề sản xuất gốm đã được khôi phục và phát triển. Gốm Chu Đậu ngày nay được ưa thích bởi chất lượng cao, chủng loại phong phú, hoa văn tinh túy và chất men độc đáo, đa dạng. Sản phẩm gốm Chu Đậu được bán rộng khắp trong cả nước và được xuất khẩu sang nhiều nước trên thế giới như Nhật Bản, Đài Loan và một số nước Châu Âu...

***Các công trình văn hóa khác:**

Bên cạnh các công trình tôn giáo theo đạo Phật, thì Công giáo cũng có một số công trình nổi tiếng như: Nhà thờ Kê Sặt; Nhà thờ Hải Dương...

2.1.2.2. Tài nguyên phi vật thể

***Lễ hội truyền thống:**

Gắn liền với các di tích lịch sử văn hóa, các đình, đền, chùa, miếu là các lễ hội truyền thống văn hóa dân gian, vì vậy Hải Dương có rất nhiều lễ hội truyền thống, ứng với mỗi di tích lịch sử văn hóa là một lễ hội được tổ chức hàng năm đã góp phần làm nên diện mạo của một điểm đến tìm hiểu về các giá trị văn hóa lịch sử hấp dẫn... Theo đánh giá tài nguyên du lịch của ngành du lịch, Hải Dương có 50 lễ hội tiêu biểu có khả năng nâng cấp thành sản phẩm du lịch (*Phụ lục 05*).

Lễ hội truyền thống là tài nguyên nhân văn có giá trị du lịch rất lớn; thời gian tổ chức lễ hội thường diễn ra vào mùa Xuân và mùa Thu “xuân thu nhị kỳ”, đây là khoảng thời gian rất thích hợp với khách du lịch, thời tiết mát mẻ, không khí dễ chịu. Các lễ hội tiêu biểu là hội đền Kiếp Bạc, hội chùa Côn Sơn, đền Cao An Phụ, động Kính Chủ, lễ hội chùa Giám, lễ hội đền Bia, lễ hội đền Xưa, lễ hội đền Tranh... với những nội dung và các nghi lễ, trò diễn tiêu biểu như lễ ban ấn, lễ rước bộ, rước thủy, hát văn, đấu vật, thư pháp, đập niêu, rội nước, cầu kiều...

Bên cạnh những lễ hội Việt Nam thì mỗi một di tích là một hệ thống lễ hội mang đặc điểm, đặc trưng riêng biệt của nó. Hải Dương có một hệ thống lớn các di tích lịch sử văn hóa và bên cạnh đó là một hệ thống lớn các lễ hội truyền thống, văn hóa dân gian. Hội làng ở Hải Dương mang những nét tiêu biểu của hội làng người Việt ở đồng bằng sông Hồng là loại lễ hội truyền thống tiêu biểu cho xã hội nông thôn Việt Nam.

Có thể nói, những lễ hội diễn ra là bức tranh phản ánh đời sống của nhân dân trong vùng, ngoài phần kiến trúc, lịch sử của di tích thì chính những nét đặc sắc của lễ hội là hạt nhân thu hút thị trường khách du lịch văn hóa.

***Văn nghệ diễn xướng dân gian:**

Nền văn hóa của đồng bằng sông Hồng đã tác động rất lớn đến văn nghệ dân gian của Hải Dương. Theo kết quả nghiên cứu, các loại hình văn nghệ dân gian đặc sắc còn được lưu giữ là hát chèo, hát tuồng Thạch Lỗi- Cẩm Giàng, hát đối Gia Xuyên- Gia Lộc, hát trống quân ở Tào Khê- Bình Giang, xiếc ở Thanh Miện, Múa rối nước là loại hình nghệ thuật được khách quốc tế quan tâm nhiều nhất.

2.1.2.3. Ẩm thực

Mỗi một vùng quê đều mang những nét đặc trưng riêng biệt. Nét đặc trưng riêng biệt đó khiến cho bất kỳ ai đó khi nhắc đến nó là biết ngay nó ở đâu, của vùng nào. Đó có thể là một món ăn, một món đồ hàng, một loại quả... Và tất cả trở thành đặc sản của vùng quê đó. Khi nhắc đến Hải Dương không ai không nhớ đến các đặc sản đặc trưng của Hải Dương như: bánh đậu xanh, bánh gai, vải thiều...

Người Hải Dương xa nhà nhìn thấy những những đặc sản như nhìn thấy quê hương, lòng rạo rức nhớ quê. Khách muôn phương thì lại nhớ về một vùng đất cư dân thuần hậu, giữa đồng bằng sông Hồng. Đặc biệt là chiếc bánh đậu xanh, chiếc bánh nhỏ bé, giản dị nhưng đã mang tiếng thơm của tỉnh Đông đến muôn nơi.

Hải Dương nằm trong vùng đồng bằng Bắc Bộ, lại có những loại cây đặc sản nổi tiếng như vải thiều, có vùng nước lợ...nên ẩm thực của Hải Dương cũng có những nét độc đáo riêng biệt. Nổi tiếng là: Bánh đậu xanh, vải thiều, mắm rươi, mắm cáy Thanh Hà, rượu Phú Lộc, Rượu nếp cái hoa vàng Kinh Môn, Giò chả Gia Lộc, Bánh đa Kẽ Sặt, Dưa hấu Gia Lộc...

2.1.3. Đánh giá chung về tài nguyên du lịch ở Hải Dương.

Hải Dương nằm trong Trung Tâm du lịch Bắc Bộ (Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh), các tỉnh này đều có những điểm du lịch hấp dẫn, hàng năm thu hút lượng lớn khách du lịch trong nước và quốc tế, sự giao lưu giữa các địa danh này tạo nên hoạt động du lịch sôi động và đều có sự lưu thông qua lại với Hải Dương. Hệ thống giao thông đường bộ và đường thủy thuận lợi tạo

điều kiện cho Hải Dương dễ dàng liên kết với các tỉnh trong vùng du lịch Bắc Bộ, nối tour, tuyến du lịch, mở rộng khai thác thị trường.

Hải Dương vừa có đồng bằng, vừa có trung du và rừng núi với cảnh quan và hệ sinh thái, đặc biệt là vùng núi phía bắc (Chí Linh, vùng núi An Phụ), nổi tiếng là khu Côn Sơn, núi An Phụ, dãy núi đá vôi Dương Nham và động Kính Chủ cùng quần thể các hang động, khu đa dạng sinh học thuộc các xã Duy Tân, Minh Tân, Tân Dân đã tạo nên một sức mạnh tổng hợp khi khai thác phát triển du lịch.

Về tài nguyên du lịch nhân văn, thế mạnh của Hải Dương là nền văn hóa lúa nước lâu đời gắn với những lễ hội dân gian, nghề truyền thống, nếp sống yên bình, nét văn minh cộng đồng. Đồng thời, Hải Dương còn là vùng đất địa linh nhân kiệt, có truyền thống hiếu học, và còn lưu giữ nhiều di tích lịch sử có giá trị của dân tộc. Các di tích lịch sử văn hóa có kiến trúc độc đáo, có sự giao thoa giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch văn hóa- lịch sử.

Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, làng nghề truyền thống ở Hải Dương đã tích tụ nhiều kinh nghiệm có giá trị, dưới bàn tay tài hoa của các nghệ nhân nhiều thế hệ đã tạo ra nhiều sản phẩm phục vụ đắc lực cho đời sống xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác thành sản phẩm du lịch.

Nguồn tài nguyên du lịch phân bố tương đối đồng đều trên toàn tỉnh tạo thuận lợi cho đầu tư phát triển du lịch, tổ chức các cụm du lịch, các chương trình du lịch.

Với những thuận lợi trên, nếu khai thác và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, Du lịch Hải Dương sẽ có đủ điều kiện để phát triển bền vững. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi thế, du lịch Hải Dương còn có nhiều khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển bền vững của ngành:

— Tài nguyên du lịch ở Hải Dương nhiều về số lượng, nhưng không có lợi thế so sánh. Trừ khu Côn Sơn- Kiếp Bạc được đánh giá là quần thể di tích danh thắng có giá trị ở tầm quốc gia, các tài nguyên khác có nhiều nét tương

đồng với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đòi hỏi trong khai thác , sử dụng cần có những nghiên cứu chuyên sâu để tạo sự khác biệt của sản phẩm .

_ Các hang động có giá trị nằm trên địa bàn huyện Kinh Môn, xen kẽ với các núi đá và các nhà máy sản xuất xi măng, do vậy việc khai thác đá, khí thải của các nhà máy sản xuất xi măng đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường du lịch ở đây.

_ Một số lễ hội, các làng nghề truyền thống; các nét sinh hoạt văn hóa dân gian...trong thời gian qua ít được đầu tư nên ít nhiều bị mai một dần, hoặc bị thương mại hóa cho phù hợp với nền kinh tế thị trường. Đây là một hạn chế, nếu không sớm khắc phục sẽ hạn chế tính hấp dẫn khách du lịch.

_ Với đặc điểm văn hóa lúa nước, hoạt động nông nghiệp tạo nguồn sống chính nên ở nhiều nơi kinh tế còn khó khăn, trình độ dân trí chưa đồng đều, nhận thức về bảo vệ và giữ gìn tài nguyên môi trường cho hoạt động du lịch trong mỗi người dân chưa cao do vậy còn có những hiện tượng chưa hoàn mỹ về nhân văn đối với tài nguyên môi trường du lịch như bẻ cây, xả rác, đeo bám khách...trong các điểm du lịch.

2.2. Thực trạng phát triển du lịch ở Hải Dương

2.2.1. Các chỉ tiêu đã đạt được trong phát triển ngành.

2.2.1.1. Khách du lịch

Hải Dương có 2 nguồn khách cơ bản: Nguồn thứ nhất là khách đến Hải Dương du lịch và lưu trú lại (khách lưu trú); nguồn thứ hai là khách đi theo tuyến du lịch Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh chỉ dừng chân nghỉ tạm tại các trung tâm dịch vụ du lịch, các điểm dừng chân để mua sắm và ăn uống (khách không lưu trú), đối tượng khách không lưu trú chủ yếu là khách du lịch quốc tế. Ngoài ra, còn có một lượng khách lễ hội rất lớn đến Hải Dương trong ngày (khoảng trên dưới 3 triệu lượt mỗi năm) đi đến chùa vì mục đích tâm linh, không sử dụng các dịch vụ du lịch nên không được thống kê vào tổng lượt khách, song đối tượng khách này là thị trường tiềm năng rất lớn của ngành du lịch.

Năm 2009, toàn tỉnh đón và phục vụ 2.050.000 lượt khách, tăng 12,64% so với năm 2008, đạt 89,13% so với kế hoạch năm 2009 của Đề án phát triển du lịch. Khách lượt trú đạt 499.000 lượt, tăng 24,13% so với năm 2008, đạt 99,8% so với kế hoạch (Trong đó: khách quốc tế ước đạt 105.000 lượt, tăng 23,53% so với năm 2008, đạt 87,5% kế hoạch; khách nội địa ước đạt 394.000 lượt tăng 24,29% so với năm 2008, đạt 103,68%). Ngoài ra các trung tâm dịch vụ mua sắm còn đón 1.551.000 lượt khách, tăng 14,89% so với năm 2008, đạt 86,16% kế hoạch (khách từ các tour Hải Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh dung chân ăn uống mua sắm); các di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc, đền Tranh, An Phụ- Kính Chủ vào những ngày lễ hội lượng khách có khoảng trên 1 triệu khách đi về trong ngày. Lượng khách này tuy có thu nhập thấp song đây là thị trường tiềm năng cần được khai thác trong kế hoạch phát triển.

Theo báo cáo thống kê của ngành Du lịch Hải Dương thì từ năm 2001 đến năm 2008 khách du lịch đến Hải Dương có mức tăng trưởng ổn định, nhịp độ tăng trưởng trung bình là 24,9%/ năm. Trong đó khách lưu trú là 23,0%, khách không lưu trú là 25,5%. Về tuyệt đối, khách lưu trú quốc tế và nội địa năm 2008 tăng 3,7 lần so với năm 2001. Đây là dấu hiệu tốt đối với phát triển du lịch bền vững.

Đồng thời theo thống kê của ngành du lịch Hải Dương thì giai đoạn 2006-2010 khách du lịch đến Hải Dương có mức tăng trưởng khá. Khách du lịch lưu trú tăng từ 303.000 lượt năm 2006 lên 420.000 lượt năm 2008 và ước đạt 570.000 vào năm 2010, tăng trưởng trung bình là 17,8%/năm; khách không lưu trú tăng từ 797.000 lượt năm 2006 lên 1.480.000 lượt năm 2008 ước đạt 1.600.000 lượt năm 2010, tăng trưởng trung bình là 21,7%/năm.

Thị trường khách quốc tế chủ yếu là khách Trung Quốc chiếm 25%, Hàn Quốc 19%, Nhật Bản 14,5%, Đài Loan 16%, còn lại là 25,5% là khách ở các thị trường khác như: Anh, Pháp, Mỹ, Canada, các nước ASIAN..., Thị phần các thị trường khách quốc tế có mức chi tiêu cao như Anh, Pháp, Mỹ, Nhật chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng số lượt khách quốc tế và có xu thế tăng chậm. Thị trường khách quốc tế có mức chi tiêu thấp như Trung Quốc chiếm tỷ

trọng lớn và có xu hướng tăng nhanh. Điều này sẽ làm cho mức chi tiêu bình quân của khách giảm, theo tốc độ đó tăng trưởng thu nhập sẽ thấp hơn tốc độ tăng trưởng khách du lịch. Thực trạng này khuyến cáo du lịch Hải Dương cần sớm có giải pháp nghiên cứu thị trường để xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp với thị trường khách có mức chi tiêu cao.

_ Đối với khách du lịch nội địa thì mặc dù số lượt khách có tăng liên tục song khách lưu trú vẫn chủ yếu là khách công vụ: khách của các bộ, ngành, đoàn thể đến dự các hội nghị, hội thảo, các giải thể thao kết hợp du lịch chiếm 55% (Du lịch MICE); Nghiên cứu khoa học 15%, du lịch thuần túy 23%, khác 7%...), đối tượng khách này phần lớn chỉ tiêu cho lưu trú, chi tiêu cho mua sắm và vui chơi giải trí thấp.

Bảng 2.1. Tốc độ tăng trưởng khách du lịch giai đoạn 2001-2008

Năm / Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tăng trưởng
Tổng lượt khách	354	472	631	720	851	1100	1550	1900	24,9%
Khách lưu trú	113	122	151	203	251	303	365	420	23,0%
Khách quốc tế	27	26	31	38	51	60	82,5	100	23,1%
Khách nội địa	86	96	120	165	200	243	282,5	320	23,0%
Khách không lưu trú	241	350	480	517	600	797	1185	1480	25,5%
Khách quốc tế	115	163	216	232	289	374	556	637	26,4%
Khách nội địa	126	187	264	285	311	423	629	843	24,9%

Đơn vị tính: Nghìn lượt khách

Nguồn: Báo cáo thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao Du lịch năm 2008

Tuy nhiên, số ngày lưu trú của khách du lịch thấp, đạt trung bình là 1,3 ngày. Thêm vào đó, mức độ hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch ở Hải Dương chưa cao, theo số liệu điều tra khách du lịch thông qua phiếu hỏi của Sở Thương Mại và Du Lịch Hải Dương thực hiện năm 2007 (hiện nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Dương) thì còn 43,8% khách du lịch chưa thực sự hài lòng về sản phẩm và chất lượng dịch vụ ở Hải Dương. Trong đó, tại các khu, điểm du lịch chưa hài lòng, khách du lịch

không hài lòng với chất lượng sản phẩm và dịch vụ đồng nghĩa với việc khách sẽ không quay trở lại. Như vậy có thể thấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Hải Dương chưa đáp ứng yêu cầu của khách.

Như vậy số lượng khách có tăng nhưng tốc độ tăng trưởng so với mục tiêu đặt ra vào năm 2010 là chưa đạt. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu từ năm 2007 đến nay và địa dịch cúm A(H1N1) đã làm cho lượng khách suy giảm mạnh.

Những khó khăn, thách thức từ thiên tai, dịch bệnh, và cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính toàn cầu đã có nhiều tác động tiêu cực làm giảm sút hiệu quả kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

Bảng 2.2. Mức độ hài lòng của khách du lịch

TT	Nhóm sản phẩm và dịch vụ	Số khách được hỏi	Rất hài lòng		Hài lòng		Chưa hài lòng	
			Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1	Các khu, điểm du lịch chính	500	45	9	160	32	295	59
2	Các trung tâm mua sắm	300	45	15	204	68	51	17
3	Dịch vụ lưu trú du lịch	300	36	12	105	35	159	53
4	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	150	6	4	54	36	90	60
5	Dịch vụ lữ hành	300	0		129	43	171	57
6	Dịch vụ vận chuyển khách	300	57	19	198	66	45	15

	Tổng số phiếu hỏi	1850	189	10,2	850	46,0	811	43,8
--	--------------------------	-------------	------------	-------------	------------	-------------	------------	-------------

Nguồn: Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch Hải Dương (Đề tài: Điều tra hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý và khai thác tài nguyên du lịch, Hải Dương 2007)

Như vậy, chỉ tiêu khách du lịch mới chỉ đạt yêu cầu bền vững về số lượng; về chất lượng chưa thật sự bền vững.

2.2.1.2. Thu nhập du lịch, GDP du lịch và tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế

* Thu nhập du lịch

Thu nhập du lịch của Hải Dương không ngừng gia tăng về giá trị tuyệt đối và nhịp độ tăng trưởng, giai đoạn 2001- 2008 có mức tăng trưởng trung bình 23,2%, doanh thu du lịch tăng từ 390 tỷ đồng năm 2006 lên 530 tỷ đồng năm 2008 và ước 680 tỷ đồng vào năm 2010, giai đoạn 2006- 2010 có mức tăng trưởng trung bình 15,2%. Với xu thế hiện nay, cùng với sự gia tăng của số lượng khách, chắc chắn trong năm tới thu nhập du lịch của Hải Dương sẽ gia tăng, góp phần tích cực vào sự phát triển du lịch bền vững từ góc độ kinh tế.

Mặc dù doanh thu du lịch có tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng thấp không đạt mục tiêu đề ra vào năm 2010 (22%). Nguyên nhân từ việc suy giảm khách kéo theo sự suy giảm doanh thu du lịch.

Về chất, có sự thay đổi liên tục về cơ cấu chi tiêu của khách, điều này cũng làm thay đổi theo về cơ cấu thu nhập theo hướng giảm dần tỷ lệ doanh thu từ các dịch vụ du lịch như lưu trú, ăn uống; tăng dần doanh thu từ lĩnh vực vận chuyển, doanh thu bán hàng, doanh thu từ các dịch vụ bổ sung khác. Với sự thay đổi từ cơ cấu chi tiêu này sẽ là điều kiện tốt để gia tăng tổng thu nhập của các hoạt động du lịch. Tuy nhiên, mức chi tiêu bình quân của khách còn thấp và có xu hướng giảm, chỉ tiêu này khuyến cáo du lịch Hải Dương phải có những giải pháp thu hút khách du lịch có thu nhập cao đảm bảo phát triển bền vững về mặt kinh tế.

Bảng 2.3. Thu nhập du lịch giai đoạn 2001-2008

Đơn vị tính: tỷ đồng

Năm / Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tăng trưởng
Tổng thu nhập	120	140	167	256	335	390	465	530	23,2%
<i>Thu từ các hoạt động</i>									
_ <i>Lữ hành</i>	<i>0,8</i>	<i>7,1</i>	<i>9,0</i>	<i>9,2</i>	<i>16,0</i>	<i>17,6</i>	<i>19,5</i>	<i>18</i>	-
_ <i>Cho thuê buồng</i>	<i>13,2</i>	<i>23,0</i>	<i>26,5</i>	<i>38,5</i>	<i>55,0</i>	<i>72,0</i>	<i>90,5</i>	<i>125</i>	-
_ <i>Bán hàng ăn uống</i>	<i>40,3</i>	<i>35,6</i>	<i>40,4</i>	<i>55,3</i>	<i>65,0</i>	<i>82,8</i>	<i>95,0</i>	<i>120</i>	-
_ <i>Bán hàng hóa</i>	<i>35,2</i>	<i>28,5</i>	<i>32,1</i>	<i>60,0</i>	<i>74,0</i>	<i>70,0</i>	<i>80,0</i>	<i>110</i>	-
_ <i>Vận chuyển KDL</i>	<i>16,3</i>	<i>30,9</i>	<i>38,2</i>	<i>54,8</i>	<i>65,0</i>	<i>87,2</i>	<i>105</i>	<i>109</i>	-
_ <i>Vui chơi giải trí</i>	<i>13,4</i>	<i>13,0</i>	<i>15,7</i>	<i>31,2</i>	<i>45,0</i>	<i>46,4</i>	<i>50,0</i>	<i>35</i>	-
_ <i>Thu khác</i>	<i>0,8</i>	<i>1,9</i>	<i>5,1</i>	<i>7,0</i>	<i>15,0</i>	<i>14,0</i>	<i>25,0</i>	<i>13</i>	-
Chỉ tiêu bình quân (nghìn đồng)	339	297	265	286	353	327	300	279	-

Nguồn: Báo cáo thống kê của Sở TM và DL năm 2000-2007, của Sở VHTTDL năm 2008

*** GDP du lịch và tỷ trọng trong GDP của tỉnh**

+ *Tốc độ tăng trưởng GDP:*

Bảng 2.4. Tốc độ tăng trưởng GDP du lịch

Đơn vị: tỷ đồng (theo giá so sánh năm 1994)

Năm / Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Tăng trưởng
Khách sạn nhà hàng*	50	52	58	69	77	92	96	111	
Du lịch **	56	65	69	78	87	103	117	128	11,7%
Tổng GDP của tỉnh *	5450	6110	6905	7541	8440	9359	10434	11533	10,9%

**Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2000-2007; báo cáo kinh tế xã hội tháng 12 và ước đạt năm 2008 của Cục thống kê tỉnh Hải Dương*

***Nguồn: Báo cáo thống kê của Sở TM và DL năm 2001-2007; của Sở VH TTDL năm 2008*

Số liệu của cục Thống kê chỉ tính cho hoạt động khách sạn nhà hàng nên phạm vi khóa luận chỉ phân tích theo số liệu Báo cáo của Sở Thương Mại- Du Lịch và Sở Văn Hóa, Thể Thao và Du Lịch tính chung cho tất cả các loại hình du lịch để đánh giá được đầy đủ hơn. Theo báo cáo của ngành Du lịch Hải Dương, chỉ tiêu GDP du lịch được xác định bằng tổng thu nhập của các hoạt động: lữ hành, lưu trú, vận chuyển khách du lịch, ăn uống, bán hàng lưu niệm, phục vụ vui chơi giải trí và các dịch vụ khác phục vụ khách du lịch...trừ đi tổng chi phí trung gian (toàn bộ chi phí được sử dụng trong quá trình sản xuất để tạo ra sản phẩm vật chất và dịch vụ). Trong giai đoạn 2001-2010, tổng sản phẩm du lịch của Hải Dương giữ được mức tăng trưởng ổn định, năm sau tăng cao hơn năm trước. Tốc độ tăng trưởng trung bình thời kỳ

2001-2010 đạt được 13,7%/ năm (mức tăng trưởng trung bình của cả nền kinh tế).

+ Tỷ trọng GDP Du lịch trong GDP của tỉnh

Số tuyệt đối và tỷ trọng trong nền kinh tế còn thấp. Năm 2001 chiếm 1,6%, đến năm 2008 chiếm 1,5%; bình quân chung cả giai đoạn tổng sản phẩm du lịch chiếm tỷ trọng 1,51% tổng sản phẩm của tỉnh.

GDP trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng tính theo giá thực tế năm 2006 đạt 236 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,5% trong cơ cấu các ngành kinh tế; năm 2007 đạt 294 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,6%; năm 2008 đạt 339 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 1,4%.

Tốc độ tăng trưởng GDP du lịch và tỷ trọng trong cơ cấu các ngành kinh tế của tỉnh bị chững lại vào năm 2008 là do suy thoái của nền kinh tế toàn cầu cùng với thiên tai, dịch bệnh. Mặc dù vậy, đánh giá chung thì Chi tiêu GDP du lịch có tốc độ tăng trưởng khá (13%) và tăng cao hơn so với mức tăng trưởng chung của nền kinh tế (11%).

Bảng 2.5. Tỷ trọng GDP du lịch trong GDP của tỉnh

Đơn vị tính: tỷ đồng- theo giá thực tế

Năm / GDP	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	Giai đoạn 2001-2008
Khách sạn nhà hàng*	70	74	108	152	187	236	259	339	1425
Du lịch **	78	93	129	172	212	265	315	349	1613
Tổng GDP của tỉnh *	6712	7974	9789	11563	13334	15521	18243	23492	106628
Tỷ trọng	1,16	1,17	1,32	1,49	1,59	1,71	1,73	1,5	1,51

**Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2002-2007; báo cáo kinh tế xã hội tháng 12 và ước năm 2008 của Cục thống kê tỉnh Hải Dương.*

***Nguồn: Báo cáo thống kê sở TM và DL các năm 2001 đến 2007; sở VHTTDL năm 2008.*

Chỉ tiêu GDP du lịch có tốc độ tăng trưởng tương đối cao trong suốt 8 năm và tăng cao hơn mức tăng trưởng chung của tỉnh. Mặc dù số tuyệt đối và tỷ trọng tổng sản phẩm du lịch trong tổng sản phẩm trong tỉnh còn thấp (1,5%); song tỷ trọng thấp đó là do mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp du lịch quá thấp so với các ngành kinh tế khác (0,19%). So sánh từ tỷ trọng đầu tư với tỷ trọng tổng sản phẩm thì hoạt động du lịch vẫn đạt hiệu quả. Nhìn chung, chỉ tiêu GDP du lịch của Hải Dương phát triển tương đối bền vững.

2.2.1.3. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật là một trong những yếu tố quan trọng trong kinh doanh du lịch và được quan tâm hàng đầu vì nó tác động trực tiếp đến thu nhập du lịch và có khả năng sinh lợi lớn. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch bao gồm hệ thống cơ sở lưu trú, vui chơi giải trí, phương tiện vận chuyển khách du lịch và các dịch vụ có liên quan.

*** Hệ thống cơ sở lưu trú du lịch:** Hệ thống cơ sở lưu trú là một trong những yếu tố hết sức quan trọng ảnh hưởng lớn đến sự phát triển du lịch. Trong những năm qua, các cơ sở lưu trú du lịch ở Hải Dương phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng phần nào nhu cầu của khách du lịch. Năm 2001, toàn tỉnh có 30 khách sạn, nhà nghỉ, với tổng số 557 phòng nghỉ; năm 2006, toàn tỉnh có 73 khách sạn, nhà nghỉ với tổng số 1540 phòng nghỉ; đến năm 2008, đã có 102 cơ sở lưu trú du lịch với 1953 phòng nghỉ, tổng số phòng khách sạn sẽ nâng lên 2.550 phòng vào năm 2010; tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2006- 2010 đạt 13,7% (cả nước tăng 12,1%). Chất lượng dịch vụ trong hệ thống khách sạn đã đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách.

Bảng 2.6. Tổng hợp các cơ sở lưu trú du lịch giai đoạn 2001-2010

Năm/ Nội dung	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010
Số cơ sở lưu trú	33	40	56	62	68	73	83	102	105	110
Tổng số phòng	650	810	950	1099	1240	1540	1820	1953	2250	2550
Tổng số giường	1050	1215	1520	1648	2144	2700	2985	3202	3700	3900

Nguồn: Báo cáo thống kê của Sở TM và DL các năm 2001-2007, của Sở VH TTDL các năm 2008-2010

Qua bảng số liệu cho thấy, hệ thống cơ sở lưu trú phát triển với nhịp độ tương đối nhanh và ổn định. Tốc độ tăng trưởng phòng khách sạn đạt trung bình là 17%/năm; tốc độ tăng trưởng này chiếm 0,7 tốc độ tăng trưởng khách du lịch trong từng thời kỳ. Với nhịp độ tăng trưởng trung bình của hệ thống các cơ sở lưu trú và khách du lịch như vậy, luôn đảm bảo cho hệ số công suất sử dụng phòng đạt trung bình là 60%. Đây là những chỉ số phát triển tương đối ổn định và có hiệu quả về mặt kinh tế. Còn về mặt chất lượng của hệ thống khách sạn cũng không ngừng được nâng lên, số phòng khách được xếp hạng liên tục được gia tăng những năm sau cao hơn năm trước (*Phụ lục 6_ Quy mô cơ sở lưu trú du lịch*). Đây là điều kiện cần thiết để đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch trong nước và quốc tế.

***Phương tiện vận chuyển khách du lịch:** Hệ thống phương tiện vận chuyển khách tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Năm 2001 toàn tỉnh có 3 doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch và một số hộ cá thể với tổng số 200xe, đến năm 2008 toàn tỉnh có 21 doanh nghiệp vận chuyển với trên 700 xe (*Phụ lục 07*). Các phương tiện vận chuyển đều đảm bảo chất

lượng, tiện lợi và an toàn góp phần hoàn thiện hệ thống dịch vụ du lịch ở Hải Dương theo hướng phát triển du lịch bền vững.

***Cơ sở vui chơi giải trí- thể thao:** Các cơ sở vui chơi giải trí- thể thao cũng như dịch vụ phục vụ khách du lịch còn ít. Ở các khách sạn mới chỉ dừng lại ở một số dịch vụ massage, tennis, bể bơi, phòng hát karaoke; Công ty cổ phần sân Golf Chí Linh mới chỉ đưa vào sử dụng sân golf 36 lỗ, hệ thống dịch vụ kèm theo như câu lạc bộ đêm, trường đua ngựa...còn đang trong giai đoạn xây dựng. Gần đây, tỉnh cũng chú trọng quy hoạch một số khu vui chơi giải trí nhưng các dự án này đều tập trung ở thành phố Hải Dương; ở các khu du lịch đang thu hút khách như Côn Sơn- Kiếp Bạc, đảo Cò...chưa có các cơ sở vui chơi giải trí- thể thao. Sự thiếu hụt các cơ sở vui chơi giải trí- thể thao, một mặt đặc không kích thích được khả năng chi tiêu của khách, mặt khác đã hạn chế thời gian lưu trú của họ. Đây là một nguyên nhân khiến khách du lịch chỉ đi về trong ngày và có mức chi tiêu thấp.

Hiện tại, các cơ sở vui chơi giải trí, thể thao chưa đáp ứng yêu cầu nhưng trong thời gian tới các dự án đang xây dựng được hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ làm phong phú thêm hệ thống sản phẩm du lịch của Hải Dương góp phần phát triển du lịch bền vững.

2.2.1.4. Nguồn nhân lực du lịch

a. Về số lượng và trình độ đào tạo

Cùng với sự gia tăng của khách du lịch và hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, trong những năm qua số lượng lao động trong ngành du lịch ở Hải Dương không ngừng gia tăng, tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho xã hội. Theo số liệu Thống kê của Sở Thương Mại và Du Lịch Hải Dương (nay là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Dương), năm 2001 Hải Dương có 795 lao động làm việc trực tiếp trong cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và các cơ sở kinh doanh du lịch; năm 2006 tăng lên 2400 lao động; năm 2008 tiếp tục tăng là 3250 người; và đến năm 2010 ước đạt là 3745 người, tăng trưởng trung bình giai đoạn 2001- 2008 là 22,3% nhưng sang giai đoạn 2006- 2010 tỷ lệ này chỉ còn 15,6%. Ngoài ra, hàng năm còn chục ngàn lao động xã hội

khác phục vụ du lịch thông qua cung ứng hàng hóa, dịch vụ vận tải, ăn uống, vui chơi giải trí tại các điểm du lịch.

Bảng 2.7. Lao động trong ngành du lịch giai đoạn 2001-2010

Đơn vị tính: Người

Năm / Trình độ	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	Ước 2010	Tỷ lệ
Tổng số	795	1004	1315	1424	1817	2000	2400	2800	3250	3745	100%
Đại học và trên đại học	80	114	145	150	235	250	305	364	487	525	12,9%
Cao đẳng và trung cấp	340	500	615	650	675	720	792	890	1650	1740	41,7%
Sơ cấp	90	113	185	198	255	260	355	437	579	900	16,4%
Dưới sơ cấp	80	120	175	247	315	329	513	725	284	340	15,2%
Lao động phổ thông chưa qua đào tạo	205	157	195	155	337	441	435	384	250	240	13,8%

Nguồn: Báo cáo thống kê sở TM và DL các năm 2001-2007, của Sở VHTTDL các năm 2008-2010

Về chất lượng đào tạo: Tính bình quân cả giai đoạn thì số lao động có trình độ đại học trở lên chiếm 12,9%; cao đẳng và trung cấp chiếm 41,7%; trình độ sơ cấp chiếm 16,4%; trình độ dưới sơ cấp (qua đào tạo tại chỗ hoặc huấn luyện nghiệp vụ ngắn hạn) chiếm 15,2%; trình độ lao động phổ thông

chưa qua đào tạo chiếm 13,8%. Số lao động có trình độ từ trung cấp trở lên có xu hướng tăng, lao động phổ thông có xu hướng giảm thể hiện chất lượng nguồn nhân lực du lịch dần được nâng lên.

b. Mức độ đáp ứng yêu cầu công việc hiện nay

***Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước:** đã được đào tạo đại học và trên đại học. Tuy nhiên, đa số đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về du lịch được đào tạo lại từ các chuyên ngành Tài Chính, Thương Mại, Ngoại Ngữ nên cần được bồi dưỡng thêm về chuyên môn ngành Du lịch để có tính chuyên nghiệp hơn trong khi thực thi nhiệm vụ.

***Đội ngũ quản lý các doanh nghiệp:** Có sự chênh lệch lớn về chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý kinh doanh du lịch giữa các thành phần kinh tế khác nhau cũng như các vùng khác nhau.

Đối với doanh nghiệp Nhà nước, cán bộ quản lý thường được đào tạo từ các chuyên ngành khác và còn ảnh hưởng của thói quen bao cấp nên thường kém năng động, chậm thích ứng với cơ chế thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Đối với doanh nghiệp liên doanh, cổ phần thuộc các thành phần kinh tế khác, cán bộ quản lý thường năng động hơn và ngay từ khâu tuyển dụng đã lựa chọn cán bộ được đào tạo theo đúng chuyên ngành, một số doanh nghiệp lớn và khách sạn 4 sao trở lên như khách sạn Nam Cường, sân Golf Chí Linh...thường thuê chuyên gia nước ngoài, các tập đoàn quản lý lớn tiến hành công tác quản lý đã giúp hoạt động của doanh nghiệp bài bản, tăng khả năng sẵn sàng đón tiếp khách du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ, đem lại hiệu quả kinh tế cao.

Đối với doanh nghiệp tư nhân kinh doanh ở qui mô nhỏ lẻ thì cán bộ quản lý thường chưa được đào tạo qua chuyên ngành nên phương pháp quản lý chưa nhất quán và không khoa học, còn nhiều lúng túng trong công tác quản lý, tổ chức lao động, quản lý khách, quản lý khách, quản lý chất lượng

dịch vụ, vì vậy mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của đội ngũ lao động này thường không cao.

***Lao động nghiệp vụ** : Đây là lực lượng chính trong ngành du lịch, là đối tượng lao động trực tiếp và là căn cứ để khách du lịch đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch. Tuy đã và đang từng bước được đào tạo lại nhưng trình độ của đội ngũ này hiện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc,, đặc biệt là những cơ sở kinh doanh có quy mô nhỏ, lao động thường chưa qua đào tạo chuyên ngành. Chính vì vậy nên lực lượng lao động nghiệp vụ rất yếu về chuyên môn.

Như vậy, chỉ tiêu về lao động trong suốt giai đoạn 2001-2010 tăng trưởng liên tục. Xét khía cạnh tăng trưởng về mặt kinh tế thì các chỉ tiêu này đáp ứng được yêu cầu về phát triển bền vững về số lượng lao động. Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực có được nâng lên song còn có sự chênh lệch khá lớn giữa các thành phần kinh tế và nhìn chung chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của khách. Do đó, đánh giá cả về chất lượng thì nhân lực du lịch chưa đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

2.2.1.5. Về đầu tư phát triển du lịch

Trong những năm qua, đầu tư phát triển du lịch ở Hải Dương có nhiều hướng gia tăng nhanh: Tổng vốn đầu tư cho phát triển du lịch tính đến năm 2000 là 1050 tỷ đồng; tính đến nay, tổng số vốn đầu tư cho du lịch đạt trên 3458 tỷ đồng (giai đoạn 2001- 2008 tăng thêm 2408 tỷ đồng). Trong đó có 3 dự án từ 300 đến 600 tỷ đồng, 10 dự án có vốn đầu tư từ 15- 50 tỷ đồng, còn lại là các dự án có quy mô nhỏ từ 3-5 tỷ đồng.

Đầu tư phát triển du lịch ở Hải Dương được hình thành từ hai nguồn vốn cơ bản: nguồn ngân sách nhà nước và nguồn của các thành phần kinh tế trong nước (*Phụ lục 08*)

— Ngân sách Nhà nước: đầu tư cho phát triển du lịch giai đoạn 2001-2008 (tính cả đòi đất lấy hạ tầng các khu đô thị) là 335 tỷ đồng, chiếm 13,9% tổng mức đầu tư của các thành phần kinh tế. Trong đó đầu tư vào hạ tầng giao

thông, diện nước 242 tỷ đồng, cải tạo, bảo tồn chống xuống cấp các điểm di tích 91 tỷ 275 triệu đồng. Thực chất, nguồn vốn đầu tư cơ sở hạ tầng mới chỉ đầu tư mạng lưới giao thông dẫn đến các khu, điểm du lịch (có thể xem như là đầu tư hạ tầng- xã hội chung của tỉnh), hạ tầng bên trong các khu du lịch chưa được đầu tư.

Vốn đầu tư cho sự nghiệp du lịch (các hoạt động như xúc tiến, đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, xây dựng đề án phát triển sản phẩm du lịch...) còn quá ít so với các ngành kinh tế khác: giai đoạn 2001- 2005, đầu tư cho sự nghiệp du lịch chiếm 0,15% tổng mức đầu tư cho sự nghiệp kinh tế; năm 2006 chiếm 0,42%; năm 2007 chiếm 0,14%; sang giai đoạn 2006- 2009 chiếm tỷ trọng là 0,19%.

Tỷ trọng đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng so với đầu tư phát triển của tỉnh còn thấp và có xu hướng giảm. Nguyên nhân là do giai đoạn 2001- 2005 có nguồn đổi đất lấy hạ tầng của Công ty Thương mại Du lịch Nam Cường và một số doanh nghiệp khác đầu tư vào các khu đô thị mới và giao thông dẫn đến các khu, điểm du lịch của doanh nghiệp này. Từ năm 2007, nguồn đầu tư của Nhà nước giảm dần thêm vào đó, các dự án đầu tư từ Ngân sách nhà nước thường giao cho các ngành khác hoặc địa phương làm chủ đầu tư không có sự tham gia của cơ quan quản lý nhà nước về du lịch nên đầu tư không có tính hướng đích thu hút du lịch.

_ Nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác. Hướng đầu tư vào xây mới hệ thống khách sạn, nhà hàng và các khu vui chơi giải trí tổng hợp, vận chuyển khách, điểm dừng chân của du khách. Trong đó có 3 dự án quy mô lớn từ 300- 600 tỷ đồng, 10 dự án có vốn đầu tư từ 15- 50 tỷ đồng còn lại các dự án có quy mô nhỏ từ 3- 5 tỷ đồng. (*Phụ lục 09, Danh mục các dự án đầu tư giai đoạn 2001- 2008*).

Từ những vấn đề trên có thể thấy đầu tư phát triển du lịch ở Hải Dương còn nhiều bất cập, đầu tư từ ngân sách nhà nước cho sự nghiệp phát triển du lịch quá nhỏ so với các đầu tư sự nghiệp kinh tế của tỉnh. Đầu tư từ các thành phần kinh tế còn quá manh mún, nhỏ lẻ, chính vì vậy mà cho đến ngày nay

Hải Dương còn chưa có các khu du lịch hoàn chỉnh nào. Nguyên nhân chính là do công tác quy hoạch tổng thể mang tính định hướng chung, các quy hoạch chi tiết chưa được nghiên cứu, xây dựng, do đó không có cơ sở để thu hút vốn đầu tư lớn trong nước và các nhà đầu tư nước ngoài.

Bảng 2.9. Chi đầu tư từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2001- 2008

Đơn vị tính: triệu đồng

	2001-2005	2006	2007	2008	2001-2008
1. Chi đầu tư phát triển					
Đầu tư CSHTDL và Tu bổ di tích *	285.067	71484	35442	33282	333275
Tổng chi ĐTPT**	2.313.361	820.236	762.627	758.799	4.655.023
Tỷ trọng (%)	12,32	8,72	4,65	4,39	7,16
2. Chi sự nghiệp kinh tế					
Chi sự nghiệp du lịch*	580	465	195	485	1.725
Chi sự nghiệp kinh tế**	386.192	110.766	140.970	”	”
Tỷ trọng (%)	0,15	0,42	0,14		

*Nguồn Báo cáo thống kê giai đoạn 2001- 2005, năm 2006, năm 2007 của Sở TM và DL; Báo cáo thống kê năm 2008 của Sở VH TT và DL.

**Nguồn từ niên giám thống kê tỉnh Hải Dương

2.2.2. Thực trạng hệ thống sản phẩm du lịch

2.2.2.1. Các khu du lịch, điểm du lịch

Ở Hải Dương có một số khu, điểm du lịch chính sau:

_ **Khu du lịch Côn Sơn- Kiếp Bạc:** Với giá trị văn hóa lịch sử cao, cảnh quan kỳ vĩ, Côn Sơn- Kiếp Bạc là khu du lịch tồn hợp với nhiều loại sản

phẩm du lịch: Du lịch văn hóa, tâm linh; Du lịch sinh thái, Du lịch thể thao; Du lịch kết hợp nghỉ dưỡng, cắm trại...Hoạt động du lịch ở đây mang tính mùa vụ rõ rệt. Hàng năm, có hai mùa lễ hội được tổ chức tại Côn Sơn- Kiếp Bạc: Mùa xuân và mùa thu. Đây chính là thời gian mà lượng khách du lịch đến Côn Sơn- Kiếp Bạc nhiều nhất. Theo thống kê của Ban quản lý khu di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2001-2008 khoảng 20%, năm 2008 đạt trên 1 triệu lượt khách, sang năm 2009 lượng khách du lịch tiếp tục tăng nhanh và mạnh hơn so với năm trước.

Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ du lịch ở Côn Sơn chưa được hiện đại song tương đối đầy đủ và thuận lợi. Hệ thống đường giao thông vào các khu điểm di tích tương đối thuận lợi, hệ thống điện nước đầy đủ, công tác kê hồ, xây tường bảo vệ rừng, công tác vệ sinh môi trường an ninh trật tự được bảo vệ chặt chẽ. Các loại hình dịch vụ: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, vận chuyển, ăn uống, mua sắm phats triển và mở rộng. Tuy nhiên quy mô của các loại hình dịch vụ này còn nhỏ lẻ thiếu sự liên kết; dịch vụ vui chơi giải trí còn hạn chế...Đánh giá chung thì khu Côn Sơn- Kiếp Bạc có giá trị văn hóa lịch sử cao và cảnh quan tự nhiên đẹp, nhưng còn thiếu những sản phẩm du lịch chất lượng cao nên mức độ hấp dẫn khách du lịch còn thấp. Cần có quy hoạch chi tiết và đầu tư thỏa đáng để phát triển các sản phẩm du lịch để hấp dẫn khách du lịch ở khu vực này.

_ **Khu An Phụ- Kính Chủ:** Đã được quy hoạch chi tiết cho khu An Phụ là 23,1363ha; khu Kính Chủ là 105,1686ha. Tuy nhiên hiện nay, khu An Phụ- Kính Chủ chưa được đầu tư nên vẫn đang khai thác ở dạng tự nhiên đón khách với mục đích tâm linh tham quan đền chùa là chính. Ở đây chưa có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ nên mặc dù hấp dẫn về cảnh quan nhưng chất lượng sản phẩm du lịch và dịch vụ còn thấp, chưa đồng bộ, chưa thu hút được khách du lịch thuần túy. Cần có nguồn vốn đầu tư của nhà nước vào cơ sở hạ tầng du lịch cơ chế thu hút đầu tư các thành phần kinh tế vào các dự án thành phần.

_ **Khu du lịch Thành phố Hải Dương:** Thành phố Hải Dương hiện có hai khu du lịch được quy hoạch chi tiết là khu du lịch Hải Hà và khu du lịch Đảo Ngọc. Tại khu Hải Hà đã triển khai và đưa vào vận hành một số dịch vụ giải trí, thể thao như bể bơi, sân tennis, câu lạc bộ khiêu vũ, biệt thự cho thuê... còn khu du lịch Đảo Ngọc mới đang đầu tư hạ tầng giao thông.

Hoạt động du lịch chủ yếu hiện nay là du lịch MICE, các giải thể thao kết hợp với tham quan di tích lịch sử, làng nghề truyền thống... Cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng khá đầy đủ.

_ **Điểm du lịch sinh thái Đảo Cò Chi Lăng Nam:** Đã có quy hoạch chi tiết, tổng diện tích quy hoạch là 67,1ha. Cũng như khu An Phụ- Kính Chủ, khu du lịch này chưa được đầu tư quy hoạch chi tiết và đang được khai thác ở dạng tự nhiên. Khu vực này lúc bình minh và hoàng hôn diễn ra cảnh “*giao ca*” khá sinh động giữa cò và vạc nên khách thường tham quan vào buổi chiều tối vào sáng sớm khi khách có nhu cầu nghỉ lại. Nhưng điểm yếu ở đây là chưa có hệ thống cơ sở lưu trú phục vụ khách lưu trú qua đêm nên lượng khách đến với đảo Cò còn ít, chủ yếu là khách quanh vùng có thể đi về trong ngày, đối tượng khách chủ yếu là học sinh, sinh viên.

Ngoài ra còn có một số điểm di tích lịch sử văn hóa, làng nghề truyền thống, làng quê đang hình thành điểm du lịch như làng Gồm Chu Đậu, Di tích Đền Cao, Văn Miếu Mao Điền, đền Tranh, làng múa rối nước Hồng Phong... Nhìn chung ở những điểm du lịch này còn thiếu hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng du lịch và dịch vụ như nơi đón tiếp khách, khách sạn, khu vui chơi giải trí... nên mức độ hấp dẫn khách du lịch còn thấp.

2.2.2.2. Các tuyến du lịch

Vị trí du lịch của Hải Dương nằm trong vùng phụ cận trung tâm du lịch Hà Nội và mối quan hệ mang tính liên vùng du lịch với các tỉnh trong khu vực nên đã hình thành các tuyến du lịch liên tỉnh và nội tỉnh.

***Tuyến du lịch liên tỉnh:**

- Hải Dương- quốc lộ 18- Hạ Long- cửa khẩu quốc tế Móng Cái- Trung Quốc.
- Hải Dương- Bắc Ninh- Lạng Sơn- cửa khẩu Hữu Nghị- Trung Quốc.
- Hải Dương- Hải Phòng
- Hải Dương- Bắc Giang- Lạng Sơn

***Tuyến du lịch nội tỉnh:**

- Tuyến du lịch Côn Sơn- Kiếp Bạc, Kinh Chủ- An Phụ
- Tuyến du lịch sinh thái thăm làng Cò Chi Lãng Nam, đền Quát, đền Tranh, Làng Cúc Bò
- Tuyến du lịch thăm làng tiên sỹ Mộ Trạch, Văn Miếu Mao Điền
- Tuyến du lịch tổng hợp thăm các di tích lịch sử, làng nghề, các điểm du lịch sinh thái...

Trên các tuyến du lịch liên tỉnh và nội tỉnh có rất nhiều các điểm du lịch và các trung tâm dịch dừng chân mua sắm, nhưng do các điểm du lịch của Hải Dương còn chưa hấp dẫn nên chủ yếu khách chỉ dừng chân trên quốc lộ 18 và đường 5A để ăn uống, mua sắm.

Thực trạng khu, tuyến điểm du lịch cho thấy hệ thống sản phẩm du lịch của Hải Dương chưa hoàn chỉnh, chất lượng sản phẩm thấp, kém hấp dẫn và không có khả năng cạnh tranh.

Nhìn chung việc quảng bá sản phẩm du lịch nói chung và chương trình du lịch trọn gói nói riêng còn hạn chế cả về quy mô, tính chuyên nghiệp do ngân sách đầu tư dành cho hoạt động còn quá nhỏ. Việc quyết định tổ chức còn mang tính bị động, do chưa có cơ chế rõ ràng.

Sản phẩm du lịch- chương trình du lịch trọn gói: theo đánh giá của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước, sản phẩm Du lịch Việt Nam (trong đó có Hải Dương) còn hạn chế, dựa chủ yếu vào các yếu tố tự nhiên, khai thác những

cái sẵn có, chưa thể hiện ưu thế trên thị trường, chưa được đầu tư đúng mức, chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch còn thấp.

2.2.3. Hiện trạng về hoạt động xúc tiến, tuyên truyền quảng bá du lịch

Xúc tiến, tuyên truyền quảng bá là một việc quan trọng hàng đầu nhằm tăng cường thu hút đầu tư xây dựng, phát triển sản phẩm và thu hút khách du lịch. Từ năm 2001 đến nay, ngành Du lịch Hải Dương đã chú trọng và có nhiều nỗ lực trong công tác xúc tiến, quảng bá du lịch như tổ chức các buổi hội thảo, làm việc với các bộ, ngành trung ương, các tỉnh bạn, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm tuyên truyền các chính sách của tỉnh khuyến khích các tổ chức các nhân đầu tư vào lĩnh vực du lịch. Ngành du lịch cũng đã tham gia nhiều hội chợ, triển lãm, liên hoan du lịch trong nước và quốc tế, qua đó tuyên truyền những tiềm năng, thế mạnh và cơ chế chính sách đầu tư của tỉnh. Phát hành, xuất bản các ấn phẩm du lịch (đĩa VCD, tập gấp, bản tin, catalog) tuyên truyền quảng bá trong và ngoài nước, xây dựng chuyên mục du lịch phát sóng trên Đài phát thanh truyền hình Hải Dương về các chuyên đề du lịch văn hóa, lễ hội cổ truyền, du lịch sinh thái; thông tin quảng cáo: dựng biển quảng cáo tầm lớn để đưa hình ảnh du lịch Hải Dương đến với du khách trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch còn một số hạn chế do kinh phí đầu tư cho hoạt động này qua ít (mỗi năm khoảng 200 triệu đồng), cách thức tổ chức, tham gia thiếu tính chuyên nghiệp; nguồn lực cho xúc tiến, quảng bá còn hạn chế, chưa xây dựng được chiến lược và kế hoạch thực thi cho công tác tiếp thị của toàn ngành. Các ấn phẩm quảng bá chung của tỉnh còn ít về số lượng, đơn điệu và nội dung và hình thức. Thêm vào đó, từ tháng 4 năm 2008 đến nay, Du lịch hợp nhất với Văn hóa, Thể thao thành Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm thông tin xúc tiến Du lịch chưa được thành lập lại nên công tác xúc tiến quảng bá du lịch đang bị gián đoạn.

Nhận xét về công tác xúc tiến quảng bá du lịch chưa có hiệu quả, quy khách khác nhau; ngoài ra, việc quảng cáo thiếu trách nhiệm của một số

doanh nghiệp tác động tiêu cực tới hoạt động kinh doanh du lịch và phát triển du lịch bền vững.

2.2.4. Hiện trạng về quản lý khai thác tài nguyên và môi trường du lịch.

2.2.4.1 Hiện trạng quản lý nguồn tài nguyên du lịch

Quản lý tài nguyên du lịch là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả khai thác tài nguyên cũng như khả năng bảo vệ, phát huy các giá trị tài nguyên. Theo quy định của pháp luật, tài nguyên du lịch được quản lý theo ngành và theo lãnh thổ như những ngành kinh tế khác.

Đối với tài nguyên là di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng dưới sự quản lý của 3 cấp: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; UBND cấp huyện, UBND cấp xã, phường, thị trấn.

Tài nguyên du lịch làng nghề do ngành Công nghiệp quản lý theo ngành, chính quyền địa phương quản lý theo lãnh thổ.

Tài nguyên du lịch tự nhiên như rừng, núi, sông, hồ thường là sự quản lý của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn và chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, ở những nơi có lợi thế phát triển du lịch thù thường là tổng hợp các loại tài nguyên trong cùng một khu du lịch thường chịu sự quản lý đan xen của nhiều ngành, nhiều cấp khác nhau. Sự phối hợp giữa các cấp, ngành không được tốt sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả khai thác và sử dụng tài nguyên.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chưa thể hiện rõ vai trò của mình trong quá trình quản lý, khai thác nguồn tài nguyên có giá trị phục vụ du lịch. Tình trạng chòng chéo trong quản lý đã dẫn đến những mâu thuẫn nảy sinh trong quá trình khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nói chung, tài nguyên du lịch nói riêng. Có thể thấy rất rõ những bất cập trong quản lý giữa ngành với lãnh thổ ở khu di tích Côn Sơn- Kiếp Bạc. Ngay trong sân chùa tôn nghiêm là những lều, quán lụp xụp do UBND Cộng Hòa bố trí cho dân cho thuê bán hàng, cuối mỗi ngày lượng rác xả ra bờ bãi Ban quản lý di tích (thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) lại phải thu gom. Nguyên nhân là do ngành

Văn hóa chỉ được quản lý di tích còn phần lãnh thổ do địa phương quản lý. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh của các đối tượng tham gia khai thác du lịch nói trên diễn ra phổ biến ở các khu, điểm du lịch làm giảm sút chất lượng sản phẩm, suy thoái tài nguyên.

Những bất cập giữa ngành với ngành cũng thường xảy ra, điển hình là quản lý chồng chéo giữa ngành Văn hóa- Du lịch, Công nghiệp, Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chính quyền địa phương trong quản lý và khai thác hệ thống đồi rừng, hang động, di sản văn hóa, thảm thực vật, đa dạng sinh học...trong cùng một khu vực cho các mục đích của các ngành khác nhau. Các ngành vì chạy theo nhiệm vụ và lợi ích của ngành mình mà quên mất nhiệm vụ bảo vệ nguồn tài nguyên quý giá không tái tạo này...

Tình trạng chồng chéo trong quản lý nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp với phát triển bền vững sớm có biện pháp khắc phục.

2.2.4.2. Hiện trạng khai thác tài nguyên du lịch

_ **Mức độ khai thác:** Tiềm năng tài nguyên du lịch của Hải Dương khá đa dạng. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân tiềm năng này vẫn chưa được khai thác một cách tương xứng cho mục đích phát triển du lịch.

Bảng 2.10. Tỷ lệ khai thác một số loại TNDL chính

STT	Loại tài nguyên	TNDL tiềm năng	Số lượng đã đưa vào khai thác	Tỷ lệ khai thác so với tiềm năng (%)
1	Di tích lịch sử văn hóa	176	21	12
2	Khu danh thắng tự nhiên	16	13	81
3	Hang động	5	1	20
4	Nguồn nước khoáng nóng	1	0	0

5	Hồ nước (50-100ha)	3	0	0
6	Sông (có tiềm năng du lịch)	6	0	0
7	Làng nghề	33	5	14

Nguồn: Báo cáo điều tra tài nguyên du lịch của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Dương

Qua bảng tổng hợp có thể khẳng định tỷ lệ khai thác tài nguyên du lịch còn thấp vì trong số các tài nguyên du lịch có tiềm năng chỉ có các khu danh thắng tự nhiên được khai thác tương đối lớn có tỷ lệ 81%, đó là những nơi có cảnh quan đẹp gắn liền với những di tích lịch sử văn hóa, những di tích cách mạng hoặc các dự án đang được quy hoạch khép kín như khu sân Golf Chí Linh, khu du lịch Hải Hà...; các di tích lịch sử văn hóa, làng nghề cổ truyền được sử dụng thấp còn lại chưa được sử dụng.

Trong số các tài nguyên du lịch đã được khai thác thì mức độ khai thác cũng chưa nhiều. Trong các di tích lịch sử văn hóa và lễ hội thì chỉ có khu Côn Sơn- Kiếp Bạc là được khai thác mạnh còn lại ở mức độ trung bình và yếu. Ngoài ra, các khu danh thắng tự nhiên và các làng nghề truyền thống mới ở mức độ khai thác yếu.

_ Hiệu quả khai thác các loại tài nguyên du lịch: Theo kết quả nghiên cứu thì thời điểm hiện nay hiệu quả khai thác tài nguyên du lịch còn thấp do tại các điểm du lịch mới ở giai đoạn đầu tư cơ sở hạ tầng. Trong thời gian tới, với nỗ lực tạo sản phẩm du lịch đặc thù và đầu tư xây dựng các “điểm đến” du lịch, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch được đầu tư, nâng cấp hoạt động du lịch sẽ thu được hiệu quả cao.

2.2.4.3. Những tác động của hoạt động du lịch đến tài nguyên và môi trường

Sự phát triển của bất kỳ ngành kinh tế nào cũng gắn liền với vấn đề môi trường, điều này càng có ý nghĩa đối với sự phát triển của ngành kinh tế tổng hợp mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao như ngành Du lịch. Môi trường được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến chất

lượng, tính hấp dẫn của các sản phẩm du lịch, qua đó ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách, đến sự tồn tại của hoạt động du lịch.

Hiện nay, hoạt động du lịch nói chung, vấn đề phát triển du lịch bền vững nói riêng đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ bởi sự suy thoái môi trường tự nhiên, đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước, môi trường khu dân cư, khu du lịch, các làng nghề. Bên cạnh đó, sự suy giảm đa dạng sinh học, sự gia tăng tai biến và sự cố môi trường cũng có ảnh hưởng đáng kể đến sự phát triển du lịch bền vững.

_ Hoạt động du lịch làm tăng áp lực về chất thải sinh hoạt, góp phần làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước và môi trường không khí.

Ô nhiễm môi trường do tác động của hoạt động du lịch xuất hiện từ những nhân tố chủ quan (hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ phục vụ khách du lịch: khách sạn, nhà hàng phương tiện vận chuyển khách du lịch) và nhân tố khách quan (khách du lịch). Phạm vi tác động của hoạt động du lịch đối với môi trường chủ yếu tại các khu du lịch, các điểm tham quan du lịch thu hút du khách: các khu du lịch sinh thái, thành phố Hải Dương và các điểm du lịch văn hóa lễ hội Côn Sơn- Kiếp Bạc. Đền Cao. Đền Tranh, An Phụ- Kính Chủ... Nguồn gây ô nhiễm môi trường từ các chất rắn, nước thải, khí thải do các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch và khách du lịch thải ra.

+ Chất thải rắn gồm có các rác hữu cơ (chủ yếu chất phế thải lương thực, thực phẩm thực vật, động vật dưới dạng thức ăn thừa), rác vô cơ (nguyên vật liệu xây dựng, vỏ bao bì đựng các loại hàng hóa, lương thực thực phẩm). Hầu hết các loại thức ăn thừa tại các khách sạn, nhà hàng đều được thu gom và bán cho các cơ sở chăn nuôi. Một phần vỏ, xương các loại động thực vật làm thực phẩm thải ra ngoài. Đây là nguồn ô nhiễm trực tiếp tới môi trường tự nhiên (đất, nước, không khí). Lượng rác thải do khách du lịch trực tiếp xả ra và các cơ sở dịch vụ du lịch phục vụ khách du lịch xả ra tính bình quân cho 1 lượt khách ở từng loại hình du lịch khác nhau.

+ Nước thải chủ yếu là nước đã qua sử dụng tại các khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng... thải ra ngoài. Lượng nước thải ra của một cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch gần bằng lượng nước cấp theo nhu cầu sử dụng thực tế của cơ sở đó. Đối với từng cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch, lượng nước thải phụ thuộc vào loại hạng khách sạn và công suất sử dụng buồng phòng khách sạn. Mức sử dụng nước bình quân/1 khách khoảng $0,7\text{m}^3/\text{người/ngày}$. Bình quân mỗi ngày các cơ sở lưu trú du lịch thải lượng nước khoảng 1.200m^3 (khoảng $438.000\text{m}^3/\text{năm}$)

Nước thải từ các khu du lịch có nhiều chất hóa học, dầu, mỡ... hầu hết không được qua hệ thống xử lý và thấm trực tiếp xuống lòng đất gây ô nhiễm nguồn tài nguyên đất và nước mặt.

+ Khí thải gồm khí thải động cơ của phương tiện vận chuyển khách du lịch, khí thải đun nấu bếp tại các nhà hàng, khí thải hình thành di việc đốt vàng mã, thắp hương, đèn nến tại các đền, chùa, đình, miếu (khí CO_2). Khí thải máy điều hòa nhiệt độ (CFC). Lượng khí thải thoát tự nhiên ra môi trường gây ô nhiễm môi trường không khí.

+ Bụi lơ lửng chủ yếu hình thành do hoạt động của các loại phương tiện vận chuyển khách du lịch và việc đốt vàng mã tại các điểm du lịch lễ hội.

_ Làm thay đổi cơ cấu sử dụng đất, làm tăng nguy cơ suy thoái đất

Việc phát triển các khu du lịch là rất cần thiết nhằm tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng đáp ứng nhu cầu ngày một cao của khách du lịch, đem lại hiệu quả kinh tế cho xã hội. Việc phát triển các khu du lịch lớn sẽ làm thay đổi đáng kể cơ cấu sử dụng đất, ví dụ khu sinh thái Hà Hải, khu Đảo Ngọc- thành phố Hải Dương, khu sân Golf Côn Sơn- Chí Linh... Điều này rất có ý nghĩa đối với các khu đô thị, nơi quỹ đất khan hiếm.

Trong quá trình phát triển hạ tầng và xây dựng các khu du lịch, các hoạt động chủ yếu bao gồm san lấp chuẩn bị mặt bằng, khai thác vật liệu để xây dựng các công trình hạ tầng và các dịch vụ du lịch; xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống cung cấp nước và năng lượng, hệ thống thu gom

và xử lý chất thải...); xây dựng các công trình dịch vụ du lịch, các hoạt động vận chuyển... Các hoạt động này sẽ tác động, làm ảnh hưởng trực tiếp đến cảnh quan, làm thay đổi cấu trúc địa chất khu vực, tạo ra sự mất cân bằng tương đối, gây ra sự suy thoái đất. Vấn đề này ở Hải Dương chưa ảnh hưởng nhiều vì còn ít các khu du lịch được đầu tư xây dựng nhưng trong tương lai gần mức độ ảnh hưởng là rất lớn.

_ Tác động làm suy giảm sinh thái, suy giảm đa dạng sinh học

Hải Dương là tỉnh đồng bằng có đồi rừng nên hệ sinh thái tương đối đa dạng và phong phú. Do những năm trước đây việc phát triển kinh tế chưa theo quy hoạch, khai thác đất, chặt phá rừng còn bừa bãi, công tác khai thác đá trên núi có nhiều tác động xấu đến cảnh quan môi trường tự nhiên và điều kiện sinh thái. Ngoài ra, việc sử dụng thuốc trừ sâu, phân hóa học trong qua trình đô thị hóa nhanh, chất thải ngày một nhiều đã ảnh hưởng rất lớn đến môi trường, môi sinh.

Đồi rừng của Hải Dương tập trung ở hai huyện Chí Linh và Kinh Môn, đây là hai huyện miền núi xen kẽ đồng bằng, với những dãy núi đá và đồi rừng nên nhìn chung nguồn tài nguyên rừng do hệ sinh thái này đem lại khá lớn. Nó không những tạo ra môi trường không khí trong lành mà còn có tác dụng hạn chế lũ, khô hạn, đồng thời còn tạo nên những cảnh quan thiên nhiên đặc sắc và hấp dẫn khách du lịch. Hệ sinh thái ở đây khá phong phú, tập trung là khu đồi rừng An Phụ thuộc xã An Sinh, các dãy núi đá với hang động thuộc xã Minh Tân, núi Dương Nham xã Phạm Mệnh huyện Kinh Môn. Rừng thông xã Lê Lợi, Cộng Hòa, Văn An; rừng dẻ, rừng trám xã Hoàng Hoa Thám, rừng Lim xã An Lạc huyện Chí Linh. Nét đặc trưng của môi trường sinh thái tại hai huyện Chí Linh, Kinh Môn là tài nguyên đồi rừng kết hợp một cách hài hòa với hệ sinh thái nông nghiệp được đặc trưng bằng các loại cây hoa màu, điều đó làm tăng thêm vẻ đẹp cảnh quan môi trường và góp phần cùng hệ sinh thái rừng tạo ra bầu không khí trong lành trong khu vực. Tuy nhiên, các hệ sinh thái có những nét đặc trưng khác nhau, cùng với các hoạt động dân sinh kinh tế không được quản lý chặt chẽ, và không tổ chức khai thác hợp lý các nguồn

tài nguyên thiên nhiên nên các hệ sinh thái ở đây suy giảm nhanh chóng. Thêm vào đó, tình trạng ô nhiễm không kiểm soát được và không có các biện pháp xử lý kịp thời cũng gây nên suy thoái môi trường sinh thái. Các hệ sinh thái ở đây vốn phong phú, nay đã không còn được như trước nữa. Điều này sẽ dẫn đến hậu quả nghiêm trọng do mất cân bằng tự nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch bền vững.

Các yếu tố gây ô nhiễm từ chất thải của hoạt động du lịch mà không được thu gom, xử lý đều ảnh hưởng trực tiếp đến các hệ sinh thái, đặc biệt là thủy sinh (thiếu ôxy và chất hữu cơ). Các loài sinh vật trên cạn khi ăn các chất thải khó tiêu hủy dễ bị chết, đồng thời chúng cũng dễ bị lây truyền dịch bệnh từ nơi này sang nơi khác qua chất thải của khách du lịch.

Hoạt động du lịch không được quản lý (xe cộ đi lại với mật độ cao ở các vùng tự nhiên; du khách hái hoa quả rừng; chặt cây, bẻ cành...) sẽ tác động đến nơi cư trú, tập tính hoang dã của nhiều loài sinh vật khiến chúng phải bỏ đi hoặc suy giảm về số lượng do khả năng sinh sản bị ảnh hưởng.

Nhu cầu thiếu ý thức của một bộ phận khách du lịch đã và đang kích thích việc săn bắt, khai thác nhiều loài sinh vật để bán, làm món đặc sản.

_ Tác động tới văn hóa truyền thống

Bên cạnh những tác động tích cực, hoạt động hời gian qua du lịch đã có những ảnh hưởng về ăn hóa- xã hội, tạo ra sự thay đổi một phần một số giá trị văn hóa truyền thống như nếp sống, lễ nghi trong cuộc sống cộng đồng; làm thay đổi nhận thức về chuẩn mực truyền thống đạo đức xã hội, đặc biệt trong giới trẻ; làm tăng tính thương mại trong các hoạt động lễ hội truyền thống; sự gia tăng tệ nạn xã hội...

Khó có thể khẳng định được những ảnh hưởng của du lịch đến các giá trị truyền thống vì phần lớn đây là những tác động gián tiếp, thời gian thể hiện tác động kéo dài... Tuy nhiên có thể khẳng định đây là những ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường nhân văn trong qua trình phát triển du lịch.

2.2.4.4. *Đóng góp cho hoạt động bảo tồn từ du lịch*

Đóng góp cho việc bảo tồn, tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên từ du lịch ở Hải Dương còn rất hạn chế. Mọi quan tâm lớn nhất hiện nay của các doanh nghiệp, của các ngành được quản lý tài nguyên du lịch theo quy định của pháp luật là khai thác các tiềm năng đó để thu lợi nhuận. Việc trích lại doanh thu từ du lịch để bảo vệ, tôn tạo và phát triển các nguồn tài nguyên du rất ít được quan tâm. Ở các di tích lịch sử văn hóa, mỗi năm được trích lại 70% nguồn thu từ vé vào cửa và tiền công đúc để duy trì các hoạt động của Ban quản lý và tu bổ, nâng cấp di tích, 30% nộp ngân sách nhà nước. Còn các nguồn thu khác như trông giữ xe, lệ phí bán hàng hóa, dịch vụ vui chơi giải trí,...do chính quyền cấp xã thu và quản lý, sử dụng. Khu Côn Sơn- Kiếp Bạc là nơi thu hút lượng khách du lịch đông nhất, mỗi năm kinh phí được trích lại từ nguồn thu trên 10 tỷ đồng. Nguồn kinh phí này chủ yếu chi cho việc duy trì hoạt động của Ban quản lý và trùng tu di tích, chi cho bảo vệ môi trường du lịch chưa được quan tâm đúng mức do không phân rõ trách nhiệm của Ban quản lý với chính quyền địa phương.

Đối với tài nguyên du lịch tự nhiên và các tài nguyên khác được giao cho các tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp khai thác. Việc trích lại từ doanh thu để bảo tồn, tôn tạo tài nguyên gần như chưa được quan tâm vì đa số các doanh nghiệp lớn như Hà Hải, Nam Cường, Cỏ phần sân Golf ngôi sao Chí Linh...còn đang được hưởng ưu đãi đầu tư chưa phải nộp thuế và các nghĩa vụ khác.

2.2.5. *Hiện trạng hoạt động quản lý phát triển du lịch*

2.2.5.1. *Bộ máy tổ chức quản lý*

***Ở cấp tỉnh:**

_ Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế trong đó có du lịch.

+ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (trước tháng 4/2008 là Sở Thương Mại - Du Lịch) là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch ở tỉnh. Bộ máy của

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch được tổ chức theo Quyết định số 45/2008/QĐ – UBND ngày 09/9/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh hiện có Văn phòng, Thanh tra, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch – Tài chính và 6 phòng nghiệp vụ, trong 6 phòng nghiệp vụ của Sở có một phòng nghiệp vụ Thể thao, 1 phòng nghiệp vụ Du lịch, còn lại là 4 phòng Nghiệp vụ Văn hóa. Qua đó có thể thấy ngay trong cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã không cân đối giữa 3 nghiệp vụ văn hóa, thể thao và du lịch.

Phòng Nghiệp vụ du lịch là phòng trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch với 20 nhiệm vụ.

Cơ cấu tổ chức của phòng Nghiệp vụ du lịch có 05 người: Trưởng phòng, phó phòng, và 3 chuyên viên. Với số lượng biên chế mỏng như vậy thì dù rất nỗ lực, cố gắng, phòng Nghiệp vụ cũng không thể làm tốt tất cả 20 nhiệm vụ được giao.

***Ở cấp huyện**, chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về du lịch được lồng ghép với phòng văn hóa thông tin song chưa được quy định cụ thể rõ ràng.

Nhìn chung bộ máy quản lý nhà nước đã đang từng bước được nâng lên thực hiện nhiệm vụ của ngành cũng như thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch. Trong hoạt động quản lý nhà nước về du lịch đã chú trọng vận dụng các chủ trương chính sách mới của Đảng và Nhà nước về du lịch phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tuy nhiên có thể thấy là tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về du lịch chưa đặt ngang tầm nhiệm vụ chính trị cả về quy mô, năng lực và quyền hạn. Phòng Nghiệp vụ du lịch thực hiện toàn bộ các nhiệm vụ quản lý nhà nước về du lịch nêu trên với đội ngũ cán bộ công chức quá mỏng (5 biên chế) nên chưa phát huy hết vai trò của quản lý nhà nước đối với du lịch. Ở cấp huyện, đội ngũ cán bộ chuyên viên làm công tác quản lý du lịch còn thiếu và yếu nên công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động ở cấp huyện gần như bỏ ngõ.

Từ vấn đề nêu trên cho thấy, tổ chức của bộ máy nhà nước về du lịch chưa hợp lý, còn thiếu và còn yếu. Cơ cấu các phòng ban trong Sở Văn hóa,

Thể thao và Du lịch nặng về quản lý văn hóa (cơ cấu các phòng nghiệp vụ Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 4-1-1). Ở cấp huyện, không có cán bộ quản lý về du lịch. Với bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về du lịch như hiện nay thì ngành Du lịch Hải Dương khó có thể đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Từ những hạn chế về bộ máy tổ chức đã dẫn đến những hạn chế trong các khâu xây dựng và ban hành các chủ trương, chính sách về phát triển du lịch bền vững của Hải Dương.

2.2.5.2 *Hiện trạng quản lý hoạt động kinh doanh du lịch*

Từ việc quản lý của bộ máy tổ chức về du lịch còn nhiều bất cập nên hiện trạng quản lý hoạt động kinh doanh du lịch còn nhiều bất cập; chất lượng quy hoạch chưa cao, nội dung quy hoạch phát triển du lịch theo vùng lãnh thổ và các định hướng xây dựng sản phẩm, tour, tuyến du lịch còn chung chung nên muốn thực hiện bất cứ nội dung nào cũng cần phải có quy hoạch chi tiết hoặc đề án, dự án cụ thể. Trong khi đó vốn đầu tư cho việc nghiên cứu, khảo sát xây dựng quy hoạch chi tiết và đề án, dự án từ ngân sách nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu, ảnh hưởng đến vấn đề đầu tư, phát triển sản phẩm. Do đó du lịch Hải Dương chưa tạo được điểm nhấn, chưa có những sản phẩm du lịch đặc trưng. Mặt khác các chỉ tiêu kinh tế- xã hội theo quy hoạch thấp hơn thực trạng phát triển kéo theo các dự báo, định hướng đầu tư xây dựng sản phẩm thấp hơn yêu cầu...

Việc quy hoạch chi tiết một số khu du lịch trọng điểm như Côn Sơn-Kiếp Bạc, làng Cò Chi Lãng Nam, khu du lịch thành phố Hải Dương...chậm được nghiên cứu, xây dựng nên việc xây dựng các công trình, kể cả các công trình du lịch ở nhiều nơi còn tùy tiện, chắp vá hoặc trùng lặp do nhiều chủ sở hữu, chủ quản lý khác nhau. Nguyên nhân chính là do kinh phí đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho xây dựng chi tiết các khu du lịch còn hạn chế, sự phối hợp giữa các ngành liên quan và chính quyền địa phương trong xây dựng quy hoạch còn nhiều bất cập dẫn đến chậm tiến độ trong qua trình quy hoạch.

Việc quản lý các quy hoạch đã được phê duyệt cũng còn nhiều bất cập; tình trạng cấp phép đầu tư trong khu quy hoạch cho các dự án không theo

quy hoạch vẫn diễn ra do không có sự phối hợp thống nhất của các ngành chức năng. Điển hình là các dự án xây dựng các trạm cấp nước sạch của công ty cổ phần Phú Khang trong khu du lịch Kính Chủ. Năm 2007, UBND tỉnh Hải Dương đã phê duyệt quy hoạch chi tiết khu du lịch này với việc giữ nguyên trạng 2 ngọn núi đá Lĩnh Đông nhưng đến năm 2008 lại cấp chứng nhận cho công ty Phú Khang khai thác đá, cải tạo 2 ngọn núi này xuống cốt âm 10m để làm hồ sinh thái và trạm cấp nước. Việc cho phép đầu tư không theo quy hoạch đã gây tác động tiêu cực đến tài nguyên du lịch và phát triển bền vững trong các khu du lịch.

2.2.5.3. Quản lý hoạt động kinh doanh du lịch.

Quản lý hoạt động kinh doanh du lịch là một trong những nội dung quản lý nhà nước về du lịch. Hiện nay, tỉnh Hải Dương có 157 doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch trong các lĩnh vực: lưu trú, lữ hành, vận chuyển khách du lịch, ăn uống, điểm dừng chân và các dịch vụ vui chơi giải trí. Chủ thể quản lý nhà nước trực tiếp đối với các đơn vị này là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Bên cạnh đó, kinh doanh du lịch còn là đối tượng quản lý của nhiều ngành chức năng như Sở giao thông vận tải quản lý phương tiện vận chuyển khách du lịch, Công an quản lý về trật tự an ninh, xuất nhập cảnh; Tài chính, Thuế quản lý thuế, phí và lệ phí; Tài nguyên môi trường quản lý về đất đai, tài nguyên...

Những năm qua, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Dương (trước đây là Sở Thương Mại và Du lịch Hải Dương) đã luôn trú trọng công tác quản lý kinh doanh du lịch. Từ việc tổ chức các hội nghị tập huấn pháp luật, chế độ chính sách mới của nhà nước liên quan đến các hoạt động du lịch, đến hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ và thanh tra, kiểm tra, phân loại, xếp hạng các cơ sở lưu trú du lịch và điều kiện kinh doanh của các doanh nghiệp lữ hành, vận chuyển khách du lịch, trung tâm mua sắm và điểm dừng dịch vụ du lịch. Tính đến nay, toàn tỉnh đã phân loại, xếp hạng được 105 cơ sở lưu trú đủ điều kiện kinh doanh du lịch, 16 doanh nghiệp lữ hành, 21 doanh nghiệp vận chuyển khách du lịch và 18 trung tâm mua sắm. Việc thường xuyên tuyên truyền chính sách pháp luật, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ kết hợp với

thanh tra, kiểm tra đã có tác động tích cực, thúc đẩy các cơ sở kinh doanh chú ý tới công tác nâng cao chất lượng phục vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho du khách được lựa chọn dịch vụ theo yêu cầu về chất lượng.

Tuy nhiên, công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh du lịch cũng còn nhiều bất cập. Các đơn vị kinh doanh du lịch thường sự chịu quản lý của nhiều ngành khác nhau, nếu thiếu sự phối hợp ở một khâu nào đó cũng ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện tượng phổ biến ở Hải Dương là thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong khâu thẩm định dự án đầu tư, do đó, có những dự án đầu tư được cấp phép không theo quy hoạch của ngành Du lịch đầu tư đang dở phải tạm dừng (điển hình là dự án khu du lịch sinh thái Phú Khang), có dự án xây dựng khách sạn khi tiến hành thiết kế, đầu tư xây dựng không đúng tiêu chuẩn, gây lãng phí ảnh hưởng đến tính chuyên nghiệp, chất lượng phục vụ và hiệu quả kinh doanh...Việc thanh tra, kiểm tra theo chức năng riêng của từng ngành cũng ảnh hưởng tới hoạt động của các doanh nghiệp, nhất là đối với các hoạt động kinh doanh khách sạn, có những khách sạn trong cùng một ngày phải tiếp nhiều đoàn kiểm tra của các cấp, ngành khác nhau. Những sự việc này diễn ra nhiều lần sẽ gây tâm lý không an toàn cho du khách, về lâu dài sẽ ảnh hưởng tới phát triển du lịch bền vững.

2.2.5.4. Đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch

Đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch là một trong những lĩnh vực được ưu tiên phát triển. Ở trên địa bàn Hải Dương hiện có Trường Cao đẳng Kỹ thuật du lịch và Khách sạn trực thuộc Bộ Công Thương và Trường Trung cấp Nghiệp vụ Văn hóa nghệ thuật trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là 2 đơn vị có chức năng đào tạo nghiệp vụ du lịch. Bên cạnh đó, Trung tâm giáo dục thường xuyên của tỉnh cũng tăng cường phối hợp với các trường đại học trong nước và quốc tế để tổ chức các lớp đào tạo đại học, cao học về chuyên ngành du lịch. Các trường và trung tâm đào tạo hàng năm đã cung cấp cho nguồn nhân lực Hải Dương một số lượng khá lớn lao động du lịch. Cùng với công tác đào tạo lần đầu, hàng năm, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch cấp tỉnh thường tổ chức khoảng từ 3 đến 5 lớp bồi dưỡng kiến thức về du lịch

và bồi dưỡng nghiệp vụ lễ tân, buồng, bàn, bar...cho đội ngũ cán bộ, công chức nhân viên làm công tác du lịch trên địa bàn tỉnh. Kinh phí tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ được trích từ nguồn ngân sách tỉnh và hỗ trợ của Chương trình Hành động quốc gia về du lịch.

2.2.6. Sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động du lịch

Sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch và bảo tồn, tôn tạo tài nguyên du lịch có ý nghĩa rất lớn đối với phát triển du lịch. Thời gian qua, mức độ tham gia của cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch còn rất thấp; người dân bản địa tham gia vào dịch vụ bán hàng lưu niệm phục vụ ăn uống, chụp ảnh, trông giữ xe, vận chuyển khách...tại các khu, điểm du lịch theo mùa vụ. Trình độ dân trí ở những nơi này chưa đồng đều, nhận thức về bảo vệ gìn giữ tài nguyên môi trường cho hoạt động du lịch chưa được khắc sâu trong mỗi người dân. Do vậy vẫn còn tình trạng đeo bám khách, lợi dụng tín ngưỡng, ép giá, mất vệ sinh, xả rác trong khu di tích, khu du lịch...tác động tiêu cực đến phát triển du lịch bền vững. Cần có những giải pháp hữu hiệu xây dựng các sản phẩm du lịch mới, nâng cao hiểu biết và khuyến khích cộng đồng địa phương vào các hoạt động du lịch để đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển du lịch ở Hải Dương trên quan điểm phát triển du lịch bền vững và những vấn đề đặt ra.

2.3.1. Đánh giá chung về thực trạng phát triển du lịch ở Hải Dương trên quan điểm phát triển du lịch bền vững

Qua đánh giá, phân tích thực trạng phát triển du lịch từ năm 2001 đến nay, đặc biệt giai đoạn 2006- 2010 đối chiếu với mục tiêu và nội dung của đề án phát triển du lịch giai đoạn 2006- 2010 có thể đánh giá tổng hợp như bảng sau:

Bảng 2.11. Bảng đánh giá tổng hợp việc thực hiện các chỉ tiêu Đề án phát triển du lịch giai đoạn 2006- 2010

Các chỉ tiêu cơ bản	Thực hiện	Mục tiêu	Đánh giá
1. Các chỉ tiêu về kinh tế			
Tổng lượt khách (lượt người)	2.170.000	3000.000	Đạt 72,3% MT
_ Khách quốc tế lưu trú	120	150.000	Đạt 80% MT
_ Khách nội địa lưu trú	450	450.000	Đạt 100% MT
_ Khách không lưu trú	1.600.000	2.400.000	Đạt 67% MT
_ Mức độ hài lòng của khách đối với các khu DL, CSLT và DV	< 50%		Chưa đạt yêu cầu
_ Tổng doanh thu (tỷ đồng)	680	800	Đạt 85% MT
_ Tốc độ tăng trưởng (GDP)	Tăng 11,7%		
_ Số phòng khách sạn	2.550	3.810	Đạt 67% MT
2. Các tiêu chí về TN- MT			
_ Tỷ lệ các khu, điểm du lịch chủ yếu được đầu tư tôn tạo	< 50%		Ít được đầu tư
_ Tỷ lệ các khu, điểm du lịch chủ yếu được quy hoạch	2 khu	4 khu	Chưa đạt MT
3. Các tiêu chí về VH- XH			
_ Tác động tiêu cực đến xã hội của hoạt động du lịch	Còn có các tệ nạn ép giá, chèo kéo khách		Chưa đạt yêu cầu
_ Mức độ hài lòng và hợp tác của cộng đồng đối với các hoạt động du lịch ở một số điểm chính	82% hài lòng và hợp tác		Đạt yêu cầu

Đánh giá chung: Giai đoạn 2006- 2010 ngành du lịch duy trì được tốc độ tăng trưởng khá. Tuy nhiên các chỉ tiêu về khách du lịch, doanh thu du lịch chưa đạt được mục tiêu của đề án đề ra là do nhiều nguyên nhân. Trong đó có 2 nguyên nhân cơ bản: Thứ nhất từ nguyên nhân chủ quan, kinh phí đầu tư cho phát triển du lịch từ ngân sách nhà nước còn thấp, các quy hoạch chi tiết chậm được xây dựng nên thiếu căn cứ pháp lý để thu hút đầu tư. Thứ hai là nguyên nhân khách quan từ cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu và đại dịch cúm A (H1N1) đã làm cho nguồn khách suy giảm mạnh.

2.3.2. Những vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

Nghiên cứu của các nhà khoa học và kinh tế cho thấy, ba trụ cột của phát triển bền vững gồm sự bền vững về kinh tế, bền vững về xã hội và sự bền vững về tài nguyên- môi trường.

2.3.2.1. Từ góc độ bền vững về kinh tế

Khách du lịch là cơ sở cho sự phát triển của ngành Du lịch bởi lượng khách tăng đồng nghĩa với tăng thu nhập du lịch, tăng khả năng đóng góp của ngành du lịch vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tuy nhiên một vấn đề đặt ra đối với phát triển du lịch từ góc độ kinh tế là chất lượng nguồn khách. Lượng khách quốc tế đến với Hải Dương còn thấp, khách du lịch thuần túy chủ yếu là đi theo tour chỉ dừng chân mua sắm, khách lưu trú phần lớn là khách thương mại, tìm kiếm cơ hội đầu tư kết hợp với du lịch và khách công vụ của các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài. Khách nội địa chủ yếu là khách hành hương, lễ hội và đi về trong ngày, khách lưu trú chỉ chiếm 25% và cũng chủ yếu là khách công vụ. Hiệu quả khai thác khách du lịch còn thấp: thời gian lưu lại du lịch ngắn, chi tiêu cho mua sắm của cả khách quốc tế và khách nội địa còn thấp, mức độ hài lòng của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch chưa cao. Muốn thu hút khách du lịch thuần túy, lưu giữ khách nhiều ngày hơn và tăng chi tiêu mua sắm của khách cần phải khai thác nguồn tài nguyên và đầu tư thành sản phẩm du lịch đích thực và hấp dẫn, vấn đề này đang là hạn chế lớn với ngành Du lịch Hải Dương.

Như vậy chất lượng nguồn khách du lịch đang là vấn đề rất quan trọng đặt ra đối với sự phát triển của du lịch đứng từ góc độ kinh tế mặc dù số lượng khách du lịch và thu nhập du lịch qua các năm đều ghi nhận sự tăng trưởng.

_ Với tư cách là một ngành kinh tế, sản phẩm du lịch là yếu tố rất quan trọng quyết định hiệu quả kinh doanh du lịch. Một sản phẩm du lịch tốt, có chất lượng và phù hợp với yêu cầu của khách du lịch sẽ có khả năng bán với giá cao, mang lại hiệu quả kinh tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù Hải Dương có tiềm năng du lịch phong phú và đa dạng song trong nhiều năm qua những sản phẩm du lịch đặc sắc mang nét độc đáo riêng có của Hải Dương và những sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu của khách từ những thị trường trọng điểm chưa được nghiên cứu và xây dựng hoặc chưa được đầu tư tương xứng với tiềm năng phát triển. Đây được xem là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất hạn chế hiệu quả kinh doanh du lịch, đồng thời theo thời gian gây sự nhàm chán cho du khách, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển du lịch bền vững.

_ Mức tăng trưởng đầu tư cho du lịch chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của ngành: đầu tư là đòn bẩy để thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển trong đó có du lịch. Những năm qua, đầu tư vào lĩnh vực du lịch của các thành phần kinh tế ngoài khu vực nhà nước có gia tăng, song để du lịch thật sự phát triển bền vững cần có sự quan tâm hơn nữa từ phía nhà nước bằng việc phân bổ đầu tư cho sự nghiệp phát triển du lịch cân đối với các ngành kinh tế và tương xứng với vai trò của một ngành kinh tế quan trọng.

_ Hoạt động tuyên truyền quảng bá du lịch còn hạn chế và chưa có hiệu quả. Việc quảng cáo sản phẩm du lịch chủ yếu dựa trên những gì sẵn có mà chưa quan tâm đến sản phẩm thị trường cần. Vì vậy, ảnh hưởng đến khả năng thu hút khách du lịch, làm giảm hiệu quả kinh doanh của hoạt động du lịch. Thêm vào đó công tác tuyên truyền quảng bá tour của một số doanh nghiệp lữ hành về sản phẩm du lịch thiếu trung thực gây thất vọng đối với khách du lịch sau mỗi chuyến tham quan, ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển du lịch.

_ Chất lượng nhân lực du lịch chưa được nâng lên ngang tầm với yêu cầu của nhiệm vụ. Mặc dù Sở Thương mại và Du lịch trước đây cũng như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hiện nay đã có nhiều nỗ lực trong công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực, tuy nhiên chất lượng đội ngũ lao động cũng như trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, trình độ nghiệp vụ, kỹ năng nghề, tin học, ngoại ngữ chưa theo kịp tốc độ phát triển chung đang là yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm du lịch và đang là vấn đề đặt ra hiện nay.

2.3.2.2. Đánh giá từ góc độ tài nguyên- môi trường

_ Các nguồn tài nguyên du lịch chưa được khai thác nhiều cho phát triển du lịch. Tỷ lệ khai thác cũng như mức độ khai thác các loại tài nguyên du lịch còn thấp cho thấy các giá trị tài nguyên chưa được phát huy để có những sản phẩm du lịch độc đáo, hấp dẫn. Đây là một trong những vấn đề cần đặt ra đối với sản phẩm du lịch từ góc độ khai thác tài nguyên.

_ Vấn đề quản lý tài nguyên du lịch còn chông chéo giữa các cấp, ngành. Nhận thức xã hội về phát triển du lịch và khai thác, bảo vệ nguồn tài nguyên du lịch còn nhiều hạn chế, suy thoái môi trường, suy giảm đa dạng sinh học đang là vấn đề đặt ra cho công tác quản lý và khai thác nguồn tài nguyên để phát triển du lịch.

_ Số lượng các khu, điểm du lịch được quy hoạch và đầu tư tôn tạo còn ít, hiện chỉ có khu An Phụ- Kính Chủ và khu đảo Cò Chi Lãng Nam được quy hoạch chi tiết. Các khu du lịch đang phát triển tự phát không có quy hoạch nên vấn đề khai thác và sử dụng tài nguyên còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là khu du lịch trọng điểm Côn Sơn- Kiếp Bạc, do chưa có quy hoạch nên không có cơ sở pháp lý cho công tác khai thác và quản lý có hiệu quả các nguồn tài nguyên; ở đây đang thiếu các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch tâm linh đặc thù, các dịch vụ vui chơi giải trí có chất lượng cao, trong khi đó các thành phần kinh tế muốn có các dự án đầu tư phát triển du lịch lớn phải chờ quy hoạch; bên trong khu du lịch, ngoài nhà khách Hồ Côn Sơn của Văn phòng Tỉnh ủy chỉ có các dịch vụ ăn, nghỉ nhỏ lẻ của các hộ gia đình nên sản phẩm du lịch còn nghèo nàn. Vấn đề đặt ra để khắc phục tình trạng này là cần sớm có

quy hoạch cụ thể cho những, khu, điểm du lịch đã được xác định trong quy hoạch phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 để khai thác và bảo tồn có hiệu quả nguồn tài nguyên du lịch.

_ Cường độ hoạt động du lịch ở một số điểm du lịch chính (Côn Sơn- Kiếp Bạc, An Phụ- Kinh Chủ...) còn thấp lại chỉ tập trung vào mùa lễ hội, gây áp lực lớn lên môi trường tại các thời điểm này. Ở những điểm du lịch này cần có những giải pháp cụ thể nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, kéo dài thời vụ khai thác, có như vậy mới giảm bớt áp lực đến môi trường, đảm bảo cho sự phát triển du lịch bền vững.

_ Hoạt động du lịch đang phải đối mặt với những thách thức không nhỏ bởi sự suy thoái môi trường tự nhiên, đặc biệt là sự ô nhiễm môi trường nước, môi trường không khí, sự suy giảm đa dạng sinh học gây ảnh hưởng đáng kể đến phát triển du lịch bền vững. Những áp lực của môi trường lên hoạt động du lịch cũng như những tác động tiêu cực của hoạt động du lịch đến môi trường đặt ra cho ngành du lịch yêu cầu phải có những đánh giá tác động môi trường tại các khu, điểm du lịch và giải pháp môi trường trong lĩnh vực du lịch.

2.3.2.3. *Đánh giá từ góc độ xã hội*

Mặc dù sự phát triển ngành Du lịch thời gian qua đã có những đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội, tạo thêm việc làm, tuy nhiên nhận thức xã hội về du lịch vẫn chưa được đầy đủ và nhất quán nên ảnh hưởng tới sự phối hợp giữa ngành Du lịch với các địa phương và các ngành có liên quan trong hoạt động du lịch.

Bên cạnh thực trạng trên, nhận thức xã hội về du lịch từ phía cộng đồng cũng chưa đầy đủ vì vậy tình trạng đeo bám, ép khách, khai thác bừa bãi các tài nguyên du lịch đã có ảnh hưởng không tốt đến hình ảnh du lịch Hải Dương cũng như làm suy thoái các nguồn tài nguyên du lịch.

Trong hoạt động phát triển du lịch thời gian qua, vấn đề xã hội hóa du lịch cũng đã và đang được thực hiện. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích

cực, việc phát triển quá nhanh hệ thống các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt các doanh nghiệp kinh doanh khách sạn, lữ hành ở quy mô nhỏ vượt qua năng lực quản lý đã tạo thêm sức mạnh cho xã hội về những tiêu cực nảy sinh (phá giá, gây hỗn loạn trong kinh doanh, các tệ nạn xã hội...). Đây là một vấn đề ảnh hưởng ngược lại đối với phát triển du lịch từ góc độ xã hội.

Sự tồn tại một ranh giới mong manh giữa “phát huy” và “biến đổi” các giá trị truyền thống sinh hoạt của cộng đồng do tác động của hoạt động du lịch. Nếu du lịch phát triển song hành với việc “phát huy” truyền thống sinh hoạt cộng đồng thì đó sẽ là sự phát triển bền vững, trong trường hợp có sự “biến đổi” thì sẽ dẫn đến sự phát triển không bền vững bởi bản thân hoạt động du lịch phát triển được nhờ việc khai thác các giá trị nguyên bản, đặc sắc của sinh hoạt truyền thống cộng đồng. Một thực tế đang diễn ra trong hoạt động du lịch ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển du lịch bền vững là đã xuất hiện những biến đổi trong hoạt động du lịch.

Mọi hoạt động phát triển chỉ bền vững nếu được sự ủng hộ của xã hội nói chung, của cộng đồng nơi diễn ra hoạt động đó nói riêng. Vấn đề đặt ra cho phát triển du lịch từ góc độ xã hội là phải nâng cao nhận thức xã hội về vị trí, vai trò của Du lịch, xã hội hóa hoạt động du lịch và chia sẻ lợi ích thu được từ du lịch với cộng đồng dân cư.

2.3.2.4. Đánh giá từ góc độ quản lý nhà nước

Bộ máy quản lý về du lịch thời gian qua có sự thay đổi song đã sớm được kiện toàn, ổn định và phát huy được chức năng quản lý nhà nước; xây dựng và triển khai quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch.

Tuy nhiên còn một số vấn đề đặt ra cho phát triển du lịch từ góc độ quản lý nhà nước là bộ máy tổ chức quản lý du lịch chưa phù hợp với nhiệm vụ phát triển ngành kinh tế: số lượng công chức trực tiếp làm công tác quản lý nhà nước về du lịch ở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn ít nên chưa triển khai được hết chức năng, nhiệm vụ được phân công. Bộ máy ở cấp huyện

chưa phù hợp và chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong cơ cấu tổ chức hiện nay của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch còn thiếu một bộ phận quan trọng đảm bảo cho sự phát triển du lịch bao gồm bộ phận chuyên trách về thông tin, xúc tiến du lịch; bộ phận quản lý về khoa học, công nghệ và môi trường.

Hướng tới phát triển du lịch bền vững, cùng với việc kiện toàn bộ máy tổ chức, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về du lịch ở Hải Dương cũng còn một số vấn đề cần quan tâm như sớm điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 và xây dựng các khu du lịch trọng điểm; xây dựng và ban hành các chính sách thúc đẩy phát triển du lịch của địa phương; cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý tài nguyên du lịch và quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch

CHƯƠNG III: GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG Ở HẢI DƯƠNG

3.1. Định hướng phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

Với những tiềm năng, lợi thế về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, Du lịch Hải Dương đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, him kỳ 2006- 2010 xác định: “Từng bước phát triển du lịch thành ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế dịch vụ của tỉnh, phát triển theo hướng du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch du khảo làng quê và làng nghề truyền thống; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; phát triển cả du lịch quốc tế và du lịch nội địa; gắn liền việc quản lý, khai thác du lịch với việc bảo vệ và tôn tạo cảnh quan, môi trường đảm bảo phát triển du lịch bền vững”.

3.1.1. Mục tiêu

3.1.1.1. Mục tiêu phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2015

Thực hiện quan điểm chỉ đạo của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành đề án phát triển du lịch Hải Dương giai đoạn 2011-2015, trong đó xác định mục tiêu phát triển du lịch như sau:

a. Mục tiêu tổng quát:

– *Mục tiêu về kinh tế*: Phát triển kinh tế du lịch năng động, tăng dần sự đóng góp của ngành du lịch vào thu nhập chung của tỉnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm và tạo điều kiện cho các ngành kinh tế, dịch vụ phát triển.

– *Mục tiêu về văn hóa- xã hội*: Phát triển du lịch phải gắn liền với việc giữ gìn, phát huy truyền thống văn hóa, giá trị nghệ thuật, bản sắc dân tộc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới. Phát triển du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân.

Phát huy mọi nguồn lực xã hội, kể cả đầu tư nước ngoài để phát triển du lịch; thực hiện xã hội hóa đầu tư, bảo vệ, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, cảnh quan môi trường; nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tạo thêm nhiều điểm đến hấp dẫn.

_ *Mục tiêu về môi trường*: Phát triển du lịch gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái, có kế hoạch và cơ chế quản lý phù hợp với việc tôn tạo, khai thác và bảo vệ di sản thiên nhiên, cảnh quan môi trường.

_ *Mục tiêu về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội*: Phát triển du lịch nhằm thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến Hải Dương, đồng thời đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

_ *Mục tiêu hỗ trợ phát triển*: Phát triển du lịch gắn liền và hỗ trợ phát triển của ngành, các vùng trong tỉnh.

b. Mục tiêu cụ thể:

Phần đầu tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011- 2015 về khách du lịch lưu trú 15%/năm; tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch 18%/năm.

Các chỉ tiêu cụ thể phải đạt vào năm 2015 như sau:

- Tổng lượt khách lưu trú: 1.150.000 lượt.
- Trong đó:
 - + Khách quốc tế: 200.000 lượt (tốc độ tăng trưởng 10,8%/năm)
 - + Khách nội địa: 950.000 lượt (tốc độ tăng trưởng 16%/năm)
- Khách không lưu trú: 2.600.000 lượt (tốc độ tăng trưởng 10,2%)
- + Khách quốc tế: 1.200.000 lượt (tốc độ tăng trưởng 9,9%)
- + Khách nội địa: 1.400.000 lượt (tốc độ tăng trưởng 10,5%)
- Doanh thu du lịch: 1.556 tỷ đồng
- Số phòng khách sạn: 4.375 phòng
- Công suất sử dụng phòng bình quân 60%
- Số ngày lưu trú bình quân: 1,5 ngày
- Hệ số sử dụng chung phòng: 1,8
- Đầu tư phát triển khu Côn Sơn- Kiếp Bạc thành khu du lịch quốc gia.

3.1.1.2. Mục tiêu phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020

Hải Dương chưa xây dựng chiến lược phát triển du lịch đến năm 2020. Mục tiêu phát triển du lịch được xác định trong Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương với các chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn như sau:

Bảng 3.1. Chỉ tiêu phát triển du lịch đến năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2005	2010	2020
1. Tổng lượt khách	1000 lượt	750	1050	1.600
1.1 Khách lưu trú		250	450	900
- Khách nội địa		200	350	650
- Khách quốc tế		50	100	250
1.2 Khách không lưu trú (cả nội địa và quốc tế)		500	600	700
2. Thu nhập du lịch	Tỷ đồng	250,093	565,8	1.584,9

Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020

Trong thực tế, hiệu quả hoạt động du lịch đã đạt mức cao hơn so với chỉ tiêu của quy hoạch. Cụ thể, năm 2008, khách lưu trú vào Hải Dương đạt 100.000 (bằng chỉ tiêu 2010), khách lưu trú nội địa đạt 320.000 (đạt 91% chỉ tiêu 2010); khách không lưu trú đạt 1480.000 lượt (gấp 2,46 lần chỉ tiêu năm 2010); thu nhập du lịch đạt 530 tỷ đồng (đạt 94% chỉ tiêu năm 2010).

Với đà tăng trưởng từ năm 2010 đến nay, các chỉ tiêu quy hoạch đặt ra là không phù hợp; sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã trình và được Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020 để có những định hướng phù hợp cho từng bước đi cho từng giai đoạn.

Để đưa ra định hướng và giải pháp phát triển du lịch bền vững phù hợp với xu thế phát triển du lịch chung, qua quá trình nghiên cứu thực tế, căn cứ các điều kiện phát triển du lịch Hải Dương, tốc độ tăng trưởng khách du lịch của Hải Dương từ năm 2001 đến nay, mức độ tăng trưởng và xu thế dòng khách đến Trung tâm du lịch Hà Nội và vùng phụ cận nói riêng và cả nước

nói chung Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho ra dự báo lượng khách đến với Hải Dương trong những năm tới như sau:

Bảng 3.2. Dự báo tổng lượng khách du lịch

Đơn vị tính: 1000 lượt khách

Đối tượng khách	Năm 2010	Năm 2015	Tốc độ tăng trưởng (2010-2015)	Năm 2020	Tốc độ tăng trưởng (2015-2020)
1.Khách lưu trú	600	1.500	20%	3.000	15%
- Khách nội địa	450	1.050	18%	2.100	15%
- Khách quốc tế	150	450	24%	900	15%
2.Khách không lưu trú (cả nội địa và quốc tế)	2.400	5000	16%	8.000	10%
Tổng cộng	3.000	6.500	16,7%	11.000	11%

Chỉ tiêu lượt khách đến năm 2010 theo Đề án phát triển du lịch tỉnh Hải Dương giai đoạn 2006- 2010 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chỉ tiêu đến năm 2015 dự báo tốc độ tăng trưởng bình quân về khách giai đoạn 2006- 2010 và xu thế tăng trưởng khách du lịch của các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ.

Tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2015- 2020 dự báo sẽ thấp hơn vì giai đoạn hiện nay tốc độ tăng trưởng cao do xuất phát điểm thấp (số đầu kỳ để so sánh thấp, năm 2000 tổng lượng khách chỉ đạt 320.000 lượt người). đến năm 2015, cơ sở vật chất kỹ thuật được hoàn thiện, lượng khách ổn định. Mặc dù tốc độ tăng trưởng có thấp hơn nhưng giá trị tuyệt đối vẫn tăng cao.

3.1.2. Định hướng phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

3.1.2.1. Định hướng phát triển không gian lãnh thổ du lịch

Định hướng phát triển du lịch theo lãnh thổ là vấn đề tổ chức không gian du lịch dựa trên những giá trị và sự phân bố của các tài nguyên du lịch, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, làm cơ sở để phát triển hệ thống các dịch vụ du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú trên lãnh thổ nghiên cứu. Tổ chức không gian lãnh thổ là công cụ thể nhất để tổ chức các mục tiêu phát triển du lịch Hải Dương nói chung và phát triển du lịch bền vững nói riêng.

a. Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ du lịch

Dựa vào môi trường du lịch tự nhiên và nhân văn, điều kiện kinh tế xã hội, sự phân bố các nguồn tài nguyên du lịch trong tỉnh, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, định hướng phát triển du lịch Hải Dương thành hai vùng chủ yếu sau:

* Cụm du lịch Chí Linh- Kinh Môn với trọng điểm du lịch chính là Côn Sơn- Kiếp Bạc và một trọng điểm phụ trợ An Phụ- Dương Nham. Các sản phẩm du lịch chủ yếu là văn hóa, lịch sử, lễ hội, với vụng sinh thái đa dạng của núi non, rừng cây, vùng hang động và vùng sông nước.

* Cụm thành phố Hải Dương và phụ cận Nam Sách, Cẩm Giàng, Thanh Hà, Kim Thành và một phần Gia Lộc, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Ninh Giang với trọng điểm là thành phố Hải Dương. Các sản phẩm du lịch chủ yếu là văn hóa, lịch sử, lễ hội cùng những vùng sinh thái đồng bằng và vùng sông ngòi làng Cò Chi Lãng Nam (Thanh Miện)...

b. Định hướng tổ chức tuyến du lịch

Căn cứ vào điều kiện địa lý tỉnh Hải Dương, vị trí du lịch Hải Dương nằm trong vùng phụ cận trung tâm du lịch Hà Nội và mối liên hệ mang tính liên vùng du lịch với các tỉnh trong khu vực, việc phát triển không gian du lịch Hải Dương được tổ chức theo các hướng chính sau:

- Hướng Đông- Tây: theo quốc lộ 5A Hải Dương- trung tâm du lịch là thủ đô Hà Nội- Nội Bài.
- Hướng Tây- Đông: theo quốc lộ 5A Hải Dương- Hải Phòng.

- Hướng Đông- Bắc: theo quốc lộ 18- Hải Dương- Bãi Cháy- cửa khẩu quốc tế Móng Cái (Quảng Ninh).
- Hải Dương- Hà Nội- Sân bay quốc tế Nội Bài- các nước.
- Hải Dương- quốc lộ 18- Quảng Ninh- cửa khẩu quốc tế Móng Cái- Trung Quốc.
- Hải Dương- Bắc Ninh- Lạng Sơn- cửa khẩu Hữu Nghị quan- Trung Quốc.

*** Tuyến du lịch liên tỉnh:**

- Hải Dương- Hải Phòng- Cát Bà- Hạ Long.
- Hải Dương- Hạ Long- Móng Cái- Trà Cổ.
- Hải Dương- Hưng Yên- Thái Bình- Nam Định- Ninh Bình- các tỉnh phía Nam.
- Hải Dương- Bắc Ninh- Bắc Giang- Lạng Sơn.
- Hải Dương- Hà Nội- các tỉnh phía Bắc.

*** Tuyến du lịch nội tỉnh:**

☛ Tuyến du lịch đường bộ:

- Tuyến du lịch Hải Dương Côn Sơn- Kiếp Bạc
- Tuyến du lịch An Phụ- Kinh Chủ
- Tuyến du lịch sinh thái làng Cò Chi Lãng Nam- đền Quát- đền Tranh- làng Cúc Bồ.
- Tuyến du lịch thăm miệt vườn Thanh Hà.
- Tuyến du lịch thăm làng Tiến Sĩ- Bình Giang- Văn Miếu Mao Điền.
- Tuyến du lịch làng nghề truyền thống Nam Sách- Bình Giang.
- Tuyến du lịch tổng hợp thăm di tích lịch sử văn hóa, làng nghề sinh thái.

- Tuyến du lịch Hải Dương- đền Sượt- khu tưởng niệm Tuệ Tĩnh- chùa Giám- Văn Miếu Mao Điền- làng Đồng Giao- Mộ Trạch- Châu Khê- làng Đền Cây.

☛ **Tuyến du lịch đường sông:** bao gồm tuyến du lịch đường sông liên tỉnh và tuyến du lịch đường sông nội địa:

- Tuyến liên tỉnh: tuyến từ Lục Đầu Giang- Nguyệt Hà- qua sông Kinh Thầy, tiếp đến sông Bạch Đằng kết thúc ở Quảng Yên, theo đường 18 hoặc theo đường Hải Phòng.

- Tuyến nội tỉnh: tuyến trên sông Hương (Thanh Hà) thăm miệt vườn vãi Thanh Hà.

- Tuyến từ Hải Dương đến Vạn Kiếp.

3.1.2.2. Định hướng phát triển các thị trường khách du lịch

Thị trường là nhân tố quan trọng của sự phát triển, đẩy nhanh tốc độ phát triển cần có những sản phẩm phù hợp với từng loại thị trường và không ngừng mở rộng, phát triển thị trường. Định hướng thị trường là việc xác định các thị trường mục tiêu trong tương lai dựa trên các tiêu chí: xu hướng, dự báo dòng khách du lịch; tiềm năng du lịch của lãnh thổ (tự nhiên và nhân văn); hệ thống khách sạn, các khu vui chơi giải trí, các điểm du lịch tiêu biểu, các sản phẩm du lịch đặc trưng, đặc điểm tâm lý xã hội, nhu cầu đi du lịch của từng thị trường khách; các kết quả điều tra về khách du lịch; các sự kiện lớn được tổ chức như các hội nghị đa quốc gia, đại hội thể thao quốc tế...; các chương trình xúc tiến du lịch...

Với đặc thù về tài nguyên du lịch của Hải Dương và với vị trí địa lý nằm giữa trung tâm du lịch Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh. Thị trường mục tiêu của Hải Dương bao gồm: thị trường khách quốc tế và thị trường khách nội địa. Các thị trường này có thể là thị trường truyền thống và các thị trường mới.

a. Thị trường du lịch quốc tế:

Hải Dương ở vùng đồng bằng sông Hồng, giữa ba trung tâm du lịch Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Đây là 3 trung tâm thu hút và phân phối khách quốc tế ở phía Bắc. Đối với thị trường du lịch của Hải Dương không

thể tách rời thị trường của 3 trung tâm này, cũng như của đồng bằng sông Hồng. Các thị trường du lịch mục tiêu được xác định là: thị trường Châu Á- Thái Bình Dương, thị trường Tây Âu và thị trường Bắc Mỹ.

*** Đối với các thị trường du lịch Châu Á- Thái Bình Dương:**

Hiện nay, nhóm thị trường này chiếm trên 45% thị phần khách quốc tế đến Vùng đồng bằng sông Hồng và đang có xu hướng phát triển nhanh trong thời gian tới, trong đó quan trọng hơn cả là các thị trường sau: Trung Quốc , Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước ASEAN...

+ *Thị trường Trung Quốc* (bao gồm cả Đài Loan và Hồng Kông): Chiếm thị phần lớn so với các thị trường khách quốc tế đến Việt Nam (khoảng trên 20,2%) nói chung và Trung tâm du lịch Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh nói riêng. Những đặc điểm chính của thị trường khách Trung Quốc là khả năng chi tiêu thấp; thường sử dụng các dịch vụ chất lượng trung bình, giá rẻ; chủ yếu chỉ dừng chân tại Hải Dương ăn uống và mua sắm lưu trú. Với những đặc điểm này, Hải Dương có thể đáp ứng cho thị trường Trung Quốc một số đặc sản và sản phẩm hàng lưu niệm chủ yếu sau: Bánh đậu xanh, bánh khảo, các sản phẩm lưu niệm bằng gỗ mỹ nghệ, tranh thêu...

+ *Thị trường Nhật Bản*: Đây là thị trường có khả năng chi trả cao cho chuyến đi du lịch, yêu cầu rất cao về chất lượng của các sản phẩm du lịch và dịch vụ, chú trọng đến các vấn đề an ninh, môi trường, về vệ sinh an toàn thực phẩm... Căn cứ vào sở thích của khách du lịch Nhật Bản, căn cứ vào tài nguyên du lịch và những điều kiện khác..., Hải Dương có khả năng cung cấp một số sản phẩm du lịch chủ yếu sau: du lịch tham quan kết hợp nghiên cứu văn hóa lịch sử tại Côn Sơn- Kiếp Bạc; thưởng thức văn nghệ diễn xướng dân gian: múa rối nước Hồng Phong kết hợp du khảo đồng quê, các sản phẩm lưu niệm được khách du lịch Nhật Bản ưa thích là hàng thêu ren: quần áo, tranh, ga, gối; đồ gỗ, mây tre đan mỹ nghệ..

+ *Thị trường Hàn Quốc*: Hiện nay, thị trường này đến với Hải Dương thanh toán cao. Do vậy cần xác định đây là một thị trường tiềm năng. Cũng

giống với khách du lịch Nhật Bản, khách du lịch Hàn Quốc cũng có yêu cầu cao về chất lượng các sản phẩm du lịch, dịch vụ, vệ sinh môi trường và an ninh... Các đối tượng chính của thị trường Hàn Quốc cần tiếp thị là các nhà đầu tư, sinh viên... Các sản phẩm du lịch có khả năng đáp ứng cho thị trường này bao gồm: du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch sinh thái, du lịch nghiên cứu các giá trị văn hóa (các di tích lịch sử, lễ hội, làng nghề), du lịch thương mại...

+ *Thị trường các nước ASEAN*: Chiếm trên 3% thị phần khách du lịch quốc tế, với hai thị trường chính là Singapore và Thái Lan.

Việt Nam đã trở thành thành viên của ASEAN, của tổ chức ASEANTA, của WTO... do đó giữa Việt Nam và các nước ASEAN hiện đang có nhiều chương trình hợp tác về phát triển kinh tế nói chung và phát triển du lịch nói riêng. Đây là những điều kiện thuận lợi để Việt Nam thu hút khách du lịch đến từ các nước này. Từ khi Việt Nam ra nhập ASEAN, đặc biệt là từ khi Việt Nam đơn phương miễn thị thực nhập cảnh cho các nước ASEAN, số lượng khách du lịch đến từ các nước này có xu hướng tăng nhanh.

Đặc điểm của thị trường khách ASEAN đến Vùng đồng bằng sông Hồng chủ yếu vì mục đích thương mại sau đó là mục đích tham quan thắng cảnh, thăm thân. Khách ASEAN thích du lịch sinh thái. Phần lớn khách du lịch ASEAN đi lẻ và đến Việt Nam lần đầu. Tuy vậy có hơn nửa số khách có nguyện vọng quay trở lại du lịch Việt Nam. Khách du lịch ASEAN đến Việt Nam có khả năng chi tiêu lớn, đặc biệt là khách thương mại.

Nhìn chung thị trường ASEAN là thị trường đầy tiềm năng của du lịch Việt Nam vì xu hướng khách đi lại trong vùng vẫn không thay đổi, giá cả hợp với mức thu nhập của người dân các nước, điều kiện đi lại trong khu vực ngày một dễ hơn, dễ hội nhập với phong cách sống của Việt Nam do có lịch sử, văn hóa tương đồng. Tuy nhiên, những thị trường này cũng có những đòi hỏi cao như giá rẻ, dịch vụ chất lượng, hiệu quả, mặt hàng phong phú phù hợp với ý thích mua sắm, đồng thời các sản phẩm du lịch phải khác riêng biệt so với sản phẩm ở nước họ, tránh sự nhàm chán, lặp lại giữa các nước trong khu vực.

*** Thị trường khu vực Bắc Mỹ:**

+ *Thị trường Mỹ*: Đây là thị trường có khả năng thanh toán cao, đòi hỏi chất lượng sản phẩm du lịch và dịch vụ rất cao. Hiện nay thị trường này đến Hải Dương còn rất ít, tuy nhiên mối quan hệ hợp tác giữa hai nước Việt Nam và Mỹ ngày càng được củng cố và phát triển, đặc biệt Việt Nam đã gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, do vậy đây sẽ là cơ hội cho khách du lịch thương mại Mỹ đến Việt Nam nhiều hơn và là thị trường tiềm năng cho Trung tâm du lịch Hà Nội và phụ cận. Hải Dương sẽ trở thành điểm dừng chân mua sắm trong tuyến du lịch quốc gia Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh. Các đối tượng cần được quan tâm khai thác của thị trường Mỹ là các cựu chiến binh, các nhà đầu tư, Việt kiều. Các sản phẩm lưu niệm khách Mỹ ưu thích là tranh thêu đồ gốm, gỗ mỹ nghệ...

+ *Thị trường Canada*: Đây cũng là một trong những thị trường tiềm năng, có khả năng chi tiêu tương đối lớn, các đối tượng cần khai thác chủ yếu là những khách du lịch thuộc tầng lớp thanh niên, trung niên với các sản phẩm du lịch chính là: du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, du lịch tham quan nghiên cứu...

*** Đối với thị trường Tây Âu:**

Đây là thị trường rất quan trọng, chiếm tỷ lệ cao thứ hai trong cơ cấu khách quốc tế đến Vùng đồng bằng sông Hồng (không trên 40% thị phần). Song thời gian gần đây thị trường này có xu hướng chững lại và giảm dần đi thị phần của mình. Hai thị trường truyền thống quan trọng nhất là Pháp (chiếm trên 20% thị phần) và Anh (khoảng 6- 7%). Đứng thứ ba là thị trường Đức (trên 5%). Ngoài ra Vùng đồng bằng sông Hồng còn đón khách du lịch từ Thụy Sĩ, Hà Lan, Đan Mạch...

Các thị trường này có khả năng chi trả cao, đòi hỏi phục vụ những sản phẩm du lịch hoàn hảo, có chất lượng cao, nhưng đây cũng là thị trường rất đắt đỏ trong việc chi tiêu. Chính vì vậy việc phục vụ khách du lịch ở những thị trường này rất khó, đòi hỏi phải có những chiến lược cụ thể rõ ràng như chiến lược về đào tạo nguồn nhân lực, chiến lược xây dựng sản phẩm du lịch...

Khách du lịch đến Việt Nam nói chung và đến với Hải Dương nói riêng chủ yếu với mục đích tham quan thắng cảnh, thương mại, thăm thân. Họ

thích tìm hiểu về văn hóa lịch sử. Các đồ thủ công mỹ nghệ, quà lưu niệm cũng như các món ăn Việt Nam rất được khách Tây Âu ưa chuộng. Ngoài ra, họ còn quan tâm đến các “city tour”, du lịch sinh thái...

b. Thị trường du lịch khách nội địa

Khách du lịch nội địa rất đa dạng, gồm nhiều tầng lớp xã hội, nhiều địa vị và nhiều nghề nghiệp khác nhau, họ có thể tổ chức tour du lịch đi theo gia đình, theo nhóm lẻ hoặc đi theo đoàn. Mục đích chính của khách du lịch nội địa đến với Hải Dương là tham gia vào các loại hình du lịch chủ yếu sau: du lịch tham quan thắng cảnh, du lịch cuối tuần, du lịch lễ hội tín ngưỡng, du lịch sinh thái, du lịch công vụ...

*** Khách du lịch tham quan thắng cảnh:** Đối tượng khách tham quan thắng cảnh chiếm một tỷ trọng đáng kể, họ đến từ khắp mọi miền đất nước với đủ thành phần xã hội, nghề nghiệp và lứa tuổi song nhiều nhất là học sinh, sinh viên. Mục đích chính của đối tượng khách này là tham quan các di tích danh thắng Côn Sơn, đền thờ và lăng mộ nhà giáo Chu Văn An...

*** Khách du lịch cuối tuần kết hợp vui chơi giải trí:** Hiện nay, loại hình du lịch này đang phát triển nhanh, nhất là ở các thành phố lớn- nơi mà áp lực của công việc, áp lực của cuộc sống rất lớn, ảnh hưởng đến cường độ và chất lượng lao động của người dân. Do vậy, vào những ngày nghỉ cuối tuần, các tầng lớp lao động thường tập trung vào những điểm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí để thư giãn sau mỗi tuần lao động và tái phục hồi sức lao động. Khu du lịch Côn Sơn- Kiếp Bạc của Hải Dương cần sớm đầu tư hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật để đón đối tượng khách này.

*** Khách du lịch lễ hội- tín ngưỡng:** Trong thời gian gần đây, khách du lịch lễ hội- tín ngưỡng phát triển nhanh, chiếm tỷ trọng đáng kể. Đối tượng chính của loại hình du lịch này là những người lớn tuổi, những người buôn bán kinh doanh... Họ tham gia vào các lễ hội để cầu may, cầu phúc, cầu lộc. Loại hình du lịch này thường diễn ra vào mùa xuân, khi mà các lễ hội được tổ chức hàng năm. Các địa bàn thu hút khách du lịch đến tham quan tập trung chủ yếu ở lễ hội Côn Sơn- Kiếp Bạc, lễ hội Đền Cao, lễ hội đền Sinh, lễ hội đền Hóa...

*** Khách du lịch sinh thái:** Các hoạt động mang bản chất du lịch sinh thái ở Hải Dương mới phát triển trong những năm gần đây và còn rất hạn chế. Các

đối tượng chính của loại hình du lịch này là các nhà nghiên cứu, học sinh, sinh viên... Đây là những đối tượng thích mạo hiểm, thích khám phá. Các hoạt động du lịch sinh thái cũng thường được diễn ra quanh năm, ít chịu ảnh hưởng bởi tính mùa vụ trong du lịch. Các địa bàn có thể phát triển du lịch sinh thái ở Hải Dương bao gồm đảo Cò; rừng, hồ Bến Tắm; miệt vườn sinh thái sông Hương...

*** Khách du lịch thương mại, công vụ:** Đối tượng chính của loại hình du lịch này là cán bộ công nhân viên trong các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp... thường kết hợp giữa công tác và du lịch. Khả năng chi tiêu của đối tượng khách này tương đối cao, nên họ thường sử dụng những dịch vụ cao cấp hơn. Loại hình du lịch này thường diễn ra quanh năm, ít chịu ảnh hưởng của các điều kiện tự nhiên và thường tập trung ở thành phố Hải Dương hoặc các khu du lịch trọng điểm như Côn Sơn- Kiếp Bạc,..

3.1.2.3. Định hướng phát triển các sản phẩm du lịch

Du lịch là ngành kinh tế mang tính định hướng tài nguyên rõ rệt, phát triển du lịch cần dựa vào đặc điểm nguồn tài nguyên du lịch để xác định sản phẩm du lịch đặc trưng, từ đó xác định thị trường tiêu thụ. Để khai thác được lâu dài cần có sự củng cố và xây dựng các khu, tuyến, điểm du lịch, đầu tư tôn tạo các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa bảo vệ tài nguyên môi trường

Phát triển sản phẩm du lịch là định hướng quan trọng làm tăng khả năng khai thác tài nguyên du lịch và tạo nên các sản phẩm du lịch hấp dẫn. Với tiềm năng và các nguồn tài nguyên du lịch ở Hải Dương có thể xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch sau đây:

a. Du lịch văn hóa:

Du lịch văn hóa- hiện đang là xu hướng chung của các nước đang phát triển vì đem lại giá trị lớn cho cộng đồng và xã hội. Du lịch văn hóa chủ yếu dựa vào các sản phẩm văn hóa, những lễ hội truyền thống dân tộc, kể cả những phong tục tín ngưỡng để tạo sức hút với khách du lịch bản địa và từ khắp nơi trên thế giới.

Hải Dương có nhiều di tích lịch sử văn hóa, di tích cách mạng và lễ hội truyền thống. Tài nguyên du lịch văn hóa chiếm phần lớn trong nguồn tài nguyên du lịch ở Hải Dương. Tuy nhiên để tăng tính hấp dẫn của sản phẩm

người viết chỉ lựa chọn những nguyên tiêu biểu có giá trị văn hóa lịch sử để đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa văn nghệ dân gian... tạo thành điểm đến du lịch hoàn chỉnh.

Các di sản văn hóa sau đây có thể lựa chọn để xây dựng, nâng cấp thành sản phẩm du lịch văn hóa:

+ Côn Sơn (Chí Linh) với anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Trãi là một trong chôn tổ của thiền phái Trúc lâm;

+ Di tích Kiếp Bạc (Kinh Môn), An Phụ (Kinh Môn)- nơi thờ anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo;

+ Đền Cao (xã An Lạc- Chí Linh);

+ Chùa Thanh Mai (Chí Linh);

+ Khu di tích Phụng Hoàng: đền thờ Chu Văn An, đền thờ Nguyễn Thị Duệ;

+ Đền Bia, Đền Xưa, chùa Giám (Cẩm Giàng) nơi lưu giữ những kỷ vật về đại danh y Tuệ Tĩnh;

+ Văn Miếu Mao Điền (Cẩm Giàng) nơi thờ Khổng Tử và ghi danh các nhà khoa của tỉnh;

+ Đền Cúc Bồ (Ninh Giang) nơi thờ danh nhân Khúc Thừa Dụ;

+ Đền Tranh (Ninh Giang), đền Sượt (TP. Hải Dương);

+ Đền Quát (Gia Lộc) nơi thờ danh tướng Yết Kiêu;

+ Chùa Đồng Ngọ (Tiên Tiến- Thanh Hà) với hệ thống tượng và tòa cửa phẩm liên hoa được xây dựng từ thế kỷ 16;

+ Nhà thờ Kê Sặt;

+ Múa rối nước: Hồng Phong (Ninh Giang), Thanh Hải (Thanh Hà), Yết Kiêu (Gia Lộc);

b. Du lịch sinh thái

Phát triển du lịch sinh thái là thực hiện quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng và Nhà Nước đối với sự nghiệp phát triển du lịch nhằm tạo ra hình ảnh mới, đặc sắc của Du lịch Việt Nam trong khu vực và quốc tế. Mặc dù ở Hải Dương chưa có khu sinh thái tự nhiên nào được xếp hạng, song kết quả nghiên cứu cho thấy có thể phát triển sản phẩm du lịch sinh thái vùng núi tại Côn Sơn, Bến Tắm (Chí Linh); khu An Phụ- Kính Chủ (Kinh Môn); Khu du lịch sinh thái vùng đồng bằng tại Đảo Cò (Thanh Miện) và vùng dọc sông Hương (Thanh Hà).

Khai thác sản phẩm du lịch sinh thái ở các khu, điểm trên cần tuân thủ một số nguyên tắc:

+ Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, tạo ý thức cho mọi người nỗ lực tham gia vào việc bảo tồn các giá trị tài nguyên.

+ Bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái

+ Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng

+ Tạo cơ hội việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, du lịch sinh thái còn luôn hướng tới việc huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương như đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên, đáp ứng chỗ ăn, nghỉ; hàng lưu niệm; nhu cầu dịch vụ cho khách...

Cũng như các loại hình du lịch khác, tại các điểm du lịch cần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch đảm bảo tiêu chuẩn của khu, điểm du lịch.

Để thực hiện các tour du lịch sinh thái tại Hải Dương cần xem xét những thuận lợi và khó khăn sau:

*** Thuận lợi:**

- Các điểm đến có cảnh quan thiên nhiên đẹp gắn với các đình, đền, chùa và các lễ hội đặc sắc.
- Đường đến các điểm đến du lịch khá thuận lợi và đã được trải nhựa.

- Tại Côn Sơn và An Phụ có cơ sở hạ tầng (giao thông, mạng lưới thông tin liên lạc) và các dịch vụ phục vụ khách khá đầy đủ.
- Khu An Phụ- Kênh Chủ và Đảo Cò Chi Lăng Nam đã được chi tiết, vùng dọc sông Hương đã có quy hoạch tổng thể và đang tiến hành quy hoạch chi tiết.
- Tại Thành phố Hải Dương: hoạt động kinh doanh du lịch từng bước được mở rộng, cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường cả về số lượng và chất lượng; đội ngũ cán bộ, nhân viên du lịch được đào tạo cơ bản.

*** Khó khăn:**

- Khu Côn Sơn chưa có quy hoạch chi tiết
- Vùng sông Hương đã có quy hoạch tổng thể nhưng chưa hình thành điểm du lịch, vệ sinh chưa tốt, nhiều rác và nổi bèo
- Khu Bến Tắm mới chỉ dừng ở cảnh quan tự nhiên, chưa có quy hoạch và chưa hình thành điểm du lịch
- Khu Đảo Cò Chi Lăng Nam : Cơ sở hạ tầng du lịch và các dịch vụ phục vụ du lịch còn nhiều hạn chế. Hoạt động du lịch ở Đảo Cò chủ yếu phụ thuộc vào đàn Cò, nếu khai thác mà không có các biện pháp bảo vệ, Cò không về trú ngụ vì mất đi môi trường sinh thái.
- Du lịch tại các điểm còn mang tích chất hoạt động theo mùa: Côn Sơn và An Phụ chỉ đông khách và mùa lễ hội, vùng miệt vườn sông Hương phụ thuộc vào vụ vải
- Khu du lịch Đảo Ngọc thuộc Tổ hợp vui chơi giải trí Nam Cường vẫn đang là dự án chưa đầu tư xây dựng
- Khu vui chơi giải trí Hà Hải hiện mới chỉ khai thác một số loại hình du lịch đơn giản như: bể bơi, tennis, bơi thuyền
- Đặc biệt, trong loại hình du lịch sinh thái với các tour du lịch đường sông còn phụ thuộc vào các điều kiện khách quan: sự thay đổi thất thường của các yếu tố về tự nhiên: khí hậu, thời tiết...gây ảnh hưởng không ít đến việc hình thành các tour du lịch và thời điểm tổ chức. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng: các bến tàu, cầu thuyền; dịch vụ du lịch: tàu vận chuyển, cơ sở lưu trú, dịch

vụ tiếp đón, cứu hộ... ven các con sông, chưa được xây dựng và đáp ứng. hiện trạng môi trường nước sông Kinh Thầy, sông Hương đang bị ô nhiễm.

c. *Du lịch làng nghề*

Du lịch làng nghề là loại hình du lịch có khả năng thu hút khách du lịch có khả năng thu hút khách du lịch quốc tế và tăng chi tiêu mua sắm. Đặc điểm nổi bật của tỉnh Hải Dương là ngành nghề truyền thống luôn gắn với nông nghiệp, nông thôn. Bởi vậy có thể khẳng định được rằng phát triển du lịch làng nghề truyền thống hiện nay là bước đột phá để phát triển du lịch của tỉnh, cải thiện đời sống của nhân dân ở nông thôn.

Hiện tại, nhiều làng nghề thủ công mỹ nghệ của Hải Dương đã đáp ứng được nhu cầu thiết yếu hàng đầu của khách là thư giãn và mua sắm. Tuy nhiên, để khai thác làng nghề truyền thống thành sản phẩm du lịch trước hết phải lựa chọn những làng nghề truyền thống còn đang hoạt động hoặc còn giữ nghề và có khả năng khôi phục được, phải có cảnh quan môi trường tốt, phải có điểm trình diễn cho du khách tham quan. Sau đó, phải có cảnh quan môi trường tốt, phải có điểm trình diễn cho du khách tham quan. Sau đó, đầu tư xây dựng thành điểm đến. Trong danh mục nghề và làng nghề ở Hải Dương có thể lựa chọn các làng nghề sau:

- Làng chế tác vàng bạc Châu Khê (Thúc Khang- Bình Giang)
- Làng chạm khắc gỗ Đông Giao (Lương Điền- Cẩm Giàng)
- Làng gốm Chu Đậu (Thái Tân- Nam Sách)
- Làng thêu ren Xuân Nẻo (Hưng Đạo- Tứ Kỳ)
- Làng chạm khắc đá Kính Chủ (Phạm Mệnh- Kinh Môn)
- Làng đóng giày Tam Lâm (Hoàng Diệu- Gia Lộc)

d. *Phát triển loại hình du lịch thương mại, công vụ với các sản phẩm cụ thể:*

_ Tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, khuyến thương tại Côn Sơn- Kiếp Bạc; thành phố Hải Dương;

_ Tôn vinh các nhà giáo ưu tú; sinh viên, học sinh giỏi tại đền thờ Chu Văn An, Văn Miếu Mao Điền.

e. Phát triển loại hình du lịch dựa vào các sự kiện đặc biệt:

_ Tổ chức các giải thể thao tại nhà thi đấu Hải Dương;

_ Phát triển các môn thể thao nước đua thuyền canoing, rowing, nhảy cầu, bơi, nặn, bóng nước... tại Trung tâm thể thao nước hồ Bạch Đằng để thu hút khách du lịch tham gia;

_ Tổ chức các cuộc liên hoan, hội diễn văn nghệ

Phát triển sản phẩm du lịch cần lưu ý: Phải xây dựng điểm đến hoàn chỉnh trước khi kết nối các tour du lịch. “Điểm đến” là nơi khách du lịch được đón tiếp, được giới thiệu, được tham quan, được giao lưu và được mua bán sản phẩm, nghỉ ngơi, thưởng thức ẩm thực... “điểm đến” được xây dựng tốt, chất lượng của tour sẽ tốt. “Điểm đến” mang tính chất kém bền vững và có nhiều khả năng làm mất đi những tiềm năng du lịch hiện có. Vì vậy, các điểm đến cần được xây dựng khoa học, quản lý tốt, đảm bảo quy hoạch phát triển chung, kết hợp giữa cải tạo và xây dựng mới, giữ truyền thống và hiện đại.

3.2. Các giải pháp phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

3.2.1. Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về kinh tế

3.2.1.1. Quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch du lịch

Công tác quy hoạch là một trong những yếu tố quan trọng đầu tiên đảm bảo cho việc phát triển du lịch bền vững. Không thể đầu tư xây dựng bất cứ khu du lịch nào nếu thiếu quy hoạch. Nhà nước cần quản lý chặt chẽ các dự án đầu tư phát triển du lịch và chỉ cho phép đầu tư khi đã có quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. trong quá trình quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, lập các dự án khả thi đầu tư phát triển du lịch cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các chuyên gia quy hoạch với các chuyên gia ở những lĩnh vực liên quan, chính quyền và cộng đồng địa phương.

Đối với Du lịch Hải Dương, giải pháp này là vô cùng quan trọng và cấp bách. Mặc dù Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt từ năm 2004 nhưng việc triển khai quy hoạch nhất là việc lập các dự án quy hoạch chi tiết còn chậm, cho đến nay toàn tỉnh mới quy hoạch chi tiết được 2 khu du lịch là Kính Chủ- An

Phụ và Đảo Cò Chi Lãng Nam. Một số khu du lịch quan trọng chưa có quy hoạch chi tiết như Côn Sơn- Kiếp Bạc, Khu sinh thái hồ và rừng Bến Tắm, khu miệt vườn sinh thái sông Hương- Thanh Hà...Điều này đã làm hạn chế khả năng thu hút vốn đầu tư phát triển cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng du lịch và đây cũng là một trong những nguyên nhân hạn chế việc phát triển hoạt động du lịch Hải Dương. Thêm vào đó, do không có quy hoạch nên ở một số khu vực có nguồn tài nguyên tổng hợp như khu vực huyện Kinh Môn, huyện Chí Linh đã xảy ra tình trạng chồng lấn, xen kẽ giữa du lịch và các ngành công nghiệp, khai thác, chế biến...dẫn đến hậu quả mất dần tài nguyên du lịch. Theo đó, các thành phần kinh tế đầu tư, tự phát, manh mún, nhỏ lẻ phá vỡ cảnh quan môi trường, mất dần bản sắc văn hóa.

Để có thể thực hiện tốt công tác quản lý và quy hoạch cần Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020 cả nội dung và bước đi cho phù hợp, cụ thể với các nội dung cần điều chỉnh như sau:

_ Đánh giá một cách đầy đủ tiềm năng phát triển du lịch của tỉnh, xác định lại hệ thống chỉ tiêu phát triển du lịch phù hợp để có những định hướng đầu phát triển sản phẩm du lịch sát với yêu cầu thực tế.

_ Sớm quy hoạch chi tiết khu du lịch trọng điểm Côn Sơn- Kiếp Bạc, khu du lịch sinh thái rừng và hồ Bến Tắm, khu miệt vườn sinh thái dọc sông Hương (giai đoạn 2011- 2015).

_ Quy hoạch sản phẩm du lịch phải tạo điểm nhấn, chú trọng xây dựng sản phẩm di lịch đặc thù, lấy di tích lịch sử văn hóa, lễ hội, làng nghề truyền thống làm trọng tâm; tìm ra hững nét riêng có ở mỗi lĩnh vực thiên nhiên, di tích, lễ hội chủ động tạo ra sự khác biệt. Trong quy hoạch phát triển sản phẩm cần quan tâm tới yếu tố bảo vệ môi trường và sự tham gia của cộng đồng.

_ Quy hoạch phát triển du lịch phải tính tới mối liên hệ vùng với các tỉnh lân cận: Trun tâm du lịch Hà Nội- Hải Phòng- Quảng Ninh...

_ Quy hoạch hệ thống cơ sở lưu trú, nhà hàng, các điểm dừng chân, các nhà hàng, các khu vui chơi giải trí về số lượng đảm bảo về sức chứa theo tính toán dự báo số khách du lịch đến Hải Dương vào năm 2020; về chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách du lịch quốc tế và nội địa.

Khi quy hoạch đã được phê duyệt thì đi vào thiết kế, xây dựng một khu du lịch cụ thể phải theo đúng quy hoạch và coi trọng yếu tố văn hóa, bản sắc văn riêng của mỗi cộng đồng địa phương. Việc trùng tu, nâng cấp, bảo tồn và phát huy các di tích, di sản cần có dự tính hướng đích là thu hút khách du lịch.

3.2.1.2. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch, chú trọng phát triển sản phẩm du lịch đặc thù

Chất lượng sản phẩm du lịch đang là điểm yếu và là vấn đề đặt ra đối với du lịch Hải Dương. Nguyên nhân khách quan là do tài nguyên du lịch ở Hải Dương nhiều về số lượng nhưng có lợi thế so sánh, trừ khu Côn Sơn-Kiếp Bạc được coi là quần thể di tích danh thắng có giá trị ở tầm quốc gia, các tài nguyên khác đều có nét tương đồng với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đòi hỏi trong khai thác, sử dụng cần có những nghiên cứu chuyên sâu để tạo sự khác biệt, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm. Về chủ quan, Hải Dương chưa thực sự quan tâm đến việc quan tâm đến việc phát triển các sản phẩm du lịch dựa trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên. Do đó, giải pháp đa dạng hóa sản phẩm du lịch mang nét đặc thù riêng của Hải Dương để tăng tính hấp dẫn và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm là rất cần thiết. Giai đoạn 2011- 2015 tập trung xây dựng các sản phẩm du lịch sau:

- Du lịch văn hóa lịch sử với trọng điểm là quần thể di tích Côn Sơn-Kiếp Bạc, An Phụ- Kính Chủ;
- Du lịch theo dấu chân danh nhân (Hồ Chí Minh, Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An...)
- Du lịch sinh thái trong đó chú trọng điểm du lịch sinh thái Đảo Cò Chi Lăng Nam; rừng, hồ Bến Tắm; vùng dọc sông Hương- Thanh Hà;
- Du lịch nghỉ dưỡng (nước khoáng Thạch Khê);
- Các khu vui chơi giải trí trong đó có sự kết hợp giữa những trò tiêu khiển hiện đại xen lẫn các trò chơi trong các lễ hội cổ truyền như: múa sư tử, múa rồng, pháo đất, đánh thố, viết chữ nho...phối hợp với những nghệ thuật dân gian truyền thống như rối nước, chèo sân đình, hát đối quan họ...
- Sản phẩm du lịch làng nghề thủ Hưng Đạo, giày dép da Tam Lâm, gốm Chu Đậu, gỗ mỹ nghệ Đông Giao.

- Quy hoạch và xây dựng khu phố ẩm thực, làng ẩm thực tại một số tuyến phố trong thành phố Hải Dương hoặc tại các làng văn hóa, làng nghề truyền thống nơi khách thường xuyên có khách du lịch đến thăm. Sản phẩm được dùng trong “ Phố ẩm thực” có thể sử dụng các nguyên liệu, thực phẩm, các món ăn dân gian truyền thống của Hải Dương như: bánh đa, bánh đúc, bánh dày giò, cua cá đồng kết hợp với các món ăn đặc sản có thương hiệu ở Hải Dương như gà chọi, gà tươi...

Bên cạnh các sản phẩm mang tính đặc thù, du lịch Hải Dương vẫn tiếp tục các sản phẩm mang tính thời đại như đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, vật chất kỹ thuật du lịch tốt để phát triển các loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo để tận dụng lợi thế nằm giữa trung tâm kinh tế, văn hóa, chính trị và du lịch lớn (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh)

Việc đa dạng các sản phẩm, phát triển các sản phẩm du lịch đặc thù có ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó không chỉ tăng tính hấp dẫn của du lịch Hải Dương, giảm thiểu sự cạnh tranh không cần thiết với các tỉnh lân cận mà còn thu hút lượng lớn các thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư tham gia được vào hoạt động du lịch, giải quyết việc làm, góp phần không nhỏ phát triển du lịch bền vững cả về kinh tế và xã hội.

3.2.1.3. Hoàn thiện cơ chế chính sách, nâng cao năng lực quản lý nhà nước, tăng cường phối hợp liên ngành trong lĩnh vực du lịch

Do việc quản lý tài nguyên du lịch còn chông chéo giữa các ngành với các ngành, giữa ngành với chính quyền địa phương. Vì vậy việc quản lý khai thác tài nguyên du lịch theo quy hoạch còn nhiều hạn chế, với tình trạng mạnh ngành nào ngành ấy khai thác, là một trong những nguyên nhân dẫn sự suy thoái tài nguyên, môi trường không đảm bảo được sự phát triển bền vững nói chung, phát triển du lịch bền vững nói riêng.

Để đảm bảo được sự phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương trong thời gian tới, Ủy ban Nhân dân tỉnh cần chỉ đạo các ngành chức năng của tỉnh tập trung nghiên cứu xây dựng một số chính sách cơ bản như sau: chính sách đầu tư, chính sách tài chính, chính sách xã hội hóa hoạt động du lịch, chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế, chính sách khoa học công nghệ, chính sách về quản lý và khai thác tài nguyên và môi trường.

– **Chính sách đầu tư:** Tỉnh có chính sách đầu tư hỗ trợ hợp lý xây dựng kết cấu hạ tầng dẫn đến và tại các khu du lịch trọng điểm. Ưu đãi, khuyến khích thu hút vốn đầu tư phát triển du lịch nhất là các dự án đầu tư xây dựng các khu du lịch, khu du lịch sinh thái tổng hợp (Resort), khu vui chơi giải trí khách sạn nhà hàng cao cấp. Đồng thời tạo cơ chế thông thoáng về đầu tư cho phát triển du lịch của tỉnh nhằm khuyến khích việc huy động các nguồn vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch.

– **Chính sách tài chính:** Thành lập quỹ phát triển du lịch, ưu tiên miễn giảm hoặc không thu thuế trong thời gian nhất định với các hình thức đầu tư cho phát triển sản phẩm du lịch mới, sản phẩm du lịch đặc thù, bảo vệ môi trường du lịch. Rà soát, điều chỉnh các loại phí, lệ phí các hình thức vé liên quan đến du lịch trong phạm vi toàn tỉnh để khuyến khích đầu tư và phát triển du lịch.

– **Chính sách xã hội hóa hoạt động du lịch:** nhằm động viên mọi nguồn lực của xã hội để xây dựng và phát triển du lịch; đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, các cấp chính quyền trong quản lý hoạt động du lịch. Khuyến khích người dân địa phương tham gia du lịch, phát huy lòng mến khách, thuần phong mỹ tục, giữ gìn trật tự an ninh, vệ sinh môi trường tự nhiên tại các điểm du lịch; tạo điều kiện để mọi người được hưởng thụ các thành quả do sự nghiệp du lịch đem lại.

– **Chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế:** Trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập cùng cộng đồng quốc tế, thì chính sách “ mở cửa- hội nhập và hợp tác quốc tế” là rất quan trọng, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch. Thông qua các hoạt động du lịch, một mặt nâng cao tinh đoàn kết, hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam và thế giới, mặt khác đảm bảo cho các hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Trong bối cảnh chung của cả nước, Hải Dương cần nghiên cứu và đề xuất ban hành những chính sách đặc thù về hợp tác song phương trong lĩnh vực du lịch với các tỉnh, thành phố ở nước ngoài.

– **Chính sách khoa học công nghệ:** Có chính sách khuyến khích và đầu tư thích đáng từ Ngân sách Nhà nước (cả trung ương và địa phương) cho công tác nghiên cứu khoa học trong và ngoài ngành du lịch để phục vụ cho quá trình phát triển du lịch ở địa phương.

– **Quy định quản lý và khai thác tài nguyên du lịch**, trong đó quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan quản lý tài nguyên du lịch; các điều kiện khai thác tài nguyên du lịch; trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khi tham gia khai thác tài nguyên du lịch và các chế tài xử phạt...

Tăng cường phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước đối với du lịch : Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, mang tính liên ngành và xã hội hóa cao, để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước cần có cơ chế và văn bản phối hợp liên ngành, ưu tiên giải quyết kịp thời các vấn đề có liên quan đến du lịch, nhất là trong đầu tư phát triển sản phẩm du lịch, khai thác các tài nguyên mà nhiều ngành quản lý phục vụ phát triển du lịch, tuyên truyền và quảng bá du lịch trong và ngoài nước , bảo vệ và tôn tạo môi trường tự nhiên và xã hội...

3.2.1.4. Tăng cường đầu tư phát triển du lịch

Bất kỳ một ngành kinh tế nào muốn thu hút được hiệu quả kinh tế cao cũng cần phải có sự đầu tư thỏa đáng. Khả năng đầu tư càng cao, càng ổn định thì tính bền vững trong phát triển du lịch dưới góc độ kinh tế càng được đảm bảo. Hải Dương là tỉnh có nguồn thu khiêm tốn nên nguồn ngân sách và tích lũy từ du lịch dành cho phát triển du lịch là rất hạn chế. Từ những hoạt động đầu tư phát triển du lịch trong thời gian qua, một số chính sách phát triển bền vững bao gồm:

– Chính sách đầu tư hợp lý cho cơ sở hạ tầng: đầu tư cho các công trình hệ thống xử lý, nước thải, hệ thống cấp nước, hệ thống bưu chính viễn thông, điện chiếu sáng, bãi đỗ xe, trung tâm đón khách, nhà bán hàng lưu niệm, khu vệ sinh công cộng ở các khu du lịch. Trong quá trình đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cần đầu tư có trọng điểm, đồng bộ cho từng khu du lịch nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; tránh tình trạng đầu tư dàn trải, chắp vá, không đồng bộ, không đúng mục đích dẫn đến lãng phí vốn đầu tư và hiệu quả không cao;

– Chính sách ưu đãi đặc biệt để hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Với các nhà đầu tư trong nước, có thể áp dụng chính sách đối đất lấy hạ tầng, đấu thầu sử dụng quỹ đất tạo vốn đầu tư phát triển du lịch đối với các khu đô thị du lịch mới Sao Đỏ huyện Chí Linh; khu sinh thái Đảo Cò huyện Thanh Miện; khu sinh thái dọc sông Hương huyện Thanh Hà. Với các nhà đầu tư nước ngoài áp dụng chính sách ưu đãi đặc biệt để thu hút đầu tư vào khu Bến

Tầm, Côn Sơn- Kiếp Bạc huyện Chí Linh, An Phụ- Kinh Chủ huênj Kinh Môn.

_ Đơn giản hóa thủ tục hành chính thành lập doanh nghiệp, cấp giấy phép đầu tư, xác định rõ chức năng và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc hướng dẫn, xúc tiến đầu tư.

_ Tổ chức nhiều hội thảo với chủ đề “ Hải Dương- cơ hội mới cho đầu tư du lịch” hay “ Bạn sẽ được lợi gì khi đầu tư du lịch ở Hải Dương”...tại Hải Dương và các tỉnh, thành phố.

3.2.1.5. *Đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến du lịch và mở rộng thị trường*

Việc tuyên truyền quảng bá, xúc tiến du lịch và mở rộng thị trường đóng vai trò quan trọng và cần thiết cho sự phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương. Trong những năm qua, Hải Dương đã có nhiều cố gắng trong công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch. Tuy nhiên, do kinh phí hạn chế, kinh nghiệm còn thiếu và đặc biệt là đội ngũ làm công tác này còn yếu về chuyên môn nghiệp vụ cho nên hình ảnh của du lịch ở Hải Dương chưa được khách quốc tế và trong nước biết đến nhiều. Để khắc phục tình trạng đó, cần đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch từ phía nhà nước và phía doanh nghiệp.

* *Đối với Nhà nước*: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện các hoạt động sau:

_ Xây dựng chiến lược marketing du lịch giai đoạn 2011- 2015

_ Xây dựng ấn phẩm chung giới thiệu về du lịch Hải Dương: bản đồ du lịch, sách, tập gấp, đĩa VCD hướng dẫn về du lịch Hải Dương bằng thứ tiếng Việt, Anh, Pháp: giới thiệu chung về văn hóa ẩm thực, danh lam thắng cảnh, các điểm tham quan du lịch chính, hệ thống khách sạn, nhà hàng...; Xây dựng biển chỉ dẫn các điểm du lịch đặt tại cửa ngõ và trung tâm thành phố, thị trấn.

_ Tăng cường mối quan hệ với các hãng thông tấn, báo chí, phát thanh truyền hình để hỗ trợ cho hoạt động xúc tiến và tuyên truyền quảng bá. Phối hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài nước, các tổ chức, các địa phương để cùng tuyên truyền.

_ Đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến du lịch thông qua việc tổ chức lễ hội truyền thống, tiêu biểu là lễ hội Côn Sơn- Kiếp Bạc.

_ Từng bước tổ chức các cuộc gặp gỡ, hội thảo về “điểm đến” của du lịch Hải Dương với các doanh nghiệp lữ hành các tỉnh, trong nước và nước ngoài để đưa các điểm du lịch của Hải Dương vào các tour du lịch nội tỉnh, liên tỉnh và quốc tế đồng thời thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch Hải Dương. Gắn kết và phối hợp chương trình hành động quốc gia về du lịch với chương trình xúc tiến du lịch của tỉnh nhằm đạt hiệu quả cao hơn.

_ Tham gia hội chợ, hội thảo trong nước và quốc tế để quảng bá sản phẩm, xúc tiến đầu tư. Tranh thủ các nguồn lực, sự hỗ trợ các tổ chức phi chính phủ, các nhà tài trợ trong hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch.

_ Nghiên cứu thị trường trong nước và nước ngoài, xây dựng sản phẩm du lịch phù hợp với thị hiếu của khách.

* *Đối với doanh nghiệp:*

_ Phải tuân thủ các quy định của pháp luật và có tính trách nhiệm trong hoạt động tuyên truyền, quảng bá; nâng cao kỹ năng tuyên truyền quảng bá để thu hút khách du lịch, song phải quảng bá trung thực và có trách nhiệm để đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

_ Phối hợp với các tổ chức, cá nhân khác để tiến hành các hoạt động xúc tiến du lịch của tỉnh và quốc gia.

_ Chủ động trong việc đào tạo lại các vị trí chủ chốt doanh nghiệp, đội ngũ nhân viên làm công tác xúc tiến để nâng cao hơn nữa trình độ nghiệp vụ, kỹ năng tuyên truyền quảng bá du lịch.

Trong những năm qua, du lịch Hải Dương đã được khách du lịch nội địa quan tâm nhiều đặc biệt là khách du lịch đến từ các tỉnh phía Bắc. Đối với thị trường nội địa cần mở rộng ra phía Nam trong đó chú trọng cả khách nội địa đi theo tuyến đường bộ, đường sắt và đường hàng không. Đối với thị trường quốc tế, với lợi thế sản phẩm chính là du lịch làng nghề, du lịch làng quê văn hóa dân gian Bắc Bộ; chơi golf; nghiên cứu khảo cổ, đa dạng sinh học đã thu hút được lượng lớn khách du lịch đặc biệt là khách du lịch từ các nước Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Trên cơ sở thị trường khách du lịch được mở rộng, lượng khách quốc tế đến Hải Dương ngày càng nhiều, chi tiêu cho mua sắm tăng; theo đó, hiệu quả kinh tế- xã hội ngày càng tăng đảm bảo phát triển du lịch bền vững.

3.2.1.6. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Có thể nói chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố quyết định rất lớn đến sự phát triển du lịch; du lịch chỉ có thể phát triển nhanh và bền vững nếu có một đội ngũ lao động du lịch chất lượng cao, số lượng đủ, cơ cấu hợp lý và có trách nhiệm gồm đông đảo những công nhân, nhân viên lành nghề, những nhà khoa học công nghệ du lịch tài năng giỏi chuyên môn nghiệp vụ, những nhà doanh nghiệp tháo vát, những nhà lãnh đạo, quản lý tận tụy, biết nhìn xa trông rộng.

Hội nhập quốc tế sâu và toàn diện trong và ngoài WTO đã và đang kéo theo sự thay đổi rất lớn từ phía cầu du lịch cả quy mô và chất lượng nên cung du lịch cả nước nói chung và của Hải Dương nói riêng cần thay đổi để thích ứng. Để đạt được mục tiêu phát triển nguồn nhân lực, cần triển khai một số hoạt động cụ thể sau:

_ Xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển nguồn nhân lực du lịch. Nâng cao chất lượng đào tạo chuyên ngành du lịch với cơ cấu nhân lực phù hợp. Thực hiện phương châm Nhà nước, doanh nghiệp cùng tham gia đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Thí điểm mô hình dạy nghề có sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp. Coi trọng và tăng cường hợp tác quốc tế về đào tạo nguồn nhân lực du lịch.

_ Song song với công tác đào tạo, quan tâm đến công tác cán bộ, thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các chính sách về cán bộ từ quy hoạch đến công tác tuyển dụng, sắp xếp, sử dụng, quản lý và đãi ngộ... Chú trọng từng bước trẻ hóa đội ngũ cán bộ, kết hợp ưu tiên sử dụng cán bộ có kiến thức, trình độ tay nghề và kinh nghiệm cao, đảm bảo tính kế thừa trong công tác cán bộ.

_ Tranh thủ sự giúp đỡ của Tổng cục Du lịch và Dự án EU về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam do EU tài trợ và ban hành Tiêu chuẩn hóa nguồn nhân lực du lịch. Từng bước thực hiện tiêu chuẩn đối với các chức danh và cấp bậc ngành nghề du lịch như tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo các đơn vị quản lý nhà nước về du lịch và giám đốc doanh nghiệp du lịch

theo tiêu chuẩn nghề du lịch (VTOS) làm cơ sở cho người học, cơ sở đào tạo và người sử dụng lao động.

3.2.1.7. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế

Việc nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ có thể được thực hiện trong mọi lĩnh vực của ngành du lịch, từ nghiên cứu thị trường, sản phẩm du lịch; công nghệ phục vụ khách du lịch; quản lý và khai thác tài nguyên; đến bảo vệ môi trường du lịch...Do vậy, thực hiện tốt giải pháp này sẽ góp phần đảm bảo cho ngành du lịch phát triển bền vững cả về mặt kinh tế, văn hóa- xã hội và tài nguyên – môi trường. Khi thực hiện giải pháp này, các cơ quan quản lý Nhà nước về du lịch cũng như các doanh nghiệp ở Hải Dương cần quan tâm đến một số khía cạnh sau:

_ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ trong công tác quản lý Nhà nước về du lịch, trong các quy trình phục vụ khách du lịch; nghiên cứu xây dựng các chiến lược về thị trường; đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, tiến tới công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành du lịch và tạo khả năng hội nhập của ngành du lịch Hải Dương với các hoạt động phát triển du lịch ở trong nước, khu vực và trên thế giới.

_ Khuyến khích các tổ chức cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học phục vụ giải quyết các vấn đề bức xúc của ngành; đổi mới cơ chế thực hiện và nâng mức đầu tư kinh phí cho các đề tài khoa học, đồng thời tăng cường nghiên cứu triển khai ứng dụng các đề tài đã thực hiện.

_ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin du lịch; mở rộng giao lưu hợp tác với các tổ chức, cơ quan khoa học trong và ngoài nước; khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, kinh doanh.

_ Hướng dẫn, khuyến khích và tạo điều kiện cho các cá nhân và các doanh nghiệp du lịch trực tiếp tham gia nghiên cứu khoa học để phục vụ cho các hoạt động đạt hiệu quả cao; nghiên cứu để nâng cao năng lực cạnh tranh lành mạnh trên thị trường...

3.2.2. Nhóm các giải pháp phát triển bền vững về tài nguyên- môi trường

_ Thực hiện việc nghiên cứu, kiểm kê, đánh giá một cách có hệ thống để đề xuất một hệ thống quản lý bền vững.

– Bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch: Để đáp ứng nhu cầu về kinh tế, xã hội, môi trường, thẩm mỹ nhưng vẫn duy trì được bản sắc văn hóa dân tộc, đảm bảo được sự đa dạng sinh học, các quá trình sinh thái cơ bản cũng như các hệ đảm bảo cho cuộc sống các thế hệ nay và mai sau; trong quá trình bảo tồn tôn tạo và phát triển du lịch cần thực hiện một số giải pháp cụ thể:

+ Khuyến khích hỗ trợ cho việc nghiên cứu khoa học cơ bản, đồng thời kêu gọi tổ chức, chuyên gia trong nước và quốc tế tham gia nghiên cứu khoa học cơ bản nhằm tiếp tục đánh giá một cách toàn diện tài nguyên du lịch của Hải Dương. Những kết quả nghiên cứu này sẽ làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược khai thác, bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên; xây dựng chiến lược khai thác, bảo tồn, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch; xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm du lịch nhằm phát triển du lịch một cách bền vững.

+ Hỗ trợ xây dựng hệ thống quản lý tài nguyên du lịch, quản lý môi trường, xử lý chất thải một cách có hiệu quả. Đầu tư kinh phí cho việc bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch

+ Khuyến khích, hỗ trợ các loại hình du lịch tự nhiên thân thiện với môi trường như du lịch sinh thái; du lịch văn hóa- lịch sử; du lịch kết hợp với bảo tồn, với nghiên cứu khoa học; du lịch làng quê.

+ Khuyến khích các dự án đầu tư phát triển du lịch có những cam kết cụ thể về bảo vệ, bảo tồn tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, những dự án sử dụng các công nghệ tiên tiến trong xử lý chất thải, sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu, đồng thời không khuyến khích hoặc không cấp phép cho các dự án đầu tư du lịch có nguy cơ tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái.

+ Tổ chức các hoạt động thu gom và xử lý chất thải rắn từ hoạt động du lịch. Xử lý chất thải khí từ các hoạt động du lịch như vận chuyển khách du lịch, vận hành hệ thống làm lạnh tại các cơ sở dịch vụ du lịch. Thực hiện đảm bảo vệ sinh môi trường ở các khu, điểm tham quan du lịch. Đánh giá tác động của môi trường đối với các dự án khai thác tài nguyên, phát triển du lịch. Sử dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch nhằm hạn chế chất thải từ hoạt động du lịch ra môi trường.

+ Tổ chức các hoạt động nhằm hạn chế sự suy thoái và bảo vệ phát triển các hệ sinh thái: Không đốn phá rừng, khai thác bừa bãi các nguồn nước trong hoạt động phát triển du lịch. Tăng cường trồng cây xanh trong các khu vực diễn ra hoạt động du lịch.

+ Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành Quy chế và quy định bảo vệ môi trường tại các cơ sở du lịch trong tỉnh.

+ Lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các hoạt động phát triển của ngành du lịch, đặc biệt thực hiện đánh giá tác động môi trường trong công tác quy hoạch phát triển du lịch bền vững.

– Thành lập các Ban quản lý tại các khu, điểm du lịch để quản lý, bảo vệ tài nguyên. Tại các khu, điểm du lịch cần xây dựng bảng hướng dẫn, giới thiệu về điểm du lịch và các quy định có liên quan đến quản lý và khai thác du lịch, tổ chức các hoạt động môi trường; kiểm soát những vấn đề xã hội trong quá trình tiến hành hoạt động du lịch; quy hoạch các quầy bán hàng lưu niệm và tạo ra nhiều sản phẩm lưu niệm mới; phát triển các hoạt động chăm sóc sức khỏe, tổ chức các hoạt động biểu diễn văn hóa nghệ thuật để thu hút khách.

3.2.3 Nhóm giải pháp phát triển du lịch bền vững về xã hội

3.2.3.1. Xã hội hóa phát triển du lịch

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, sự phát triển du lịch luôn nằm trong mối quan hệ tương hỗ với các lĩnh vực, các ngành kinh tế khác. Vì thế, Du lịch đã được Đảng và Nhà nước xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển du lịch là một chiến lược quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của đất nước. Tuy nhiên không phải ở đâu vai trò của du lịch cũng được đánh giá đầy đủ, đúng đắn và tạo điều kiện tốt nhất để phát triển. Cho nên, trong giai đoạn tới cần xã hội hóa du lịch một cách toàn diện và đúng đắn, tạo nên sự chuyển biến trong nhận thức về ngành du lịch trong các cấp, các ngành; động viên mọi thành phần kinh tế và cộng đồng dân cư tham gia phát triển du lịch.

3.2.3.2. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng dân cư về phát triển du lịch bền vững

Du lịch thể hiện tính xã hội hóa cao, sự phát triển du lịch luôn gắn với cộng đồng dân cư, vai trò của cộng đồng dân cư rất lớn bởi họ vừa là khách du lịch vừa là phục vụ các dịch vụ du lịch, vừa góp phần tạo nên môi trường

xã hội cho du lịch phát triển. Để đạt được mục tiêu phát triển du lịch bền vững thì việc nâng cao nhận thức cho cộng đồng ở các khu, điểm du lịch là rất cần thiết. Các giải pháp cần tập trung thực hiện, bao gồm:

_ Lồng ghép việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về phát triển du lịch vào các chương trình, dự án như “ Bảo tồn sinh thái đầm, hồ rừng Lim An Lạc gắn với phát triển du lịch sinh thái” ; dự án “ Bảo vệ môi trường gắn với phát triển du lịch sinh thái Đảo Cò Chi Lăng Nam” ...Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng đẩy mạnh công tác giáo dục pháp luật, nâng cao dân trí, nâng cao hiểu biết về phát triển du lịch bền vững cho cộng đồng dân cư địa phương.

_ Khuyến khích hỗ trợ vật chất đối với công tác nâng cao nhận thức về phát triển du lịch bền vững; nâng cao hiểu biết cho cộng đồng dân cư địa phương và khách du lịch trong việc bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch.

_ Khuyến khích các doanh nhân, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh đầu tư cho chương trình đào tạo nâng cao nhận thức của cộng đồng địa phương về phát triển du lịch bền vững, đồng thời đào tạo và sử dụng lao động địa phương của địa phương vào các hoạt động du lịch, kể cả công tác quản lý (tại các Ban quản lý di tích, các điểm du lịch...)

_ Khuyến khích cộng đồng địa phương tham gia tích cực vào các hoạt động du lịch; vào nỗ lực bảo vệ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch; tham gia giữ vệ sinh môi trường tại các khu du lịch, khu vui chơi giải trí trên địa bàn dân cư địa phương sinh sống. Bên cạnh việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động du lịch như vận chuyển khách du lịch, hướng dẫn khách du lịch, dịch vụ ăn uống, chụp ảnh, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ khác cần thiết phải hướng dẫn, khuyến khích người dân địa phương cung cấp hàng hóa, dịch vụ như cung cấp lương thực thực phẩm, sản xuất hàng lưu niệm phục vụ du khách.

3.2.3.3. Đẩy mạnh giáo dục, hướng dẫn du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn bản sắc văn hóa riêng

Tại các điểm tham quan du lịch, các khu du lịch, các điểm dừng chân, các làng là điểm tham quan du lịch cần phải tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn rất cụ thể cho người dân ở đây cách đón tiếp, phục vụ sao cho chuyến du lịch của du khách hoàn hảo, nhận thức cao về phát triển du lịch bền vững sẽ

đảm bảo sức hấp dẫn riêng biệt và bền vững của từng làng quê. Cần bảo tồn và phát triển sự độc đáo riêng của từng làng quê về di tích lịch sử văn hóa, làng nghề truyền thống, các lễ hội dân gian, các di tích gắn với các vị anh hùng dân tộc... Khuyến khích các làng nghề sản xuất các vật phẩm lưu niệm, mỹ nghệ, tránh tình trạng sao chép thể hiện bản sắc riêng của mỗi làng quê.

KẾT LUẬN

Sau khi nghiên cứu đề tài em đã rút ra một số kết luận sau:

Đề tài đã tìm hiểu một số vấn đề cơ sở lý luận về phát triển du lịch bền vững. Đây là kim chỉ nam cho toàn bộ khóa luận, hiện nay du lịch là ngành kinh tế đang thu hút được sự quan tâm của nhiều ngành kinh tế khác và du lịch cũng trở thành nhu cầu không thể thiếu đối với con người. Du lịch phát

triển là một dấu hiệu tốt đối với sự phát triển của nền kinh tế, làm cho thu nhập của người dân tại nơi có điểm du lịch. Nhưng hiện nay, du lịch phát triển đã có những tác động xấu đến Môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển về du lịch trong tương lai. Hải Dương là tỉnh có nhiều tiềm năng du lịch cả về tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn, phát triển nhiều loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với Môi trường, có đóng góp của cộng đồng địa phương và các đối tượng có liên quan. Để phát triển du lịch có hiệu quả, bền vững cần có những nghiên cứu để đưa ra định hướng cho phát triển du lịch bền vững tại Hải Dương.

Trên cơ sở điều tra, nghiên cứu thực tiễn, vận dụng những lý luận đã học đề tài đã phân tích được những điều kiện thuận lợi, khó khăn trong việc khai thác các tiềm năng, đồng thời phân tích đánh giá được thực trạng khai thác tài nguyên, phát triển tổng thể của ngành Du lịch Hải Dương, từ đó đúc kết được những vấn đề còn tồn tại trong việc quản lý, khai thác các tài nguyên, phát triển du lịch bền vững trên địa bàn tỉnh đồng thời đưa ra những định hướng, những giải pháp cơ bản nhằm góp phần khai thác tối đa các tiềm năng sẵn có, góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch và kinh tế xã hội của tỉnh.

Đề tài không chỉ nhằm mục tiêu phát triển du lịch bền vững tại địa phương và thông qua đó còn có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, các đơn vị kinh doanh du lịch và cộng đồng dân cư; vai trò, vị trí, lợi ích của phát triển du lịch bền vững trong phát triển du lịch tổng thể trên cơ sở có tăng cường các biện pháp tuyên truyền giáo dục cộng đồng trong việc quản lý, giữ gìn, bảo vệ tôn tạo tài nguyên du lịch một cách bền vững, phát huy lợi thế, khắc phục những hạn chế yếu kém bằng những giải pháp tích cực thúc đẩy hoạt động du lịch phát triển, góp phần mở rộng giao lưu văn hóa, dịch vụ, phát triển nhân tố con người, mở rộng thị trường, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ thông qua hình thức xuất khẩu tại chỗ, tạo thêm công ăn việc làm cho hàng chục vạn người lao động trực tiếp, gián tiếp, góp phần thiết thực vào công cuộc xóa đói giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Hy vọng trong những năm tới nguồn tài nguyên, môi trường du lịch của tỉnh sẽ được bảo vệ, tôn tạo, hấp dẫn du khách, trở thành nguồn lực để phát triển du lịch tổng thể của Hải Dương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết du lịch Hải Dương các năm, phòng Nghiệp vụ du lịch, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Dương.
2. Báo cáo điện tử Hải Dương, trang web: www.Haiduong.com.vn.
3. Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Hải Dương đến năm 2020, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Hải Dương.
4. Quy hoạch du lịch, Bùi Thị Hải Yến, Nhà xuất bản giáo dục, 2007.
5. Nhập môn Khoa học du lịch, Trần Văn Thanh, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.
6. Du lịch bền vững, Nguyễn Đình Hoè, Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2001.
7. Tổng quan du lịch, Trần Văn Thông, tài liệu lưu hành nội bộ.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

DANH MỤC TÀI NGUYÊN DU LỊCH TỰ NHIÊN

TT	Tên tài nguyên du lịch	Địa chỉ	Các loại hình du lịch có khả năng được khai thác
1	Danh thắng Côn Sơn	Xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh	Tham quan cảnh quan tự nhiên; dã ngoại, cắm trại, leo núi, bơi thuyền, mạo hiểm nghỉ dưỡng
2	Danh thắng Phượng Hoàng	Xã Văn An, huyện Chí Linh	Tham quan cảnh quan tự nhiên; dã ngoại, cắm trại, leo núi, bơi thuyền, mạo hiểm nghỉ dưỡng.
3	Danh thắng Kiếp Bạc	Xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh	Tham quan cảnh quan tự nhiên; dã ngoại, cắm trại, leo núi, bơi thuyền, mạo hiểm nghỉ dưỡng.
4	Rừng, hồ Bến Tắm	Xã Bắc An, huyện Chí Linh	Tham quan cảnh quan tự nhiên; dã ngoại, cắm trại, leo núi, bơi thuyền, nghỉ dưỡng.
5	Rừng Thanh Mai	Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh	Tham quan cảnh quan tự nhiên; dã ngoại, cắm trại.
6	Hang động Kính Chủ- núi Dương Nham	UBND xã Phạm Mệnh	-Tham quan, khám phá cảnh quan tự nhiên. -Thể thao leo núi, mạo hiểm
7	Rừng núi An Phụ	UBND xã An Sinh, huyện Kinh Môn	Tham quan cảnh quan tự nhiên; dã ngoại, cắm trại, leo núi, nghỉ dưỡng.

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

8	Động Hàm Long, Tâm Long, Hang Đốc Tít	Xã Minh Tân, huyện Kinh Môn	Tham quan cảnh quan tự nhiên
9	Hang Chùa MỘ	Xã Tân Dân, huyện Kinh Môn	Tham quan cảnh quan tự nhiên
10	Khu đa dạng sinh học Áng Bạc	Xã Minh Tân, huyện Kinh Môn	Tham quan cảnh quan tự nhiên
11	Miệt vườn sông Hương	Huyện Thanh Hà	-Du lịch sông nước: bơi thuyền, câu cá -Du lịch miệt vườn, đồng quê, trang trại
12	Đảo Cò	Xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện	-Tham quan cảnh quan tự nhiên -Du lịch nghiên cứu sự đa dạng sinh học -Du lịch dã ngoại, nghỉ dưỡng
13	Vườn sinh thái Nam Chính	Xã Nam Chính, huyện Nam Sách	Tham quan vườn sinh vật cảnh
14	Cây cảnh	Xã Hồng Phong, huyện Nam Sách	Tham quan vườn sinh vật cảnh
15	Khu sinh thái Hà Hải	Thành phố Hải Dương	- Tham quan cảnh quan tự nhiên, nhân văn - Du lịch thể thao, Du lịch nghỉ dưỡng - Du lịch văn hóa ẩm thực: thưởng thức các món ăn dân dã, đặc sắc: bánh cuốn hấp, bánh đậu xanh, canh cá...
16	Khu sinh thái Đảo Ngọc		
17	Hồ Bạch Đằng		
18	Bơi chải Long Xuyên		
19	Bơi chải Yết Kiêu	Huyện Gia Lộc	Du lịch thể thao
20	Sân Golf Ngôi Sao Chí Linh	-Công ty Cổ phần Ngôi Sao Chí Linh	- Du lịch thể thao (đánh golf)

	(xã Thái Học, huyện Chí Linh)	-UBND huyện Chí Linh	-Du lịch nghỉ dưỡng
--	--------------------------------	----------------------	---------------------

Phụ lục 2:

CÁC TUYẾN SÔNG CÓ KHẢ NĂNG KHAI THÁC TUYẾN DU LỊCH

TT	Tên sông	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)
1	Sông Kinh Thầy	Ngã 3 Lấu Khê	Ngã 3 Trại Sơn	44,5
2	Sông Kinh Môn	Ngã 3 Kèo	Ngã 3 Nồng	45,0
3	Sông Lai Vu	Ngã 3 Vũ Xá	Ngã 3 Cửa Dưa	26,0
4	Sông Giuà	Ngã 3 Mũi Gương	Ngã 3 Cửa Dưa	4,0
5	Sông Thái Bình	Ngã 3 Lấu Khê	Ngã 3 Mía Thái Bình	57,0
6	Sông Mạo Khê	Ngã 3 Bến Triều	Ngã 3 Bến Đụn	18,0
	Tổng Cộng			194,5

Phụ lục 3

THỐNG KÊ 167 DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA ĐƯỢC XẾP HẠNG

TT	Các di tích lịch sử văn hóa	Địa chỉ	Cấp xếp hạng
1	Đàn Thiện	Xã Thanh Giang, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
2	Đình Đông	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
3	Đình Đỗ Uông	Xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
4	Đình Thủ Pháp	Xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
5	Đền Từ Xá	Xã Đoàn Kết, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
6	Chùa Nhữ Xá	Xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
7	Đình Bảo Lâm	Xã Đoàn Tùng, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
8	Đền Từ Ô	Xã Tân Trào, huyện Thanh Miện	Cấp Tỉnh
9	Chùa Sộp	Xã Tân Trào, huyện Thanh Miện	Cấp Tỉnh
10	Đình Đỗ Lâm Thượng	Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
11	Đình Đỗ Lâm Hạ	Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
12	Đình Đạo Phái	Xã Phạm Kha, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
13	Nghè chùa Gia Cốc	Xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện	Cấp Quốc Gia
14	Chùa Phượng Hoàng Hạ	Thị trấn Thanh Miện	Cấp Tỉnh
15	Đình làng Hà Hải	Xã Hà Kỳ, huyện Tứ Kỳ	Cấp Tỉnh

16	Chùa Đông Dương	Xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ	Cấp Quốc Gia
17	Đình Tự Đông	Phường Cẩm Thượng, TP Hải Dương	Cấp Tỉnh
18	Đình Hàn Giang	Phường Quang Trung, TP Hải Dương	Cấp Tỉnh
19	Chùa Linh Thông	Phường Quang Trung, TP Hải Dương	Cấp Quốc Gia
20	Miếu Đình Văn Tả	Phường Quang Trung, TP Hải Dương	Cấp Quốc Gia
21	Chùa Đồng Niên	Xã Việt Hòa, TP Hải Dương	Cấp Quốc Gia
22	Đình chùa Nhị Châu	Phường Ngọc Châu, TP Hải Dương	Cấp Tỉnh
23	Đình Ngọc Uyển	Phường Ngọc Châu, TP Hải Dương	Cấp Quốc Gia
24	Đền Suốt	Phường Thanh Bình, TP Hải Dương	Cấp Quốc Gia
25	Đình-Đền-Chùa Bảo Sài	Phường Phạm Ngũ Lão, TP Hải Dương	Cấp Quốc Gia
26	Đình miếu Phúc Duyên	Phường Hải Tân, TP Hải Dương	Cấp Tỉnh
27	Chùa Vạn Phúc	Phường Hải Tân, TP Hải Dương	Cấp Tỉnh
28	Chùa Vĩnh Khánh	Xã An Bình, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
29	Đền thờ Đặng Huyền Thông	Xã Minh Tân, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
30	Đền Rầy	Xã Minh Tân, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
31	DT gốm sứ Chu Đậu	Xã Thái Tân, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
32	Đền Vũ	Xã Nam Hồng, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
33	Nghè Đồn	Xã Nam Hồng, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
34	Chùa Phúc Thắng	Xã Ái Quốc, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia

35	Đình Văn Xá	Xã Ái Quốc, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
36	Đình Vũ Xá	Xã Ái Quốc, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
37	Nhà lưu niệm Bác Hồ	Xã Ái Quốc, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
38	Chùa Kỳ Đà	Xã Ái Quốc, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
39	Đền Lương Quốc Trạng Nguyên	Xã Nam Tân, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
40	Đình Vạn Niên	Thị trấn Nam Sách	Cấp Quốc Gia
41	Đình Hà Liễu	Xã Thanh Quang, huyện Nam Sách	Cấp Tỉnh
42	Đình Trần Xá	Xã Nam Hưng, huyện Nam Sách	Cấp Tỉnh
43	Lăng TS Trần Xuân Yển	Xã An Châu, huyện Nam Sách	Cấp Tỉnh
44	Đình Ngô Đông	Xã Nam Hưng, huyện Nam Sách	Cấp Tỉnh
45	Đình Ninh Xá	Xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
46	Đình Nội Hợp	Xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn	Cấp Tỉnh
47	Chùa núi Ngọc Sơn Lĩnh Động	Xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
48	Động Kính Chủ	Xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
49	Đình Lộ Xá	Xã Thăng Long, huyện Kinh Môn	Cấp Tỉnh
50	Chùa Khuê Bích	Xã Thượng Quận, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
51	Đình Khuê Bích	Xã Thượng Quận, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
52	Đền An Phụ	Xã An Sinh, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
53	Chùa Tường Văn	Xã An Sinh, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia

54	Đình Xạ Sơn	Xã Quang Trung, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
55	Đình chùa An Thủy	Xã Hiến Thành, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
56	Đình Huê Tri	Xã An Phụ, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
57	Đền Thiên Kỳ	Xã Hoàn Sơn, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
58	Hang chùa Mộ	Xã Tân Dân, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
59	Chùa Phương Điểm	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
60	Khu lăng mộ Nguyễn Chế Nghĩa	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
61	Đền Cuối	Thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
62	Đình làng Phú Thọ	Xã Thạch Khê, huyện Gia Lộc	Cấp Tỉnh
63	Đình Quán Đào	Xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
64	Miếu Rồng	Xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc	Cấp Tỉnh
65	Đình Liễu Tràng	Xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
66	Đình Đồng Tái	Xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
67	Đình Đồng Đội	Xã Thống Kênh, huyện Gia Lộc	Cấp Tỉnh
68	Chùa Dâu	Xã Nhật Tân, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
69	Đền Yết Kiêu	Xã Yết Kiêu, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
70	Cụm DT Phúc Chung	Xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
71	Cụm DT Đền Vàng	Xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia

72	Miếu Lai Cầu	Xã Hoàng Diệu, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
73	Đình An Tân	Xã Gia Tân, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
74	Đình Lãng Xuyên	Xã Gia Tân, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
75	Đình Cao Dương	Xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc	Cấp Tỉnh
76	Miếu Chợ Cốc	Xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
77	Đình Vo	Xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
78	Đền Đuôi	Xã Thống Nhất, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
79	Miếu Đồng Tâm	Xã Gia Lương, huyện Gia Lộc	Cấp Tỉnh
80	Đình Trình Xá	Xã Gia Lương, huyện Gia Lộc	Cấp Quốc Gia
81	Tháp cửu phẩm liên hoa	Xã Kim Tân, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
82	Đình Kiên Lao	Xã Đại Đức, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
83	Đình Mậu Thượng	Xã Đại Đức, huyện Kim Thành	Cấp Tỉnh
84	Đình Đính	Xã Đại Đức, huyện Kim Thành	Cấp Tỉnh
85	Tháp cửu phẩm liên hoa	Xã Kim Lương, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
86	Đình làng Lương Xá	Xã Kim Lương, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
87	Đình làng Mân Lộc	Xã Kim Lương, huyện Kim Thành	Cấp Tỉnh
88	Chùa Muống	Xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
89	Chùa Thừng	Xã Kim Đình, huyện Kim Thành	Cấp Tỉnh
90	Đình Chí Linh	Xã Nhân Huệ, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia

91	Đền Khê Khẩu	Xã Văn Đức, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
92	Đền Kênh Giang	Xã Kênh Giang, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
93	Đền Cao	Xã An Lạc, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
94	Đền Gốm	Xã Cổ Thành, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
95	Đình Triền	Xã Cổ Thành, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
96	Nghè Quan Sơn	Xã Cổ Thành, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
97	Đình Phao Tân	Xã Cổ Thành, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
98	Di chỉ gốm Linh Giàng	Xã Cổ Thành, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
99	Đình Đông	Xã Cổ Thành, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
100	Đền Hóa	Xã Lê Lợi, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
101	Đền Sinh	Xã Lê Lợi, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
102	Đền Trung Quê	Xã Lê Lợi, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
103	Tiểu ản cổ bích	Xã Văn An, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
104	Tình phi cổ pháp	Xã Văn An, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
105	Huyền Thiên Cổ Tự	Xã Văn An, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
106	Di chỉ gốm Kiệt Đoài	Xã Văn An, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
107	Mộ chi N.P. Khanh	Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
n	Chùa Thanh Mai	Xã Hoàng Hoa Thám, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
109	Đền Bắc Đẩu	Xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh

110	Đền Nam Tào	Xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
111	Đền Kiếp Bạc	Xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
112	Chùa Nam Tào	Xã Hưng Đạo, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
113	chùa Côn Sơn	Xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh	Cấp Quốc Gia
114	Ngũ nhạc Linh từ	Xã Cộng Hòa, huyện Chí Linh	Cấp Tỉnh
115	Chùa Cao Xá	Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
116	Đình Cao Xá	Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
117	Văn miếu Mao Điền	Xã Cẩm Điền, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
118	Đình Quý Dương	Xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
119	Chùa Giám	Xã Cẩm Sơn, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
120	Đình Phú Lộc	Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
121	Đền Xưa	Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
122	Chùa Phú Lộc	Xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
123	Chùa Đan Tràng	Xã Đức Chính, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
124	Đền Bia	Xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
125	Đình Trạm Nội	Xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
126	Chùa Văn Thai	Xã Cẩm Văn, huyện Cẩm Giàng	Cấp Quốc Gia
127	Chùa Cảnh Linh, Đền Quýt	Xã Phú Thành, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
128	Đình Dương Thái	Xã Phú Thành, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia

129	Chùa Bạch Hàn	Xã Thanh Xá, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
130	Đình Thúy Lâm	Xã Thanh Sơn, huyện Kim Thành	Cấp Quốc Gia
131	Chùa Minh Khánh	Thị trấn Thanh Hà	Cấp Quốc Gia
132	Đình Lôi Động	Xã Tân An, huyện Thanh Hà	Cấp Quốc Gia
133	Chùa Cả	Xã Tân An, huyện Thanh Hà	Cấp Quốc Gia
134	Miếu Cả	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	Cấp Tỉnh
135	Đền An Liệt	Xã Thanh Hải, huyện Thanh Hà	Cấp Quốc Gia
136	Chùa Đồng Neo	Xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà	Cấp Quốc Gia
137	Chùa Đồng Ngõ	Xã Tiên Tiến, huyện Thanh Hà	Cấp Quốc Gia
138	Đình Cúc Bồ	Xã Kiến Quốc, huyện Ninh Giang	Cấp Quốc Gia
139	Chùa Trông	Xã Hưng Long, huyện Ninh Giang	Cấp Quốc Gia
140	Đền Cây Xanh (phủ Bà)	Thị trấn Ninh Giang	Cấp Tỉnh
141	Đền Tranh	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang	Cấp Tỉnh
142	Đình Giâm Me	Xã Đồng Tâm, huyện Ninh Giang	Cấp Tỉnh
143	Đình Đông	Xã Hồng Phong, huyện Ninh Giang	Cấp Quốc Gia
144	Đình Nhân Lý	Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách	Cấp Quốc Gia
145	Đình Lâu Động	Xã Phúc Thành, huyện Kinh Môn	Cấp Tỉnh
146	Đình Bùi Xá	Xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
147	Đền Phạm Đình Hồ	Xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia

148	Đình làng Trạch Xá	Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
149	Đình làng Mộ Trạch	Xã Tân Hồng, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
150	Đình Bằng Trai	Xã Vĩnh Hồng, huyện Bình Giang	Cấp Tỉnh
151	Đình Nhân Văn Kiệt	Xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
152	Chùa Cậy	Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
153	Đền Cậy	Xã Long Xuyên, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
154	Nhà Mẫu	Xã Thái Học, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
155	Nhà thờ họ Nhữ	Xã Thái Học, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
156	Chùa Phú Khê	Xã Thái Học, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
157	Đình làng Cao Xá	Xã Thái Hòa, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
158	Chùa Châu Khê	Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
159	Đình Ngọc Cục	Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
160	Đình Châu Khê	Xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
161	Đình Quýt	Xã Lạc Long, huyện Bình Giang	Cấp Quốc Gia
162	Đình làng Châu Bộ	Xã Hiệp Hòa, huyện Bình Giang	Cấp Tỉnh
163	Hang Đốc Tít	Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
164	Chùa Hàm Long	Thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
165	Đền Như Uyên	Xã Long Xuyên, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
166	Chùa Hương Lai	Xã Minh Hòa, huyện Kinh Môn	Cấp Tỉnh

167	Đình Ninh Xá	Xã Lê Ninh, huyện Kinh Môn	Cấp Quốc Gia
-----	--------------	----------------------------	--------------

Phụ lục 04:

DANH MỤC CÁC LÀNG NGHỀ

TT	Tên làng nghề	Địa chỉ	Phân loại nghề	Công nhận làng nghề	Số hộ làm nghề (%)
1	Mây tre đan Đan Giáp	Xã Thanh Giang, H. Thanh Miện	Cổ truyền	Đã CN	70
2	Mây giang xiên và bánh đa thái Chi Lăng Bắc	Xã Chi Lăng Bắc, H. Thanh Miện	Truyền thống	Chưa CN	50
3	Bánh đa, mây giang xiên Đào Lâm	Xã Đoàn Tùng, H. Thanh Miện	Truyền thống	Đã CN	45,5
4	Bánh đa thái Hội Yên	Xã Chi Lăng Nam, H. Thanh Miện	Truyền thống	Đã CN	70
5	Theo ren Ô Mễ	Xã Hưng Đạo, H. Tứ Kỳ	Truyền thống	Đã CN	57,7
6	Thêu ren Xuân Nẻo	Xã Hưng Đạo, H. Tứ Kỳ	Cổ truyền	Đã CN	53,2
7	Làng sậy nông sản Mạn Đê	Xã Nam Trung, H. Nam Sách	Truyền thống	Đã CN	42
8	Mây tre đan Quốc Tuấn	Xã Quốc Tuấn, H. Nam Sách	Truyền thống	Đã CN	25
9	Gốm Chu Đậu	Xã Thái Tân, H. Nam Sách	Cổ truyền	Chưa CN	0
10	Làng nhuộm Đan Loan	Xã Nhân Quyền, H. Bình Giang	Cổ truyền	Chưa CN	5
11	Làng cơ khí Tráng Liệt	Xã Tráng Liệt, H. Bình Giang	Truyền thống	Đã CN	15
12	Làng bánh đa Sặt	Xã Tráng Liệt, H. Bình Giang	Cổ truyền	Đã CN	7
13	Làng gốm Sứ Cậy	Xã Long Xuyên, H. Bình Giang	Cổ truyền	Chưa CN	5

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

14	Làng làm lược bí Thái Học	Xã Thái Học, H. Bình Giang	Cổ truyền	Chưa CN	80
15	Vàng bạc Châu Khê	Xã Châu Khê, H. Bình Giang	Cổ truyền	Đã CN	46
16	Bánh đa Tổng Buồng	Xã Thái Thịnh, H. Bình Giang	Truyền thống	Đã CN	35,5
17	Chạm khắc đá Dương Nham	Xã Phạm Mệnh, H. Kinh Môn	Cổ truyền	Chưa CN	50
18	Gỗ mỹ nghệ Đông Giao	Xã Lương Điền, H. Cẩm Giàng	Cổ truyền	Đã CN	70
19	Rượu Phú Lộc	Xã Cẩm Văn, H. Cẩm Giàng	Cổ truyền	Đã CN	30
20	Bánh đậu xanh	TP. Hải Dương	Cổ truyền	Chưa CN	5
21	Làm bánh gai	Thị trấn Ninh Giang	Cổ truyền	Chưa CN	7
22	Nghề mộc Cúc Bò	Xã Kiến Quốc, H. Ninh Giang	Cổ truyền	Đã CN	20
23	Cốm đại thị trấn Gia Lộc	Thị trấn Gia Lộc	Truyền thống	Chưa CN	10
24	Giò chả thị trấn Gia Lộc	Thị trấn Gia Lộc	Truyền thống	Chưa CN	20
25	Nghề da giấy Phong Lâm	Xã Hoàng Diệu, H. Gia Lộc	Cổ truyền	Đã CN	36
26	Nghề da giấy Văn Lâm	Xã Hoàng Diệu, H. Gia Lộc	Cổ truyền	Đã CN	36
27	Nghề da giấy Trúc Lâm	Xã Hoàng Diệu, H. Gia Lộc	Cổ truyền	Đã CN	36
28	Nghề da dây Nghĩa Hy	Xã Hoàng Diệu, H. Gia Lộc	Cổ truyền	Đã CN	36
29	Mây tre đan Phương Hưng	Xã Phương Hưng, H. Gia Lộc	Truyền thống	Chưa CN	53,6
30	Làm thùng rọ Nại Trì	Xã Ngũ Hùng, H. Thanh Miện	Cổ truyền	Chưa CN	10
31	Làm chiếu cói Tân Kiều	Xã Thanh Hồng, H. Thanh Hà	Cổ truyền	Chưa CN	5
32	Làm bún Đông Cạn	Xã Tân Tiến, H. Gia Lộc	Cổ truyền	Đã CN	10

Phụ lục 5:

DANH MỤC 50 LỄ HỘI TIÊU BIỂU

TT	Tên lễ hội	Người được thờ	Thời gian mở hội	Các giá trị đặc trưng cần khôi phục
1	Đền Kiếp Bạc- Hưng Đạo- Chí Linh	Trần Hưng Đạo và gia đình	15- 20/ 8	Dâng hương, đọc chúc văn, lễ ban ấn, tế, lễ, rước bộ, rước thủy, trò thủy chiến, bơi chải, đấu vật, hầu thánh, thả đèn trời, xôi màu, bánh trong, bánh lọc, ...
2	Chùa Côn Sơn- Cộng Hòa- Chí Linh	Thờ Phật Thích ca và Trúc lâm tam tổ	15-20/ 1	Dâng hương, hát quan họ, hát xẩm, đấu vật, thư pháp, cờ tướng
3	Đền Cao- An Lạc- Chí Linh	Thờ năm anh em họ Vương(TK 11)	22- 23/ 1	Dâng hương, đọc chúc văn tế, lễ, rước bộ, đấu vật, cờ người
4	Chùa Thanh Mai- Hoàng Hoa Thám- Chí Linh	Thờ Phật theo thiên phái Trúc Lâm	1-3/3	Dâng hương, hát quan họ, hát xẩm, cờ tướng, du tiên
5	Đền Sượt- Thanh Bình- TP. Hải Dương	Thờ tướng Vũ Hữu	9-11/ 3	Dâng hương, đọc chúc văn, rước bộ, đánh

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

				bệt, cờ người, hát chèo, bơi thuyền, diễn xiếc, bánh trung
6	Đình Hàn Giang- Quang Trung- TP. Hải Dương	Thờ Đinh Văn Tả	7-9/3	Dâng hương, tế lễ, rước bộ, hát ca trù, đấu vật, cờ tướng, chọi gà
7	Đình Ngọc Uyên- Ngọc Châu- TP.Hải Dương	Thờ Đinh Viết Hưng và Lê Viết Quang tướng của Đinh Tiên Hoàng	13-15/3	Dâng hương, tế lễ, rước bộ, hát ca trù, đấu vật, cờ tướng, chọi gà, đập niêu
8	Văn Miếu Mao Điền- Cẩm Điền- Cẩm Giàng	Thờ Khổng Tử và các vị đại Nho	18/2	Dâng hương, tế lễ, rước bộ, lễ chữ, thư pháp, chọi gà
9	Đền Bia- Cẩm Văn- Cẩm Giàng	Thờ Đại danh y Tuệ Tĩnh	30/3- 1/4	Dâng hương, tế, cắt thuốc nam, hát tuồng, chèo, chọi gà, cờ người
10	Đền Xưa- Cẩm Vũ- Cẩm Giàng	Thờ Đại danh y Tuệ Tĩnh	14-16/2	Dâng hương, tế, cắt thuốc nam, hát tuồng, chèo, chọi gà, cờ người, rước bộ, cờ tướng
11	Chùa Giám- Cẩm Sơn- Cẩm Giàng	Thờ Phật và Tuệ Tĩnh thiền sư	14-16/2	Dâng hương, tế, rước bộ, hát chèo, cờ người, rôi nước
12	Đình Thạch Lỗi- Thạch Lỗi- Cẩm Giàng	Thờ Lý Bảo Quốc	12-14/2	Dâng hương, tế, kéo co, hát tuồng, chèo, chọi gà, cờ người, rước bộ, cờ tướng
13	Đình Mộ Trạch- Tân Hồng- Bình Giang	Thờ Vũ Hồn người Phúc Kiến (Trung Quốc) thời nhà Đường, là	7-8/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bắt vịt dưới ao, hát tuồng, chèo

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

		tổ họ Vũ ở Bình Giang		
14	Đền Cậy- Long Xuyên- Bình Giang	Thờ Bảo Phúc, võ tướng thời Hùng Vương (TK 18)	10-13/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bơi chải, cờ tướng, ca trò
15	Đình Châu Khê- Long Xuyên- Bình Giang	Thờ Dực Hồ Phạm Sĩ, người có công trong kháng chiến chống Nguyên Mông	18-20/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bắt vịt dưới ao, hát tuồng, chèo, thi lược gà
16	Đình Nhuận Trạch- Bình Minh- Bình Giang	Thờ Thành hoàng lang	8-10/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, lễ chữ
17	Đình Kim Trang đông, đình Kim Trang tây- Lam Sơn- Thanh Miện	Thờ Trương Phu Duyệt đỗ tiến sĩ năm 1720	13-15/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bắt vịt dưới ao, hát tuồng, chèo
18	Đình Đạo Phái- Phạm Kha- Thanh Miện	Thờ Trần Thiện Hữu	8- 10/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bắt vịt dưới ao, hát tuồng, chèo, đi cầu thùm, đập niêu, chọi gà, kéo co, biểu diễn xiếc
19	Nghè Gia Cốc- Tứ Cường- Thanh Miện	Thờ Thái sư Lê Trung Hoa thời Lý có công đánh giặc Tống	13-17/3	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bắt vịt dưới ao, hát tuồng, chèo, đi cầu thùm, đập niêu, chọi gà, kéo co
20	Đình Thủ Pháp- Đoàn Kết- Thanh Miện	Thờ Cao Sơn đại vương- có công đánh giặc thời Hùng Vương	12-15/3	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, hát chèo, tạo hình tứ linh
21	Chùa Bạch Hảo- Thanh Xá- Thanh Hà	Thờ Phật và Trần Nhân Tông	5-6/1	Dâng hương, bắt vịt dưới ao, đi cầu thùm,

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

				đập niêu, nấu cơm thi
22	Chùa Minh Khánh- Thị trấn Thanh Hà	Thờ Phật theo phái Đại Thừa	28-29/11	Dâng hương, đi cầu thùm, đập niêu, kéo co, đấu vật, thi bày mâm ngũ quả, cờ người
23	Đình Lôi Động- Tân An- Thanh Hà	Thờ Yết Kiêu_danh tướng thời Trần; Nguyễn Hữu Cầu_lãnh tụ cuộc khởi nghĩa nông dân TK 18	12-13/3	Dâng hương, tế, đi cầu thùm, đập niêu, chơi gà, kéo co, múa xúc tép, hát chèo
24	Chùa Minh Khánh (An Liệt)- Thanh Hải- Thanh Hà	Thờ Phật	20/1	Dâng hương, đấu vật, chơi gà, cờ người, biểu diễn múa rối nước
25	Đình Nhân Lý- Thị trấn Nam Sách	Thờ Đào Tuấn Lương và 18 vị Tiến sĩ họ Trần, Nguyễn, Phạm	4/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, hát chèo, ca trù, kéo co, đập niêu, cầu thùm
26	Đình Đâu- Hợp Tiến- Nam Sách	Thờ Phật Minh_ công chúa thời Trần	12-13/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, hát chèo, cờ tướng, bắt vịt, chơi gà
27	Đình Chu Đậu- Thái Tân- Nam Sách	Thờ Thành hoàng làng	9-10/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, trưng bày sản phẩm gốm, hát chèo, cờ tướng, bắt vịt, chơi gà, hát đối
28	Đền Long Động- Nam Tân- Nam Sách	Thờ Lương quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi	9-11/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, cầu thùm, cờ tướng, đập niêu
29	Đình Khánh Hội- Nam Đồng- Nam Sách	Thờ Thành hoàng làng	20-22/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, , hát chèo, cờ tướng, bắt vịt, chơi gà, cầu thùm,

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

				đu tiên, bịt mắt bắt dê
30	Đình Vạn Niên- Thị trấn Nam Sách	Thờ Thành hoàng làng Nguyễn Quý Minh_ người có công giúp nhà Lê đánh giặc	12-14/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, đấu vật, cờ người, chọi gà, kéo co
31	Đền Cúc Bồ- Kiến Quốc- Ninh Giang	Thờ Khúc Thừa Dụ và Thành hoàng làng là Dương Quý Hiền	8-9/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, hát chèo, cờ tướng, thả nển trong niêu đất thả trên sông Luộc, ca trù
32	Đền Tranh- Đồng Tâm- Ninh Giang	Thờ Quan lớn Tuần Tranh (theo tín ngưỡng thờ thủy thần của người Việt)	10-12/2	Dâng hương, rước, tế nam tế nữ, hát châu văn, pháo đất, kéo co, cờ tướng, chọi gà
33	Chùa Trông- Hưng Long- Ninh Giang	Thờ Nguyễn Minh Không và thờ Phật	15-30/3	Dâng hương, rước bộ, chọi gà, cờ người, biểu diễn chèo, rỗi nước
34	Đình Bồ Dương- Hồng Phong- Ninh Giang	Thờ Cao Xuân Hựu_ vị tướng thời Hùng vương thứ 18	13-15/3	Dâng hương, đọc chú văn, tế, rước bộ, chọi gà, múa rỗi nước, thả đèn trời, pháo đất
35	Đình Trịnh Xuyên- Nghĩa An- Ninh Giang	Thờ Vũ Đức Phong	9-12/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, pháo đất, cờ tướng, biểu diễn chèo, kéo co
36	Đình Phương Điểm- Thị trấn Gia Lộc	Thờ Nguyễn Chế Nghĩa_ danh tướng thời Trần và Đỗ Quang_ sĩ phu Bắc Hà tại Gia Định	26-28/8	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, đập niêu, bắt vịt, hát chèo

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

37	Đền Vàng- Gia Xuyên- Gia Lộc	Thờ 7 vị đại vương	7-9/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, hát đối, kéo co, chọi gà, cờ tướng, đấu vật, hát chèo
38	Miếu Cốc- Gia Khánh- Gia Lộc	Thờ Nguyễn Công Nguyên_ vị tướng thời Lý TK 12	11-13/1	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, đập niêu, cầu thùm, múa rối nước, hát chèo
39	Đền Quát- Yết Kiêu- Gia Lộc	Thờ Yết Kiêu_ danh tướng thời Trần TK 13	7-8/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, bơi chải, cờ tướng , hát chèo
40	Đình Trúc Lâm- Hoàng Diệu- Gia Lộc	Thờ ông tổ thuộc da đóng giày	10-11/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, đập niêu, bịt mắt bắt dê, kéo co, chọi gà, hát chèo
41	Đền Cuối – Thị trấn Gia Lộc	Thờ Nguyễn Chế Nghĩa	26-28/2	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, đập niêu, hát chèo
42	Chùa Phúc Lâm- Minh Đức- Tứ Kỳ	Thờ Phật	30/1-3/2	Dâng hương, tế, rước bộ, hát chèo, pháo đất
43	Đình Ngọc Lâm- Tân Kỳ- Tứ Kỳ	Thờ Thành hoàng làng	7-9/2	Dâng hương, tế, rước bộ, đấu vật, cầu thùm, bắt vịt, kéo co, hát chèo
44	Chùa Hiền Sỹ- Tân Kỳ- Tứ Kỳ	Thờ Phật	9-10/1	Dâng hương, nấu com bằng đước, thi giã cốm, hát chèo
45	Miếu Phạm Xá- Ngọc Sơn- Tứ Kỳ		8-10/1	Dâng hương, tế, rước bộ, đấu vật, cầu thùm, leo cầu, kéo co, bịt mắt bắt dê, hát chèo

46	Đền Cao- An Sinh- Kinh Môn	Thờ An sinh vương Trần Liễu	1/4	Dâng hương, tế, rước bộ, hầu thánh, hát châu văn, ca trù
47	Chùa trong và ngoài động Kính Chủ- An Phụ	Thờ Phật và Minh Không thiền sư, Lý Thần Tông, Huyền Quang tôn giả		Dâng hương
48	Đình Huê Trì- An Phụ- Kinh Môn	Thờ Thiện Nhân, Thiện Khánh là nữ tướng của Hai Bà Trưng	7-10/3	Dâng hương, đọc chúc văn, tế, rước bộ, cờ người, cờ tướng, đập niêu, hát ca trù, hát chèo
49	Đình Ngự Uyên-Long Xuyên-Kinh Môn	Thờ 7 anh em họ Phạm phù Lê chống Minh	15-18/1	Dâng hương, tế, rước bộ, kéo co, cầu thùm, chọi gà, đập niêu, hát ca trù, hát chèo
50	Đình Nội Hợp- Lê Ninh- Kinh Môn	Thờ 1 vị tướng giúp Lý Thường Kiệt	15-18/3	Dâng hương, tế, rước bộ, cầu thùm, kéo co, bắt vịt, đập niêu, ca trù, hát chèo

Phụ lục 6:

QUY MÔ CƠ SỞ LƯU TRÚ DU LỊCH TRÊN ĐỊA BÀN HẢI DƯƠNG

Tính đến 31 tháng 12 năm 2008

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Năm hoạt động	Xếp hạng	Tổng số		Loại hình DL
						Buồng	Giường	
1	KS Nam Cường HD	Số 10 Đại lộ 30/10- TPHD	3 894 888	2006	4 sao	181	300	TNHH
2	KS Hữu Nghị	Số 1 Đoàn Kết-TPHD	3 855 859	1995	2 sao	25	50	TNHH
3	KS ASEAN	168 Trần Hưng Đạo- TPHD	3 857 352	2003	2 sao	20	35	TNHH
4	KS Phương Uyên	Km 52 Cẩm Thượng- TPHD	3 858 858	2003	2 sao	32	60	DNTN
5	KS 555 Hương Nguyên	Ngã tư Bến Hàn- TPHD	3 844 555	2003	2 sao	40	70	DNTN
6	KS Phả Lại	Lục Đầu Giang- Thị trấn Phả Lại- Chí Linh	3 880 316	2003	2 sao	51	100	CTCP
7	KS Âu Cơ	1B Nguyễn Hữu Cầu- TPHD	3 253 388	2006	2 sao	20	42	DNTN
8	KS Phương Đông	Km4 Nguyễn Lương Bằng- TPHD	3 892 223	2001	1 sao	30	60	TNHH
9	KS Phan Anh	28 Ngô Thị Nhậm- TPHD	3 845 090	2003	1 sao	20	35	TNHH
10	KS Tùng Lâm	28 Ngô Thị Nhậm- TPHD	3 859 030	2003	1 sao	20	32	DNTN
11	KS Hoàng Nguyên	444 Nguyễn Lương Bằng- TPHD	3 891 859	2003	1 sao	20	40	DNTN
12	KS Thanh Long	Lai Cách- Cẩm Giàng	3 785 158	2002	1 sao	30	62	DNTN

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

13	KS Hoàng Gia	16 Đoàn Kết- TPHD	3 833 721	2005	1 sao	20	40	DNTN
14	KS Thủy Tạ Đồng Xanh	1 Nguyễn Hữu Cầu- TPHD	3 847 450	2007	1 sao	30	50	DNTN
15	KS Hoàng Long	9 Ngô Thị Nhậm- TPHD	3 842 842	2003	1 sao	20	36	DNTN
16	KS Thanh Bình	27 Ngô Quyền- TPHD	3 891 391	2002	NN ĐTC	35	50	DNTN
17	KS Công Đoàn Côn Sơn	Cộng Hòa- Chí Linh	3 882 630	1987	1 sao	47	110	CTCP
18	KS Hòa Bình	32/78 Quán Thánh- TPHD	3 882 033	2000	Chờ BS	30	50	DNTN
19	KS Tây Đô	440 Nguyễn Lương Bằng- TPHD	3 890 215	2004	Chờ BS	18	30	TNHH
20	KS Hoa Hồng	Hồng Quang- TPHD	3 853 782	1980	KS ĐTC	50	100	CTCP
21	NN Bình Minh	1A5 Đoàn Kết- TPHD	3 855 569	2000	NN ĐTC	13	25	DNTN
22	NN Hương Giang	9 Đoàn Kết- TPHD	3 852 126	1997	NN ĐTC	10	15	DNTN
23	KS Sông Hương	Khu 3 Ngọc Châu- TPHD	3 845 324	2004	KS ĐTC	18	22	DNTN
24	NN Tân Hương	116 Quán Thánh- TPHD	2 210 346	2001	NN ĐTC	12	12	DNTN
25	KS Vương Anh	6/90 Quán Thánh- TPHD	2 210 866	2004	KS ĐTC	21	34	DNTN
26	KS Nghi Xôm	Cẩm Khê- Tứ Minh- TPHD	3 891 055	2006	KS ĐTC	24	27	DNTN
27	NN Hưng Hà	Đoàn Kết- TPHD	3 854 735	2000	NN ĐTC	16	16	HKDCT
28	NN Phương Nam	Số 7 Đoàn Kết- TPHD	3 857 909	2000	NN ĐTC	16	16	HKDCT
29	NN Thăng Lợi	Đường Quang Trung- TPHD	3 848 855	2008	NN ĐTC	24	30	DNTN
30	NN Minh Tân	Khu I Ngọc Châu- TPHD		2002	NN ĐTC	12	14	HKDCT

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

31	NN Trần Sùng	64 Quán Thánh- TPHD	3 852 866	2002	NN ĐTC	16	19	HKDCT
32	NN Hồng Vân	Khu I Ngọc Châu- TPHD	3 841 174	2004	NN ĐTC	18	18	HKDCT
33	NN Nhật Trường	1054 Lê Thanh Nghị- TPHD	3 861 783	2008	NN ĐTC	18	20	HKDCT
34	NN Thái Bình	Khu II Ngọc Châu- TPHD	3 859 658	2000	NN ĐTC	18	18	HKDCT
35	NN Thanh Lan	4/2 Hồng Quang- TPHD	3 840 088	2000		20	26	HKDCT
36	NN Phương Lan	36 Nguyễn Lương Bằng- TPHD	3 892 141	2003	NN ĐTC	15	17	HKDCT
37	NN Làng Tôi	Khu III Ngọc Châu- TPHD	3 847 322	2003	NN ĐTC	19	19	HKDCT
38	NN Băng Tâm	108B Đinh Văn Tả- TPHD	3854 075	2002	NN ĐTC	10	12	HKDCT
39	NN Anh Anh	Khu I Ngọc Châu- TPHD	3 842 638	2000	NN ĐTC	16	17	HKDCT
40	NN Bốn Mùa	16 Tân Kim- TPHD	3 892 165	2000	NN ĐTC	18	20	HKDCT
41	NN Sông Lô	Lô 53- 16, Khu Đô thị phía Đông- TPHD	3 240 091	2007	NN ĐTC	29	29	DNTN
42	KS Thanh Bình 2	Côn Sơn- Cộng Hòa- Chí Linh	3 856 270	2006	KS ĐTC	27	44	DNTN
43	NN Lan Anh	Cộng Hòa- Chí Linh	3 882 803	2002	NN ĐTC	13	24	DNTN
44	NN Hồng Nhung 1	Cộng Hòa- Chí Linh	3 587 912	1998	NN ĐTC	11	26	TNHH
45	NN Hồng Nhung 2	Cộng Hòa- Chí Linh	3 883 537	2002	NN ĐTC	22	40	TNHH
46	NN Huy Hoàng	Tiên Sơn- Cộng Hòa- Chí Linh	3 883 812	2003	NN ĐTC	18	28	DNTN
47	NN Huy Hoàng 1	Lôi Động- Cộng Hòa- Chí Linh	3 883 464	2003	NN ĐTC	13	18	DNTN
48	KS Duyên Hải	Lôi Động- Cộng Hòa- Chí Linh	3 883 656	2004	KS ĐTC	18	26	DNTN

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

49	KS Mạnh Hùng	Tân Tiến- Cộng Hòa- Chí Linh	3 882 847	2004	KS ĐTC	14	22	HKDCT
50	NN Tiến Dũng	Văn An- Chí Linh	3 229 948	2007	NN ĐTC	8	8	HKDCT
51	KS Khánh Hồng	Tiên Sơn- Cộng Hòa- Chí Linh	3 882 105	2004	KS ĐTC	14	20	TNHH
52	NN Hoàng Hào	Cộng Hòa- Chí Linh	3 883 112	1999	NN ĐTC	10	10	HKDCT
53	NN Việt Hòa	Lôi Động- Cộng Hòa- Chí Linh	3884 242	2001	KS ĐTC	17	26	HKDCT
54	NN Mỹ Huyền	55 Bình Dương- TT Phả Lại	3 881 285	2002	NN ĐTC	9	10	DNTN
55	NN Thu Hường	Thái Học2-TT Sao Đỏ- Chí Linh	3 882 870	2000	NN ĐTC	44	4	HKDCT
56	NN Thanh Hương	Cộng Hòa- Chí Linh	3 884 975	2002	NN ĐTC	12	17	HKDCT
57	NN Hồng Quân	TT Phả Lại- Chí Linh	3 881 721	2001	NN ĐTC	7	10	HKDCT
58	NN Hoàng Hiệp	Hoàng Tân- Chí Linh	3 590 197	2005	NN ĐTC	10	24	DNTN
59	NN Phương Nam	Phố Mới- Thạch Khôi- Hải Dương	3 860 197	2005	NN ĐTC	16	19	HKDCT
60	NN Hương Nhung	An Mô- Lê Lợi- Chí Linh	3 860 120	2007	NN ĐTC	8	16	HKDCT
61	NN Hải Minh	Xóm mới Ái Quốc- Nam Sách	3 752 674	2005	NN ĐTC		15	DNTN
62	NN Đăng Khoa	Khu công6 An Lâm-Nam Sách	3 756 666	2007	NN ĐTC	10	12	DNTN
63	NN Phúc Vinh	QL 183-Tiền Trung-Nam Sách	3 753 991	2007	NN ĐTC	15	24	DNTN
64	KS Bảo Ngọc	Lai Cách- Cẩm Giàng	3782 120	2006	KS ĐTC	11	14	TNHH
65	NN Ánh Dương	Tân Trường- Cẩm Giàng	3 785 453	2003	NN ĐTC	15	12	DNTN

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

66	NN Việt Hoa	TT An Lưu- Kinh Môn	3 882 179	2001	NN ĐTC	17	19	DNTN
67	NN Thành Long	TT An Lưu- Kinh Môn	3 826 409	2003	NN ĐTC	12	20	DNTN
68	NN Ngọc Sơn	Phạm Xá-Ngọc Sơn-Hải Dương	3 748 144	2007	NN ĐTC	7	12	HKDCT
69	NN Trọng Vinh	TT Phú Thái- Kim Thành	3 721 199	2002	NN ĐTC	10	22	DNTN
70	NK liên đoàn Lao Động	Đường Chi Lăng- TPHD	3 857 082	1995	ĐTC	30	73	TCXH
71	NK Tỉnh Ủy	89 Bạch Đằng- TPHD	3853 157	1994		50	88	NK
72	NK Quân khu 3	TT Sao Đỏ- Chí Linh	3 882 289	1999		45	90	NK
73	NK Hồ Côn Sơn	Cộng Hòa- Chí Linh	3 882 982	1998		57	106	NK
74	CHDL Hải Dương Xanh	Nam Sách	3 752 009	2008	Chờ BS	20	36	CTCP
75	KS Tiến Đạt	Cẩm Phúc- Cẩm Giàng	3 784 389	2005	Chờ BS	20	26	CTCP
76	NN Trung Hiếu	Kinh Môn	3 827 900	2006	Chưa XH	14	20	HKDCT
77	NN Tuấn Vũ	Bóng- Gia Lộc	3 764 555	2008	Chưa XH	10	14	HKDCT
78	NN Nga Hùng	TT Sao Đỏ- Chí Linh	3 826 888	2008	Chưa XH	12	18	HKDCT
79	NN Sơn Ca	Phú Thái- Kim Thành	3 882 568	2008	Chưa XH	8	10	HKDCT
80	NN Huyền Trang	Phú Thái- Kim Thành	3 724 567	2008	Chưa XH	8	15	HKDCT
81	NN Hòa Bình	Kinh Môn	3 882 699	2008	Chưa XH	10	20	HKDCT
82	NN HB	Hoàng Diệu- Gia Lộc	3 762 538	2008	Chưa XH	10	20	HKDCT
83	NN Sao Mai	Phú Thái- Kim Thành	3 729 145	2008	Chưa XH	12	22	HKDCT
84	NN Phương Huy	Cầu Gõ- TT Gia Lộc-Gia Lộc	768 995	2008	Chưa XH	7	12	HKDCT

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

85	NN Hilton	Chợ Hui- Gia Lộc	763 589	2008	Chưa XH	15	15	HKDCT
86	NN Quang Duy	Khu Đông Nam Cường- TPHD	3 830 491	2007	Chưa XH	10	12	HKDCT
87	NN Thủy Tiên	Nam Sách	3 723 366	2008	Chưa XH	15	30	HKDCT
88	NN Trong Mơ	Minh Tân- Kinh Môn	3 886 758	2008	Chưa XH	10	16	HKDCT
89	NN Việt Anh	Sắt- Bình Giang	377 985	2008	Chưa XH	15	15	HKDCT
90	NN Quê Hương	Tiền Tiến- Thanh Hà	6 220 150	2007	Chưa XH	12	12	HKDCT
91	NN Hương Sen	TT Sao Đỏ- Chí Linh	3 725 354	2007	Chưa XH	13	15	HKDCT
92	KS Sao Đỏ	TT Sao Đỏ- Chí Linh	3 992 089	2008	Chưa XH	50	60	CTCP
93	NN Hàn Quốc	đường Thanh Niên- TPHD	3 891 666	2007	Chưa XH	12	12	HKDCT
94	NN Bình Yên	đường Thanh Niên- TPHD	3 856 370	2007	Chưa XH	10	12	HKDCT
95	NN Tuấn Hưng	đường Thanh Niên- TPHD	3 843 477	2007	Chưa XH	10	15	HKDCT
96	NN Quang Minh	Chân Cầu Cong	3 863 692	2007	Chưa XH	8	14	HKDCT
97	KS Sao Mai	Ngô Quyền- TPHD	3 892 005	2008	Chưa XH	16	30	DNTN
98	NN Nam Cường	Chân Cầu Cong	3 210 547	2007	Chưa XH	10	13	HKDCT
99	NN Vân Quang	31 Đoàn Kết- TPHD	6 210 466	2005	Chưa XH	10	17	HKDCT
100	KS Hải Dương	Khu dân cư lắp máy 69-3	6 222 656	2009	Chưa XH	10	24	DNTN
	TỔNG SỐ					1977	3203	

Phu lục 7:

DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ VẬN CHUYỂN KHÁCH

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Năm hoạt động	Điện thoại	Loại xe (chỗ ngồi)	Tổng số xe
I	Doanh nghiệp					
1	Công ty liên doanh Seoul	Số49 Bắc Sơn-TP. Hải Dương		831919- 857705	15-24-29-35	75
2	Công ty TNHH Thế Lân	Số2-khu 2-Bình Hàn- TPHD	2001	855627-850850	4-9-12-35	29
3	Công ty vận tải du lịch Tiến Thành	Số 7 đường Hồng Quang- TPHD	2000	854216	4-15-24-29-35	32
4	Công ty vận chuyển khách Du Lịch Nam Việt Cường	Số 129 Lê Thanh Nghị- TPHD	2002	852955-855716	4-12-15-24-29	55
5	Công ty vận tải hành khách Lâm Hải	Số 44 Chương Mỹ- TPHD	2001	853266	4-12-15-24-29	22
6	Công ty TNHH Trường Giang	Số 113B Phạm Ngũ Lão- TPHD	2002	853927-850558	4-12-15-24-29	45
7	Công ty TNHH vận tải hành khách Cường Lợi	125 Lê Thanh Nghị- TPHD	2002	858404	4-15-24-29	37
8	XN TM Du lịch và Xây dựng 27-7	31/102 Trần Hưng Đạo- TPHD	2003	851548	24- 35- 45	50
9	Công ty vận chuyển hành khách và du lịch Trường Sơn	61 đường An Ninh- TPHD	2003	854722	4-12-15-24-29	35
10	Công ty vận tải Hồng Dương	101 Tuệ Tĩnh- TPHD	2004	852422	4-9-15-24-29	35

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

11	Công ty ô tô vận tải hành khách Vân Thanh	1019 Lê Thanh Nghị- TPHD	2004	854596	24- 45	45
12	Công ty vận tải DL và TM Hùng Xuân	Số 52- Đền Thánh- TPHD	2005	841932	4-12-15-24-29	28
13	Doanh nghiệp Trung Dũng	Tiền Trung- Ái Quốc- TPHD	2005	753319	4-12-15-24-29	15
14	Công ty CP vận tải hành khách Hưng Thịnh	9A-khu 8/1022 Hải Tân- TPHD	2006	861417	4-12-15-24-29	35
15	Công ty CP vận chuyển khách du lịch Thành Dương	Số 147 đường Chi Lăng- TPHD	2006		4-12-15-24-29	45
16	Chi nhánh công ty vận chuyển hành khách số 14	Km5 Tứ Minh- TPHD	2007	891759	4-12-15-24-29	42
17	Công ty xây dựng và phát triển Phú Minh	101 Phạm Ngũ Lão- TPHD	2008	852005	4-12-15-24-29	30
II	Tư nhân					
1	Tuấn Minh	10 Đồng Xuân- TPHD	2000	855553	4- 24	8
2	Ngọc Tiến	Số 7 Tuệ Tĩnh- TPHD	2007	855205	15- 24	15
3	Chí Dũng	34 Lý Thường Kiệt- TPHD	2007	0913.356.004	09/04/2024	12
4	Hưng An- Thị trấn Thanh Miện		2008	736 445	15- 24- 35	10

Phụ lục 8:

ĐƠN VỊ KINH DOANH LỮ HÀNH

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Điện thoại	Loại hình
1	Công ty DL- TM Phương Đông	36 Dã Tượng- TPHD	843 163	Nội địa
2	Công ty du lịch Đông Nam Á	51 Hồng Quang- TPHD	850 288	Nội địa
3	Công ty DL và Xuất Nhập Khẩu Hoa Anh Đào	173 Tuệ Tĩnh- TPHD	832 774	Nội địa
4	Công ty DL và TM Hạ Long	158 Chương Mỹ- TPHD	831 151	Nội địa
5	Công ty DL và KS Hải Dương	Số 7 Hồng Quang- TPHD	842 239	Nội địa
6	Công ty CP Du lịch Hoa Việt	Khu 5 Việt Hòa- TPHD	896 618	Nội địa
7	Công ty CP TM và DL Nam Cường	Điện Biên Phủ- TPHD		Nội địa
8	Công ty Du lịch Thiên Long	Đường Chi Lăng- TPHD		Nội địa
9	Công ty du lịch Thiên Long- Quảng Ninh	Đường Hòa Bình- TPHD		Nội địa
10	Nhà khách liên đoàn Lao động	Đường Chi Lăng- TPHD		Nội địa
11	Công ty CP DL Nữ Hoàng- QueenTour	39 Đại lộ Hồ Chí Minh- TPHD	235 668	Nội địa + Quốc tế
12	Công ty TNHH TM và DL Tri Thức Việt	255 Trần Hưng Đạo- TPHD	3 464 468	Nội địa

13	Công ty CP đầu tư Công nghệ Quốc tế Thịnh Phát	268 Nguyễn Lương Bằng- TPHD		Nội địa
----	--	-----------------------------	--	---------

Phụ lục 9:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2001- 2008

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư/ Hình thức đầu tư	Địa chỉ	Vốn đầu tư
I	Các dự án đầu tư mới từ năm 2001 đến nay			1919
1	Khu nghỉ dưỡng cao cấp, vui chơi giải trí, mua sắm	CTCP Công nghiệp và dịch vụ Cao Cường	TT Sao Đỏ- Chí Linh- Hải Dương	100
2	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí Phú Khang	CTCP Phú Khang	Xã Phạm Mênh- Kinh Môn- Hải Dương	55,2
3	Dự án khu du lịch Trái Bàu	Công ty TNHH Hà Hải	Phía Đông TPHD	400
4	Khu du lịch sinh thái Đảo Ngọc	CTCP Nam Cường	Phía tây TPHD	500
5	Khu du lịch sinh thái và vui chơi giải trí	Công ty TNHH Hòa Hiệp	Khu 2- Ngọc Châu- TPHD	14
6	Khu du lịch sinh thái Hải Dương Xanh	Chi nhánh Công ty TM & SX Sơn Hải tại Hải Dương	Km56- QL 5- xã Nam Đồng- Nam Sách	30
7	Khu du lịch thái Thủy Tiên		Nam Sách-HD	25
8	Sân gôlf Ngôi sao Chí Linh	CTCP Sân gôlf Ngôi Sao Chí	Thái Học-Chí Linh-HD	300

		Linh		
9	Khu sinh thái Âu Cơ	DN Thăng Long	Số 1b Nguyễn Hữu Cầu-TPHD-HD	22
10	Khu biệt thự Phan Anh	Công ty TNHH Hữu Nghị	Số 1 Nguyễn Hữu Cầu-TPHD-HD	20
11	KS Thủy tạ Đồng Xanh	DNTN Tiến Dũng	Số 1 Nguyễn Hữu Cầu-TPHD-HD	18
12	KS 555 Hương Nguyên	DNTN Hương Nguyên	Ngã tư Bến Hàn-TPHD-HD	15
13	KS Phả Lại	CTCP CNDV Cao Cường	T Trán Phả Lại-Chí Linh HD	18
14	Nhà Hàng Sen Việt	Công ty TNHH Việt Tiệp	Khu 2 Ngọc Châu-TPHD-HD	22
15	KS ASEAN	Công ty TNHH Việt Tiệp	Khu 2 Ngọc Châu-TPHD-HD	20
16	KS Phương Nguyên	DN TM & DV Hữu Nghị	Km52 QL5 Cẩm Thượng-TPHD-HD	15
17	KS Phương Đông	Công ty TNHH Phúc Lộc	Km4 Nguyễn Lương Bằng-TPHD-HD	15
18	KS Hoàng Nguyên	DNTN Lê Hải Hà	444 Nguyễn Lương Bằng-TPHD	15
19	KS Tùng Lâm	DNTN Minh Nguyệt	28 Ngô Thị Nhậm – TPHD	13
20	KS Thanh Long	DNTN	TT Lai Cách- HD	11

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

21	KS Hoàng Gia	DNTN Tình Liên	16 Đoàn Kết- TPHD	10
22	KS Hoàng Long		Số 9 Ngô Thị Nhậm	8
23	KS Thanh Bình	DNTN TM&DV Hữu Phong	27 Ngô Quyền- TPHD	6
24	KS Thanh Bình II	DNTN TM&DV Hữu Phong	Chí Linh- Hải Dương	10
25	KS Công Đoàn Côn Sơn-Chí Linh- Hải Dương	Công ty DL & KS Công Đoàn Côn Sơn	Cộng Hòa- Chí Linh- Hải Dương	6
26	KS Hòa Bình		32/78 Quán Thánh- TPHD	5
27	KS Tây Đô	Công ty TNHH Đào Phương Hồng	440 Nguyễn Lương Bằng- TPHD	5
28	KS Hoa Hồng	CTCP DL KS Hải Dương	Hồng Quang- TPHD	8
29	NN Bình Minh	Hộ kinh doanh cá thể	1A5 Đoàn Kết- TPHD	5
30	KS Sông Hương	Hộ kinh doanh cá thể	Khu 3 Ngọc Châu- TPHD	4
31	NN Tân Hương	Hộ kinh doanh cá thể	116 Quán Thánh- TPHD	4
32	KS Vương Anh	Hộ kinh doanh cá thể	6/90 Quán Thánh- TPHD	6
33	KS Nghi Xôm	Hộ kinh doanh cá thể	Tứ Minh- TPHD	4
34	NN Thắng Lợi	Hộ kinh doanh cá thể	Đường Quang Trung- TPHD	4
35	NN Ánh Tuyết	Hộ kinh doanh cá thể	Khu 4 Cẩm Thượng- TPHD	5
36	NN Hồng Nhung II	Công ty TNHH Khánh Hồng	Cộng Hòa- Chí Linh- Hải Dương	4

37	NN Huy Hoàng	Hộ kinh doanh cá thể	Tiên Sơn- Chí Linh- Hải Dương	5
38	NN Lan Anh	Hộ kinh doanh cá thể	Cộng Hòa- Chí Linh- TPHD	6
39	NN Sông Lô	Hộ kinh doanh cá thể	Khu ĐT phía Đông TPHD	5
40	NN Anh Anh	Hộ kinh doanh cá thể	Khu I Ngọc Châu- TPHD	3
41	KS Mạnh Hùng	Hộ kinh doanh cá thể	Cộng Hòa- Chí Linh- Hải Dương	4
42	KS Khánh Hồng	Hộ kinh doanh cá thể	Cộng Hòa- Chí Linh- Hải Dương	3
43	NN Hoàng Hào	Hộ kinh doanh cá thể	Cộng Hòa- Chí Linh- Hải Dương	7
44	NN Việt Hòa	Hộ kinh doanh cá thể	Cộng Hòa – Chí Linh- Hải Dương	8
45	NN Mỹ Huyền	Hộ kinh doanh cá thể	TT Phả Lại- Chí Linh- Hải Dương	4
46	NN Hoàng Hiệp	Hộ kinh doanh cá thể	Hoàng Tân- Chí Linh- Hải Dương	5
47	NN Hương Nhung	Hộ kinh doanh cá thể	Lê Lợi- Chí Linh- Hải Dương	4
48	NN Hải Minh	DNTN Hải Minh	Ái Quốc- TPHD- Hải Dương	5

Phát triển du lịch bền vững ở Hải Dương

49	NN Đăng Khoa	Hộ kinh doanh cá thể	An Lâm- Nam sách- Hải Dương	3
50	NN Phúc Vinh	Hộ kinh doanh cá thể	Tiền Trung- TPHD	5
51	KS Bảo Ngọc	Công ty TNHH Bảo Ngọc	Lai Cách- Cẩm Giàng- Hải Dương	4
52	NN Ánh Dương	Hộ kinh doanh cá thể	Tân Trường- Cẩm Giàng- Hải Dương	3
53	NN Trọng Vinh	Hộ kinh doanh cá thể	Phú Thái- Kim Thành- Hải Dương	3
54	KS Tiến Đạt	CTCP Xuất Nhập Khẩu Tiến Đạt	Cẩm Phúc- Cẩm Giàng- Hải Dương	5
55	NN Tuấn Vũ	Hộ kinh doanh cá thể	Bóng- Gia Lộc- Hải Dương	4
56	NN Việt Anh	Hộ kinh doanh cá thể	TT Kẽ sắt- Bình Giang- Hải Dương	3
57	NN Quang Minh	Hộ kinh doanh cá thể	Khu ĐT phía Đông TPHD	4
58	KS Sao Mai	Hộ kinh doanh cá thể	Ngô Quyền- TPHD	5
59	NN HB	Hộ kinh doanh cá thể	Hoàng Diệu- Gia Lộc- Hải Dương	3
60	Các đơn vị khác (Các hộ kinh doanh lưu trú khác,các đơn vị lữ hành, các đơn vị vận chuyên (50 đơn vị)			148

II	Các đơn vị kinh doanh trước đầu tư sửa chữa nâng cấp, mở rộng kinh doanh	144
Tổng cộng I + II		2063

